

15 THÁNG 7 NĂM 1969

BACH KHOA

T H Ồ I - Đ Ạ I

năm mười ba

ĐOÀN THÊM đọc đạo luật về Quy chế chính đảng .
VIỆT PHƯƠNG Okinawa đi về đâu * TƯ TRÌ Georges
Pompidou, tân Tổng-thống Cộng hòa Pháp . ĐOÀN
NHẬT TẤN Gia-huấn-ca và nền học cũ * ĐỖ BẰNG
ĐOÀN và ĐỖ TRỌNG HUỀ con cháu vừa Lý từ
Việt-nam di cư sang Đại-hàn dân quốc * PHẠM VIỆT
CHÂU trăm Việt trên vùng định mệnh : Miền điện .
PHẠM TRỌNG NHÂN xã giao và nghi lễ . BIÊN HỒ
cuộc săn người tàn bạo * HUỲNH CÔNG AN Lão
già trên sông * LÊ ĐÌNH PHẠM PHÚ tưởng nhớ
Nguyễn Nho Nhượng * NGUYỄN NHO NHƯỢNG
những lời sương khói . ĐÔNG TRÌNH trong
thành phố cổ - tích * HOÀNG NGỌC CHÂU lòng
thấy như là * PHƯƠNG HOA SỬ đá buồn đỉnh
núi . PHẠM MỸ KHÁNH gửi một cô bé mới
quen . **SINH HOẠT** thời sự
chính trị * thời sự khoa
học * thời sự văn nghệ

301



Activité locale accrue sans répercussions générales

l'Hydrocortancyl

en applications topiques

crème

Flacon de 8 g à 0,5 p. 100
de delta-hydrocortisone
dans un excipient fluide,
non gras, hydrodispersible

collyre

Flacon compte-gouttes
contenant 3 ml soit 15 mg
de principe actif, d'une
suspension d'acétate
de delta-hydrocortisone
titrée à 0,5 p. 100

gouttes nasales

Acétate de delta-hydro-
cortisone en suspension
aqueuse titrée à 0,50 p. 100
Flacon de 8 ml

LES LABORATOIRES ROUSSEL

35, BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 7^e

ROUSSEL VIETNAM, 6, Boulevard Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA, 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A

THỜI - ĐẠI

Số 301 ngày 15-7-1969

ĐOÀN THÊM đọc đạo luật về Quy chế chính đảng	5
VIỆT PHƯƠNG Okinawa đi về đâu	9
TỪ TBI Georges Pompidou, tân Tổng-thống Cộng-hòa Pháp	17
ĐOÀN NHẬT TẤN gia-huấn-ca và nền học cũ	19
ĐỖ BẢNG ĐOÀN và ĐỖ TRỌNG HUỀ lịch sử bang giao Hàn Việt : con cháu vua Lý từ Việt-nam di cư sang Đại-hàn dân-quốc	27
PHẠM VIỆT CHÂU trăm Việt trên vùng định mệnh : Miến- Điện đấu tranh giành độc-lập về chính trị và chủ quyền kinh tế	33
PHẠM TRỌNG NHÂN xã giao và nghi lễ	39
BIÊN HỒ cuộc săn người tàn bạo (truyện)	47
HUỲNH CÔNG ÂN lão già trên sông (truyện)	53
LÊ ĐÌNH PHẠM PHÚ tưởng nhớ Nguyễn Nho Nhượng	57
NGUYỄN NHO NHƯỢNG những lời sương khói (thơ)	59
ĐÔNG TRÌNH trong thành phố cổ tích (thơ)	62
HOÀNG NGỌC CHÂU lòng thấy như là (thơ)	62
PHƯƠNG HOA SỬ đá buồn đỉnh núi (thơ)	65
PHẠM MỸ KHÁNH gửi một cô bé mới quen (nhật ký quân trường)	65
SINH HOẠT	
TỪ TRÌ thời sự chính trị	75
TỬ ĐIỆP thời sự khoa học	78
TRÀNG THIÊN và THU THỦ Y thời sự văn nghệ	80

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H. T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở : GIÁ gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

Sách mới

Tạp chí Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách báo sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc.

— **Lịch sử văn học Anh quốc** của Đỗ Khánh Hoan do Sáng Tạo xuất bản và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 440 trang, khổ 16 x 24, tập 1 gồm 4 phần Từ khởi thủy đến Trung cổ ; Văn học Phục hưng ; Thế kỷ XVII ; Văn học Cổ điển ; (tức là từ khởi thủy đến thế kỷ XVIII) biên soạn rất công phu và sống sủa. Bản đặc biệt, Giá bán thường : 450 đ.

— **Phân tâm học** nguyên tác : *Essais de psychanalyse* của Sigmund Freud, bản dịch của Vũ đình Lưu, do An Tiêm xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 330 trang gồm 4 phần : Vượt xa hơn nguyên tác khoét lạc ; Tâm lý tập thể — Phân tích cái tôi ; Cái tôi và vô thức ; Quan điểm về chiến tranh và tử vong. Giá 180 đ.

Văn học Trung quốc hiện đại Cuốn I của Nguyễn Hiến Lê. Bộ sách đầu tiên về một giai đoạn nhiều biến chuyển nhất làm thay đổi triệt để nền Văn học mấy ngàn năm của Trung Hoa, mà Bách Khoa đã có dịp giới thiệu ít đoạn với độc giả. Biên khảo rất công phu, tài liệu dồi dào, nhận định xác đáng.

Cuốn I gồm 342 trang viết về thời từ 1898 đến 1937, chia làm ba phần : Thời kỳ quá độ ; Cao trào cách mạng ; Những năm phát triển. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 220 đ.

— **Non nước xứ Quảng** lân biên, của Phạm Trung Việt do soạn giả gửi tặng. Sách dày 226 trang, ấn bản mới của « Non nước xứ Quảng » sửa chữa, hiệu đính, kiểm chứng, tăng bổ tài liệu, hình ảnh sinh hoạt, thắng cảnh địa phương. Giá 165 đ.

— **Con đường hòa bình nhân loại của Lê-Thiện-Giáo** do Văn Hữu xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 264 trang gồm ba phần, (3 quyển) . 1) Lịch sử biến hóa và tiến hóa vạn vật ; 11) Thuyết siêu vật. Nhân loại hòa đồng ; 111) Xã hội lương-nhân chủ-nghĩa. Giá 220 đ.

— **Mấy chàng 'trai thế hệ'...** trước, hồi ký của Dương thiện Thanh dày 226 trang thuật lại cuộc đời, những hoạt động, những giai thoại của lớp trai thế hệ... cách đây ngót nửa thế kỷ, ở miền Bắc. Những chàng trai đó gồm có : Tập đoàn Hoàng tích Chu, nhóm Dân Mới, Nhóm Nguyễn Doãn Vượng, các bạn xưa các bạn xa, và các bạn cũ của tác giả gồm những nhân vật tên tuổi ở miền Bắc và cả miền Nam hồi tiền chiến. Giá 200 đ.

— **Graham Bell**, người phát minh điện thoại, do Từ Quyên phóng tác, cơ sở Phạm quang Khai xuất bản và gửi tặng. Sách dày 150 trang thuộc tủ sách Tiến bộ, phóng tác theo tiểu truyện danh nhân của Katherine B. Shippen gồm 21 chương, kể lại những cam go của cuộc đời người cha đẻ ra máy điện thoại. Giá bán 80 đ.

— **Khóc lên đi, ôi quê hương yêu dấu**, nguyên tác « Cry, the beloved country » của nhà văn Nam Phi Alan Paton, do Nguyễn Hiến Lê dịch, Ca dao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày hơn 400 trang, tác phẩm của nhà văn danh tiếng Nam Phi. Bản đặc biệt.

— **Tình cảm và đời sống đạo đức**, nguyên tác của Jean Lacroix, bản dịch của : Nguyễn văn Lâu, Nguyễn Đức Mai, Trần quý Phiệt, Vĩnh quyền, do Sông Hồng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 126 trang trong tủ sách Triết học, gồm 12 bài do Ô. Nguyễn văn Trung giới thiệu, in lần thứ hai. Giá 100 đ.

Độc đạo luật về Quy-chế Chính-đảng

Vấn-đề quy-chế chính-đảng đã được đặt ra từ lâu, và sau ngày Cách-mạng 1963, đã được bàn cãi sôi nổi chiều lần trong các giới chánh-quyền và giữa các đoàn-thể chánh-trị. Hiến-pháp 1967 cũng dự trù tại điều 109 rằng Quốc-hội sẽ soạn thảo và biểu quyết một Quy-chế chính-đảng.

Nên ngày 19-6-69, một đạo luật mang số 009/69 đã được ban hành, đề mở một đường tiến triển mới cho các chính đảng-nghĩa là cho các « tổ-chức có tư-cách pháp nhân, gồm những cá-nhân tự nguyện tham gia hoạt động liên-tục « nhằm thực hiện một hay nhiều mục đích chính-trị trong chiều hướng phụng sự « quốc-gia dân-tộc và tuân theo những điều-kiện ấn-định trong luật này. » (điều 1)

Như vậy là Việt-Nam Cộng-Hòa đã quyết định đứng vào hàng ngũ một thiểu-số quốc-gia tin rằng cần cho các chính đảng một quy-chế riêng biệt, trong khi nhiều nước chưa qui định về các tập-thể chính-trị. Ở những nước này, người ta chỉ coi chính-đảng như một hiệp-hội về phương-diện pháp-lý, hoặc cho là tổ-chức và hoạt-động chính-trị mạnh hay yếu tùy thực-tế hơn là luật-pháp.

Tất nhiên Quốc-hội VNCH nghĩ khác nên mới biểu quyết thành luật 009/69. Người chú trọng đến pháp-luật, đứng trước một quyết-định có hiệu-lực rồi, khỏi cần băn-khoăn về các lý-do hay nguyên-uỷ, chỉ nhìn nhận về phương-diện pháp-lý và nghĩ đến hậu-quả trong lĩnh-vực áp-dụng mà thôi.

Và sau đây là vài nhận xét những điều-khoản chính-yếu.

Điều thứ 6— *Các sáng-lập-viên và nhân-viên ban chấp-hành trung-ương phải có quốc-tịch VN nguyên-thủy, hoặc đã thủ đắc Việt-tịch ít nhất 10 năm, hay đã hồi Việt-tịch ít nhất 5 năm.*

Điều-kiện này ngặt hơn cả điều-kiện ấn định cho ứng-cử-viên Dân-biểu hay Nghị-sĩ, vì ứng-cử-viên chỉ phải nhập Việt-tịch được 7 năm hoặc đã thủ đắc hay phục hồi Việt-tịch 5 năm (điều 32 và 34 Hiến Pháp)

Quốc-tịch thường do luật-pháp coi như một đảm-bảo cho lòng trung-thành đối với quốc-gia dân-tộc. Song vì lý-do gì lại đòi hỏi ở người thành lập hoặc điều

(1) L.T.S. Tác giả bài này là tác giả cuốn «Lược khảo về chính đảng». (1968). Cơ sở Phạm Quang Khải xuất bản.

khiến một tổ-chức tư-nhân, nhiều thời-gian thử thách hơn là khi họ vào lãnh trọng-trách trong một cơ-quan công-quyền tối-cao ?

Người ở chính-đảng mới nuôi tham-vọng chấp chánh hay tham chánh, còn phải tranh đấu để đi tới chánh-quyền hoặc đưa đồng-chí vào Quốc-hội. Người quyết nhảy vô Quốc-hội, nếu vô được, sẽ nắm một phần quyền quyết-định dở hay về việc toàn-quốc toàn-dân : Vai trò quan trọng như vậy, mà chỉ cần đảm-bảo ít hơn của người chính-đảng ?

Điều 8 — Nếu đã khai báo và nộp hồ-sơ hợp-lệ, thì trong 2 tháng sẽ được cấp phái-ai hoặc được mặc-nhiên coi như " đã thành lập hợp-pháp " nghĩa là được phép hoạt động

Hoạt động, thì phải có phương-tiện, nhất là tài-chánh. Đảng có quyền thu nhận tiền bạc đóng góp của đảng-viên hay của những giới có thiện-cảm chưa ? Luật không nói gì.

Song muốn được tặng-dữ, phải có « quyền thu đặc hữu-thường hay vô thường ». Quyền này lại chỉ được hưởng khi Đảng đã hợp thức-hóa nổi tình-trạng để có tư-cách pháp-nhân.

Điều 10 — Đảng phải được hợp thức-hóa trong hạn 18 tháng bằng nghị-định của Bộ Nội Vụ.

Nhưng muốn vậy, đảng phải hội đủ những điều-kiện sau :

— hoặc có 10 ban chấp-hành tỉnh, thị-bộ. Mỗi tỉnh-bộ, thị-bộ ít nhất có 500 đảng-viên.

— hoặc 5 ban chấp hành tỉnh, thị-bộ. Mỗi tỉnh-bộ, thị-bộ có ít nhất 500 đảng-viên. Trong số đó, có 10 đảng-viên chính-thức là đại-diện dân-cử trong Quốc-hội.

Muốn gây nhiều cơ-sở với nhiều đảng-viên như vậy, phải tốn công và tốn tiền vận động. Song lấy đâu ra tiền khi chưa có tư-cách pháp-nhân ? Thiếu phương-tiện, tất-nhiên không thể thỏa mãn đòi-hỏi của điều 10, thành ra có lập đảng cũng không ích gì ?

Ngoài ra, điều 10 cho thấy rõ ý muốn của cơ-quan Lập Pháp, là tránh sự thành lập những đảng quá nhỏ, và tiến đến sự tổ-chức những đảng lớn, đủ người và bề thế để hoạt động hữu-hiệu.

Tuy-nhiên, sự qui định trong điều 10 có cho phép đạt mục-đích chính-đáng kia không ? Tôi đây, người đọc không khỏi thắc-mắc.

Tại sao không định hẳn một tổng số-tối-thiểu đảng-viên trên toàn-quốc, mà lại buộc phải có một số tối-thiểu thị-bộ hay tỉnh-bộ !

Trong thực-tế, chẳng đảng nào không mong tỏa rộng thế-lực ra khắp nơi, song sự thực-hiện ý-nguyên này còn tùy thuộc hoàn cảnh, thời-cơ, là những sự-kiện chi phối chiến thuật chinh phục quần-chúng.

Có đảng nhằm trước hết thợ thuyền hay tiểu công tư chức, song các giới này lại qui tụ ở một số thành-thị lớn : chỉ ở vài nơi đó cũng có thể thu hút

nhiều vạn người. Có đảng nhằm giới ngư-dân các miền duyên-hải, hoặc những nông-dân và tín-đồ sắn thiện-cảm ở năm bảy tỉnh : cũng có thể lôi cuốn vài trăm ngàn người.

Nhưng theo điều 10, thì những đảng đó sẽ không được hợp thức-hóa do Bộ Nội-Vụ như mấy đảng nhỏ chỉ có số tối-thiểu 5000 đảng-viên, vì những đảng này lập được cơ-sở ở 10 thị-xã và tỉnh.

Người lập-pháp muốn tránh nạn « lạm phát đảng phái » và đi dẫn tới chế-độ lưỡng-đảng, nhưng trở-ngại lớn nhất sẽ lại chính là điều 10 kể trên.

Theo khoản b điều 10, đảng có thể chỉ lập 5 thị tỉnh, bộ-song phải có 10 đảng-viên là Dân-biểu hay Nghị-sĩ.

Phải chăng sự tham-gia của 10 vị trong Quốc-hội chứng tỏ rằng đảng có phần nào uy-tín, nên được miễn 5 thị, tỉnh-bộ ?

Uy-tín đó đáng tin là có thật, nếu đảng lập rồi mới đưa người ra ứng cử, và nếu những người này đặc-cử : có nhiều cử-tri tín nhiệm, đảng mới tranh nối 10 ghế.

Còn nếu 10 vị Dân-biểu hay Nghị-sĩ thoả thuận với nhau lập đảng trong nhiệm-kỳ, khi đã có chân trong Quốc-hội, thì dĩ nhiên đảng lập ra được hưởng ngay khoản đặc-miễn 10 b, song lợi-điểm này chưa chứng tỏ rằng đảng được dân-chúng tin cậy.

Điều 28 — Đa-số các chánh-đảng và liên-minh chánh-đảng không có đại-diện tham gia Chánh-phủ, tự đặt mình vào thế đối-lập, trong một đại-hội công-khai, cử ra một đại-diện giữ vai trò lãnh-tụ đối lập. Biên-bản buổi họp được thông-báo cho Bộ Nội-Vụ để công-khai hóa vậ-lãnh-tụ đối-lập này.

Sự thừa-nhận một lãnh-tụ đối lập nhắc tới một tập-tục ở Hạ-viện Anh-quốc. Song ở Anh, tập-tục đó là kết-quả tự-nhiên của chế-độ lưỡng đảng : một bên nắm đa-số trong Viện, nên được cầm quyền, còn một bên tất-nhiên chống đối như họ đã chống đối từ khi tranh-cử vào Viện.

Còn ở Việt-Nam, lãnh-tụ đối-lập không ở trong Quốc-hội, và sẽ thay mặt nhiều đảng chớ không phải là một đảng như ở Anh. Và do sự dị-biệt này, sẽ nảy ra những vấn-đề khá phức-tạp.

Có chắc là đa-số các đảng, hễ không có đảng-viên nào tham gia Chánh-phủ, là tự đặt mình vào thế đối-lập thường-xuyên không ? Sẽ có những đảng, tuy không ủng hộ, cũng chẳng đối lập hay nhất quyết đối lập : họ sẽ tùy trường-hợp, vì làm chánh-trị thì phải mềm dẻo, hay khen hèn chê như đối với thầy bói, chớ không chắc gì họ công-nhiên tuyên bố đối lập khăng khăng.

Các đảng có thể chống đối chánh-quyền, nhưng cũng dễ chống đối lẫn nhau : như Xã-hội và Cộng-sản ở nhiều nước. Nên khó lòng thúc đẩy họ bầu chung một đại-diện để suy tôn làm lãnh-tụ chung.

Giả-thử đa-số đảng tự đặt mình vào thế đối-lập, thì sự bầu-cử một đại-diện có cần-thiết hay ích-lợi gì cho họ không ?

Vì mỗi đảng, theo điều 25, đã có quyền đối lập rồi. Vậy sao họ không trực-tiếp xử dụng để còn lấy tiếng với quần-chúng, mà lại nhường cho một người chung cho nhiều đảng ?

Vả lại, trong thực-tế, mỗi đảng có thể đối lập về một vài phương-diện, vì những lý-do riêng. Đảng này bên vực giới lao-động, chỉ trích chế-độ lương-bổng ; đảng kia thiên về giới chủ-nhân, công kích chính-sách tăng thuế và tăng lương. Ngay trong sự đối-lập đã có mâu-thuẫn, thì đại-diện chung sẽ đối-lập với Chánh-quyền theo đảng nào ?

Ở trường-hợp các đảng đồng-ý với nhau về một số lý-do chống đối Chánh-phủ, không điều-khoản nào cấm họ lập một mặt trận chung hay một liên-minh nhất-thời, theo điều 23 luật 006/69. Ngân-sách sẽ không phải trả đồng nào cả.

Điều 29 — *Thủ lãnh đối lập giữ vai trò cố-vấn Chánh-phủ, không được giữ chức vụ công-cử, được đãi ngộ như một nghị-sĩ về thù lao và được hưởng quyền đặc-miễn-tài - phán.*

Thủ lãnh không ở trong Quốc hội, và được các đảng bầu lên : sao lãnh-tự không lãnh thù-lao của các đảng này, mà phải nhận của Ngân-sách ?

Hoặc là trả thù-lao Nghị-sĩ cho người không phải Nghị-sĩ, là để đền đáp công phu Cố-vấn ?

Mọi giả thuyết đều không đưa tới lý-do nào đáo-lý.

Cố-vấn thường được hiểu như người cộng-sự thân-tín, hơn là người « phê bình, chỉ trích đường lối, chủ trương của chánh phủ ».

Dù vị Thủ-lãnh có thiện-chí xây-dựng và bản-tính cương-trực, tư-cách Cố-vấn cũng khó dung hòa với « quyền đối-lập chánh-quyền về chánh-sách ». Nếu không, sẽ là hợp-tác chứ không còn là đối-lập, và chẳng lẽ thủ-lãnh đối-lập thành ra thủ-lãnh hợp-tác ?

Quan-niệm nào đã đưa tới điều 29 kể trên, hình như cũng lúng túng không kém lối hành-văn khó tránh của tôi trong đoạn vừa viết.

« Đặc miễn tài-phán » ở điều 29 có nghĩa thế nào ?

Có lẽ phải giải thích theo điều 37 Hiến-Pháp ? là không bị truy tố, tầm nã, bắt giam hay xét xử vì sự phát-biểu ý-kiến ?

Điều 28 nói về « lãnh-tự đối-lập ». Song điều 29 kể đến « thủ-lãnh đối-lập ». Vậy danh-hiệu nào là chánh-thức và xác định ?

Điều 27 không nói gì đến nhiệm kỳ của Lãnh-tự hoặc Thủ-lãnh. Có thể nào ngồi mãi khi Tổng-thống, Thủ-tướng, Quốc-hội cũng sẽ đổi thay ? Có lẽ Luật dành quyền quyết định cho các đảng.

oOo

Mấy nhận xét trên mới là sự suy-lý tiên-nghiệm, nên cần chờ đợi sự xác-nhận hay phủ-nhận của thực-tế, trong tương-lai.

Đ.T.

Okinawa đi về đâu ?

Ngày 23-6-1969, 20.000 người Nhật đã biểu tình ở Đông Kinh nhân ngày toàn quốc phản đối hiệp ước an ninh Mỹ Nhật. Các người biểu tình đòi Hoa-kỳ hoàn lại ngay lập tức và không điều kiện đảo Okinawa và quần đảo Ryuku (Lưu Cầu) lại cho Nhật và đòi hủy bỏ hiệp ước an ninh Nhật-Mỹ.

Từ ngày hiệp ước này được ký kết vào tháng 1-1960, không năm nào là những tổ chức khuynh tả Nhật Bản không tổ chức những cuộc biểu tình phản đối. Phong trào này lan tràn khắp nơi ở Nhật nhưng đặc biệt mạnh mẽ ở Đông-Kinh có nhiều phần tử sinh viên và thanh niên tham gia, nhiều khi xảy ra xung đột đẫm máu với cảnh sát phái đến đàn áp, có tới hàng trăm người bị thương. Các người biểu tình đều có mang mũ sắt và gây gộc để chống nhau với cảnh sát. Mục tiêu đòi hỏi của họ thường bao giờ cũng là : hủy bỏ hiệp ước an-ninh Mỹ-Nhật và đòi trả lại Okinawa cho Nhật. Hiệp ước này hiện nay chỉ còn một năm nữa là hết kỳ hạn. Trước sự phản đối mỗi ngày một dữ dội đó, không biết chính phủ Nhật có dám tái tục nữa không và nếu có tái tục thì tất nhiên phải thực hiện dưới một hình thức khác mới tránh được phong ba bão táp nổi lên ở trên đất Nhật, vì Nhật-bản ngày nay đã khá mạnh mẽ và có những nhu cầu phát-triển kinh-tế thiết yếu khiến nước này không thể cứ ở trong một tình trạng

phụ thuộc mãi vào Hoa-kỳ, chịu sự che chở của lực lượng quân sự Hoa-kỳ mà dần dần họ thấy rằng không những không cần thiết mà còn có hại cho họ nữa. Chúng ta đều biết ngày nay Nhật-bản là cường quốc kinh-tế đứng vào hàng 3 trên thế-giới vượt qua cả Tây Đức và Anh Quốc và trở nên người cung cấp hàng hóa quan trọng nhất của toàn-thế khu vực Á-Đông và Đông-Nam-Á.

Người Mỹ cũng nhận thấy rõ cái sức mạnh đang lên đó nhưng để duy trì quyền lực và quyền lợi của họ ở khu vực này của thế-giới, họ vẫn phải nắm vững quyền kiểm soát của họ bằng cách duy trì những căn cứ của họ và ngăn trở không cho Nhật-bản có một đạo quân mạnh mẽ để có thể đương đầu với họ. Nhưng vấn-đề là họ có thể giữ vững mãi tình-trạng đó được không ? Trước sự thức-tỉnh ý-thức chính-trị của người dân Nhật, họ có thể duy trì mãi những căn-cứ quân sự ngay ở trong lòng nước Nhật mà không gây một làn sóng phản nộ mới ngày một lớn trên khắp nước này không ?

Chỉ riêng vấn đề Okinawa đã gây biết bao nhiêu khó khăn cho các nhà cầm quyền Mỹ Nhật trong những năm gần đây.

Vị-trí của Okinawa

Okinawa là một hòn đảo nằm giữa quần đảo Lưu Cầu chạy dài từ phía

Nam nước Nhật đến phía Bắc Đài-Loan, đối diện chừng 700 cây số là bờ biển tỉnh Triết-Giang thuộc lục địa Trung-Quốc. Bề dài của đảo chừng 120 cây số, bề ngang, chỗ rộng nhất chừng 30 cây số và chỗ hẹp nhất chừng 10 cây số.

Đảo có chừng 800.000 dân, thủ phủ là Naha có 260.000 dân, dân bản-xứ là người Nhật nhưng nhỏ bé hơn, nước da ngăm ngăm hơn và có nhiều người pha giòng máu Mã-Lai, Indonésia, có nhiều thổ-ngữ khác nhau.

Một vài nét lịch sử về Okinawa

Trước Thế-kỷ thứ 19, Okinawa thuộc một vương quốc thần phục Trung Hoa. Nhưng từ khi nước Nhật canh tân và đánh bại Trung Quốc (1895) thì vương quốc này tan rã và sáp nhập vào Nhật bản.

Trong cuộc Thế chiến 2, Okinawa đã kháng cự một cách mãnh liệt với quân đội Mỹ đổ bộ lên đảo vào tháng 4-1945. Quân dân Nhật tử thủ đảo có tới 200.000 người chết. Hàng 2000 máy bay Kamikaze lao đầu vào hạm đội Mỹ, đánh đắm tới 35 chiến hạm. Quân Mỹ đổ bộ lên đảo cũng bị chết bộn: 12.000 chết, 20.000 bị thương, 900 máy bay bị hạ. Trên đảo không còn một cái nhà nào đứng vững. Những di tích cổ kính (lâu đài, miếu mạo) nếu không bị bom đạn thì cũng bị dân địa phương tiêu thổ để cho không còn nguyên vẹn lọt vào tay quân Mỹ. Quân Mỹ đã phải chiếm từng tấc đất, giết từng mạng người kể cả trẻ con, đàn bà, để làm chủ một hòn đảo hoang tàn. Trong một cái hang ở mồm cực Nam người ta tìm thấy xác của 300 thanh niên Nhật, trong một hang khác gần đó người ta cũng

thấy xác của 150 thiếu nữ Nhật. Những thanh niên nam nữ này đã quyết tử thủ, không chịu ra hàng...

Có lẽ vì sức kháng cự kinh hồn đó mà người Mỹ đã phải quyết định dùng bom nguyên tử.

Okinawa, một căn cứ của Hoa Kỳ

Ngày nay Okinawa đã biến thành một căn cứ khổng lồ của Mỹ. Những vết tích tàn phá ngày xưa nay đã biến dần. Nhưng trên con đường từ phía Bắc xuống phía Nam đảo, các căn cứ quân sự Mỹ thuộc đủ loại binh chủng mọc lên chom chồm. Có tất cả 117 căn cứ đủ loại trong số 147 căn cứ Hoa-kỳ ở Nhật bản. Các căn cứ đó bao phủ một diện tích 208 cây số vuông (1). Lục quân Mỹ đóng ở trên đảo có tới 45.000, nhưng cũng chỉ đủ để phục vụ cho các căn cứ. Quan trọng hơn hết là các căn cứ không quân và hải quân Okinawa là hậu-cứ vững chắc nhất của đệ-thất hạm đội về ai cũng biết đây là căn-cứ của loại siêu pháo-đài B 52. Hai căn-cứ khác là Guam và Thái-Lan để phục vụ chiến trường-Việt-Nam. Những đầu-tư của Hoa-kỳ để xây dựng những căn-cứ này lên tới 1 tỉ rưỡi đô-la. Muốn gỡ đi phải tốn ít nhất là 2 tỉ. Okinawa còn là một nơi để quân-đội Mỹ ở chiến trường (Hàn quốc trước kia, Việt-Nam ngày nay) về nghỉ ngơi và lập sa bàn tập luyện.

Sinh hoạt của dân Okinawa

Vì thế cho nên Okinawa ngày nay rất thịnh vượng. Thịnh vượng không phải vì

() Tổng diện tích của đảo không quá 1200 cây số vuông mà miền Bắc núi non phần nhiều bỏ hoang. Các căn cứ cũng tập trung nhiều ở phía Nam.

nền nông nghiệp nghèo nàn và vài ngành công nghiệp nhỏ của đảo mà là vì sống nhờ buôn bán và tiếp tế vật phẩm cho các căn cứ Mỹ. Số người Nhật trực tiếp hưởng lợi cho các căn cứ Mỹ lên tới 100.000 người (1/8 dân số của đảo). Số lợi tức tính theo đầu người mỗi năm từ 150 đô la vào năm 1955 đã lên tới 600 đô la vào năm 1968. Đây là theo thống-kê chính thức, trên thực tế phải loại ra ngoài lợi tức rất lớn của 80.000 người Mỹ sống trên đảo.

Tuy vậy, tinh thần dân tộc của người Nhật trên đảo rất cao. Họ vẫn không quên cái thảm cảnh năm 1945 và tuy sống với Mỹ chịu ảnh hưởng của Mỹ, nhiều khi tưởng như là họ Mỹ hóa tới trăm phần trăm, nhưng họ vẫn hãnh diện họ là người Nhật. Tuy sống nhờ vào Mỹ, tuy có một nền kinh-tế hoàn toàn phụ thuộc vào Hoa-kỳ, mức sống thịnh vượng là nhờ các căn cứ Mỹ, nhưng người dân Nhật trên đảo Okinawa luôn luôn đòi là họ phải được trở về với tổ quốc Nhật Bản.

Quy chế của Okinawa

Một vị cao ủy Mỹ do Bộ Ngoại giao Mỹ chỉ định trong số các tướng lĩnh, cai trị đảo Okinawa cả về phương diện hành chánh lẫn quân sự. Dưới quyền ông có một vị phụ-tá hành chánh trông nom công việc hành chánh. Bên cạnh vị cao ủy còn có một thứ Hội-đồng nhân dân do dân chúng địa phương bầu ra, chỉ có nhiệm vụ tư vấn mà thôi. Hội đồng này gồm có 32 người có nhiệm vụ lập ra những quy-lệ và luật pháp cho dân chúng trên đảo, nhưng phải được vị cao-ủy thông qua và ban bố mới có giá trị.

Tòa án địa phương hoàn toàn vô

thầm quyền đối với người Mỹ sống trên đảo. Hơn nữa nếu trong một vụ án có cả người Mỹ lẫn người bản xứ liên can, thẩm quyền phải thuộc về tòa án Mỹ.

Người dân Okinawa xuất ngoại không được mang thông-hành do chính phủ Nhật cấp mà cũng không có thông hành của Mỹ do cao ủy cấp. Họ chỉ được cấp một thứ thẻ căn cước trên đó vị cao-ủy có ghi lời yêu cầu nước nào mà đương sự đến sẽ che chở cho y.

Thái độ của dân chúng địa phương đối với việc Mỹ chiếm đóng Okinawa

Những diềm tủi nhục đó thêm vào với những tình trạng bất bình đẳng xảy ra hàng ngày giữa đời sống sa hoa của người Mỹ và đời sống tương đối nghèo nàn của người dân Nhật, nhất là của nông dân, khi họ thấy đồng ruộng của họ lần lần biến thành trường bay, căn cứ quân sự. Hàng đoàn xe thiết giáp ầm ầm vận chuyển trên xa lộ độc nhất của đảo, phá tan cảnh yên tĩnh mà xưa kia các ông già bà cả đã được hưởng. Những chiếc B 52 sẽ không khi bay về phương Nam làm cho người dân Nhật phấp phồng lo ngại một sự trả đũa mai hậu trên đất tổ của họ.

Vì vậy cho nên, trái với nhiều người cho rằng : sống nhờ Mỹ, họ phải bám lấy Mỹ, người dân Nhật ở Okinawa đều cùng chung một nguyện vọng là sớm mong người Mỹ rời khỏi hòn đảo thân yêu của họ. Dù có phải sống nghèo nàn, họ cũng mong được trở về với nước Nhật. Tất cả những phong trào chính trị ở đây đều nhằm mục đích yêu cầu Mỹ trả lại tức khắc Okinawa cho Nhật. Họ cũng thúc đẩy chính phủ Nhật phải tranh đấu theo đường lối đó.

Họ e ngại Mỹ dùng Okinawa làm căn cứ tấn công Nga-sô, Trung Cộng và các nước này trong việc trả thù sẽ biến đảo này thành một địa ngục trần gian. Họ sẽ trở thành nạn nhân tất yếu của cuộc tranh hùng Nga Mỹ hay Mỹ-Trung Cộng. Vì thế cho nên càng ngày càng có nhiều người ở Okinawa tranh đấu đòi cho đảo này trở về với Nhật.

Thái độ của nhà cầm quyền Nhật đối với vấn đề Okinawa

Nhưng chính phủ Nhật lại có nhiều lý lẽ dè dè đặt hơn.

Trước hết những người cầm quyền ở Nhật hiện nay thuộc nhóm bảo-thủ. Nhóm này gồm hầu hết các giới tư-bản Nhật, ít nhiều liên-kết với Mỹ. Quyền lợi của họ buộc họ phải có một chính sách chống Cộng và đồng minh thân thiết với Hoa-kỳ. Vì thế cho nên hiệp-ước an-ninh Nhật-Mỹ hoàn toàn không trái với mục-tiêu của họ và việc đòi lại đảo Okinawa cũng không phải là một điều họ tha thiết lắm.

Nhưng khốn nỗi phe tả ở Nhật gồm có đảng Cộng-sản Nhật (theo xu hướng Bắc-kinh) và đảng Xã-Hội Nhật là một đảng có lực-lượng đáng kể, cùng dân chúng Nhật nhất là các tầng lớp thanh niên và sinh viên đều hăng hái tranh đấu đòi hủy bỏ hiệp-ước an ninh Mỹ-Nhật và đòi trả Okinawa cho Nhật. Những cuộc tranh đấu đó nhiều khi đã đưa đến xung đột đẫm máu như ở trên đã từng nói, tạo nên khó khăn lớn cho các nhà cầm quyền Nhật. Đảng Dân chủ Tự-do là đảng nắm chính quyền muốn đứng vững đã phải đặt vấn đề đó với Hoa-kỳ. Vì thế cho nên, ngoại trưởng Nhật Aichi, trong chuyến công du Hoa-kỳ đã tuyên bố khi ông tới

Hoa-thịnh-Đốn hôm 4-6-69 là vấn đề quan tâm hàng đầu của ông khi thảo-luận với các nhà lãnh đạo Hoa-kỳ là vấn đề Okinawa, và Tổng thống Nixon sẽ thảo luận cùng ông một cách nghiêm chỉnh vấn đề này. Như vậy có nghĩa là trước kia vấn đề này đã được đề ra nhưng kết quả thu lượm không có gì. Chuyến đi của ông Aichi lần này chỉ là đề sửa soạn cho chuyến đi quan trọng hơn của Thủ tướng Sato vào tháng 11 sắp tới. Okinawa sẽ được đặt lên tấm thảm xanh ở Hoa-thịnh-đốn.

Thái độ của Hoa kỳ đối với vấn đề Okinawa

Nhưng liệu người Mỹ có chịu rời bỏ Okinawa không? Có nhiều lý do khiến ta có thể nghĩ rằng người Mỹ khó lòng chịu rời bỏ Okinawa.

— Lý do thứ nhất là việc xây dựng nên căn cứ này đã tốn phí rất nhiều tiền (1 tỉ rưỡi đô la). Nếu ra đi tất nhiên Hoa-kỳ phải gỡ hay phá hủy những kiến trúc đó chứ không thể để lại cho Nhật vì e ngại nước này biến nó thành một căn cứ chống Mỹ nguy hiểm ở Thái-Bình-Dương. Việc tháo gỡ cũng sẽ rất tốn kém. Mỹ chưa chuẩn bị để làm công việc đó.

— Lý do thứ hai là Okinawa ở một vị trí chiến lược rất tốt, trung độ giữa các chiến trường chính. Okinawa cách Hanoi 2400 km, cách Bình Nhưỡng 1350 km và xa hơn một chút Hải-xâm-Uy (Vladivostok) 1900 km. So với các nơi trên lục địa Trung-hoa thì Okinawa cách Thượng-Hải 800 km; Vũ-Hán 1400 km, Quảng Châu, 1550 km. Thành ra từ vị trí Okinawa, Hoa-kỳ, với những máy bay có tầm hoạt động xa có thể kiểm soát được suốt cả khu vực Đông-

A. Đệ-thất hạm đội Hoa kỳ đặt hạm cứ ở Okinawa có thể tiến lên phía Bắc phong tỏa bờ biển Bắc Hàn, tiến xuống phía Nam kiểm soát suốt dọc biển Nam-Hải.

Có người cho rằng ngày nay Hoa-kỳ có hỏa tiễn liên-lục-địa, dân phóng có thể đặt trên đất Mỹ thì những căn cứ như Okinawa sẽ không cần thiết nữa. Nếu xảy ra chiến tranh với Trung Cộng, một là Hoa-kỳ sẽ phóng hỏa-tiên qua Đại-Tây-Dương, Nga-sô đến Trung Cộng và như vậy sẽ vi phạm không phận Nga. Hai là Hoa-kỳ phóng qua Thái-bình-Dương nhưng tầm xa rất lớn, mức độ chính xác không còn nữa. Okinawa sát với lục địa Trung-Cộng vẫn tỏ ra hữu hiệu.

Có người cho rằng Mỹ có tầm ngầm Polaris, phóng phi đạn nguyên-tử ở bất cứ một nơi nào gần bờ biển Trung-Hoa là có thể trúng đích rồi, lại có thể di động ngay để tránh phản pháo, như vậy cần gì phải giữ Okinawa nữa. Nhưng những tàu ngầm Polaris vẫn cần phải có một căn-cứ. Căn-cứ Okinawa xem ra lại có vẻ tốt hơn là căn cứ Guam. Vì thế cho nên, mặc dầu Hoa-kỳ có hỏa tiễn liên-lục-địa và tàu ngầm Polaris, nhưng các chiến-lược-gia Hoa-kỳ vẫn cho Okinawa là ở một vị-trí chiến lược tối yếu.

— Một lý do thứ ba cũng liên quan với lý do trên là với Okinawa, Hoa-kỳ có một sự tự do hành động gần như là lý-tưởng.

Hoa-kỳ có thể đem đến Okinawa bất cứ loại vũ-khí nguyên-tử hay khinh-khí nào mà không sợ cản trở. Ở Okinawa, Hoa-kỳ có thể can thiệp vào bất cứ chiến trường nào thuộc Á châu mà

không gặp sự phản đối. Trung tướng Unger, cao-ủy Mỹ ở Okinawa đã cho biết vì sao Hoa-kỳ đặc biệt quan tâm đến Okinawa.

« Không có nơi nào ở Á-Châu hơn ở đây Hoa-kỳ có hoàn toàn tự do, thiết bị cùng điều động và phối hợp các lực lượng quân sự vũ trang bằng đủ loại vũ khí tối tân. Chỉ có ở Okinawa là người Mỹ có thể đem lại bất cứ một thứ binh-chủng nào, bất cứ một loại vũ-khí nào : Từ Okinawa Hoa-kỳ có thể điều động lực lượng đến bất cứ nơi nào tại Á-Châu. Chỉ Okinawa mới có thể là một căn cứ hậu cần cho các lực-lượng hoạt động ở bất cứ một nơi nào thuộc Á-Châu. Nhờ có những tự-do đó mà quân đội Mỹ có đầy đủ mềm dẻo và khả năng ứng-phó mà người ta không thể tìm thấy ở một nơi nào khác ngoài Okinawa ».

Ý kiến đó đã cho ta thấy rõ vì sao Hoa-kỳ cố bám lấy Okinawa. Nhờ có Okinawa mà Hoa-kỳ có thể dễ dàng ứng phó với các nhu cầu của các chiến trường Á-Châu.

Thái độ của các nước Á Châu chống Cộng đối với vấn đề Okinawa

Vì thế cho nên tổng thống Pháp Chánh Hi của Đại-hàn Dân-quốc trước phong trào đòi Okinawa đang dâng lên ở Nhật-bản đã tuyên bố trắng ra rằng : Hoa-kỳ không nên rút khỏi Okinawa vì rút khỏi nơi này sẽ làm yếu hẳn hệ-thống phòng-thủ của Hoa-kỳ. Tiếng nói của ông Phác là tiếng nói của một người chống Cộng, phản đối tất cả những hành động nào dù là của Hoa-kỳ làm yếu ý-chí chống-Cộng. Nếu Hoa-kỳ vì một lẽ gì, chịu trả lại Okinawa cho Nhật-bản thì cái xích

phòng thủ của Hoa-kỳ bao vây lục-địa Trung-Cộng sẽ bị gián đoạn ở một điểm quan trọng nhất, tất nhiên sẽ ảnh hưởng lớn đến tương lai của một số nước Á-Châu như Đại-hàn Dân quốc và Việt-nam Cộng-hòa đang đứng hàng đầu trên tuyến chống Cộng sản.

Do đó ta mới hiểu vì sao mà ông Phác đã tuyên bố về một điểm, mới thoát nghe tưởng như là không phải thuộc phạm vi của ông. Trước kia Đại-hàn cũng đã từng đề nghị nếu Hoa-kỳ phải rời Okinawa thì nên thiên các căn-cứ đến đảo Cheju ở phía Nam bán đảo Cao-Ly, còn gần lục địa Trung Hoa hơn là Okinawa. Nhưng Hoa-kỳ chưa chịu. Ngoài Đại-hàn ra, Đài-Loan và Thái-lan cũng tỏ ra lo ngại cho việc Hoa-kỳ rời bỏ Okinawa. Những nước này đều là những quốc gia tích cực chống Cộng sản, muốn sự có mặt trường cửu của Hoa-kỳ trên tuyến phòng thủ Á Châu để ngăn chặn làn sóng đỏ. Then chốt của tuyến phòng thủ đó chỉ có thể là Okinawa.

Thái độ của các nước Cộng sản Á Châu đối với vấn đề Okinawa

Biết rõ vị trí chiến lược quan trọng của hòn đảo này các nước Cộng-sản lân cận (Trung Cộng, Bắc Việt, Bắc Hàn) đều phụ họa với các lực lượng khuynh tả ở Nhật-bản đề trục xuất Hoa Kỳ ra khỏi Okinawa. Một trong những điểm mà phái đoàn thiện chí Bắc-Việt sang thăm viếng Nhật-bản trong năm 1968 đã tuyên bố, là ủng-hộ nhân dân Nhật trong việc đòi lại căn cứ Okinawa và khôi phục chủ quyền của Nhật-bản trên quần đảo Lưu Cầu (Ryuku). Thái độ của Bắc-Kinh lại còn quyết liệt hơn vì Trung Cộng không thể chấp nhận một căn cứ nguyên tử của Hoa-kỳ ở ngay bên sườn của mình.

Riêng Nga sô không có vẻ sốt sắng lắm vì chính Nga hiện còn chiếm đóng quần đảo Kourilles và nửa phía Nam đảo Sakhaline (đảo này chia làm đôi, nửa phía Bắc thuộc Nga, nửa phía Nam thuộc Nhật). Nếu Nga đòi Mỹ trả Okinawa cho Nhật thì Mỹ cũng sẽ đòi Nga trả quần đảo Kourilles và nửa phía Nam Sakhaline cho Nhật. Và lại việc Mỹ duy trì căn cứ Okinawa sẽ phân tán một phần lớn lực lượng của Trung Cộng để phòng vệ miền duyên hải và do đó gánh đỡ bớt gánh nặng cho Nga ở vùng biên giới.

Vì thế cho nên các phong trào khuynh tả ở Nhật-bản chỉ tìm thấy đồng minh sốt sắng trong các nước cộng sản Á-Châu. Còn Nga-sô thì chỉ phụ họa một cách dè dặt mà thôi.

Những khó khăn của chính phủ Nhật trong việc giải quyết vấn đề Okinawa

Riêng chính phủ Nhật do phe bảo thủ, cầm quyền, trước sự tranh đấu mỗi ngày một mạnh mẽ và rộng lớn của nhân dân Nhật được các đảng phái tả khuynh hậu thuẫn đã phải áp dụng những biện pháp diên tri: Một mặt hứa hẹn với dân chúng Nhật và đặc biệt là dân chúng Okinawa là trong vòng 4, 5 năm nữa Okinawa sẽ trở về với Nhật bản, một mặt khác điều đình với chính phủ Mỹ để các nhà cầm quyền Mỹ nới rộng hơn nữa quy chế của người dân sống trên đảo Okinawa hòng xoa dịu bớt những bất công mà họ phải hứng chịu từ xưa.

Một mặt nữa để an lòng người dân Okinawa, các nhà cầm quyền Nhật đang cố gắng vận động để Mỹ khỏi dùng đảo này làm một căn cứ vũ khí nguyên tử chống lại Trung Cộng.

Chính-phủ Nhật hy vọng làm như vậy sẽ dẹp bớt những nỗi lo ngại và lòng tự ái dân tộc của người Nhật nói chung và người dân trên quần đảo Lưu Cầu nói riêng và do đó những cuộc đấu tranh đòi Okinawa sẽ bớt phần gay gắt.

Nhưng những biện pháp đó chỉ có tính cách diên trì mà thôi chứ không giải quyết được vấn đề. Người Nhật vẫn trông chờ một sự trở về của quần đảo Lưu Cầu và Okinawa trong một tương lai gần.

Người Mỹ cũng không phản đối nguyên tắc chủ quyền của người Nhật trên quần đảo này. Nhưng sở dĩ họ còn trăn trở chưa quyết định là vì hiện nay còn những vấn đề nóng hổi ở Á Đông chưa giải quyết xong và cần phải có sự hiện diện của quân đội họ. Gần đây, Hoa kỳ mới tổ chức một cuộc tập trận lấy tên là « Focus Retina » chuyển vận 2500 quân trang bị đầy đủ từ Mỹ tới Đại Hàn trên 77 chiếc phi cơ vận tải qua hai ngã Alaska và Okinawa. Đó là cuộc không vận quân đội dài nhất trong lịch sử đề thử khả năng di động của quân lực Mỹ. Điều đó chứng tỏ là Hoa kỳ vẫn coi Okinawa là một căn cứ cần thiết trong hệ thống phòng thủ của mình ở Á Châu. Một bản tường trình mật của chính phủ Nixon đệ lên cho Quốc-hội tính đến chuyện giữ nguyên trạng trong 10 năm quy chế các căn cứ Mỹ ở quần đảo Lưu Cầu. Nhất là hiện nay theo ý kiến của nhiều yếu nhân Mỹ thì Okinawa phải được dùng như là một căn cứ nguyên tử của Hoa-kỳ ở Á-châu. Cái «dù nguyên-tử» mà trung tâm là Okinawa sẽ bao trùm toàn cõi Đông Á gồm cả Trung Hoa, Nhật Bản, Tây Bá Lợi Á và Đông Nam Á. Okinawa phải biến thành một căn cứ chứa bom nguyên tử cỡ lớn và cỡ nhỏ

của Hoa kỳ để được sử dụng khi nào cần đến.

Vì thế cho nên chưa chắc gì Hoa kỳ chịu hoàn trả Okinawa cho Nhật trong một tương lai gần đây.

Về vấn đề này ta thấy hiện rõ 3 lập trường đối lập nhau.

— Lập trường của các lực lượng chính trị khuynh tả ở Nhật Bản và Okinawa đòi Mỹ phải trả Okinawa cho Nhật ngay tức khắc và không điều kiện.

— Lập trường của chính phủ Nhật muốn Mỹ trả lại Okinawa trong một thời hạn 3,4 năm và Mỹ không được dùng đảo này làm một căn cứ nguyên tử.

— Lập trường của Hoa kỳ muốn giữ nguyên hiện trạng trong một thời gian ít nhất 10 năm và trong thời gian đó Mỹ được hoàn toàn tự do sử dụng căn cứ này, có thể đem đến đó bất cứ loại binh chủng nào và bất cứ thứ vũ khí nào.

3 lập trường đó hoàn toàn đối nghịch nhau, khó lòng mà dung hòa được. Trong cuộc đối thoại với Hoa kỳ vào tháng 11 tới. Thủ tướng Sato muốn thu được một vài thắng lợi, tất phải dựa trên phong trào tranh đấu của quần chúng Nhật. Nhưng làm như vậy lại e phong trào này sẽ tràn ngập và làm cho mình bị ngợp luôn. Đó là cái thắc mắc của Thủ tướng Nhật không biết dựa vào đâu : đi theo quần chúng thì sợ bị tràn ngập, đi theo Hoa kỳ thì sẽ làm tiêu ma uy tín của đảng ông. Vậy phải làm thế nào để tiến tới một thỏa hiệp với Hoa-Kỳ về vấn đề Okinawa mà không làm cho dân chúng Nhật tuyệt vọng mất hết tin tưởng và đường lối lãnh đạo của giới cầm quyền Nhật-bản ngày nay. Đó là một bài toán rất khó khăn mà thủ tướng Sato đang phải tìm cách giải quyết một cách tốt đẹp nhất.



THƯ LÂM ẨM THƯ QUÂN

231-233-235, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nới : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-diện
số : 2.701 THƯ LÂM ẨM THƯ QUÂN

Georges Pompidou

tân Tổng-thống

Cộng-hòa Pháp



Ngày 15-6-1969 quốc dân Pháp đã bầu cựu Thủ-tướng Georges Pompidou lên làm Tổng-thống để kế vị tướng De Gaulle. Nổi nghiệp một nhân vật lịch sử và xuất chúng như De Gaulle là một điều vô cùng khó khăn. Thật vậy, trong 11 năm qua, Tướng De Gaulle, sau khi cứu nước Pháp khỏi tình trạng hỗn loạn, đã thành công rất nhiều trong việc tái lập uy quyền cho Nhà nước ở bên trong và uy tín cho Pháp quốc ở bên ngoài. Dân chúng sẽ luôn luôn quan sát vị Tổng thống mới để so sánh với vị Tổng-thống tiền nhiệm. Ngoài ra, nước Pháp từ hơn một năm nay đang gặp nhiều cuộc khủng hoảng kinh-tế xã-hội trầm trọng. Ông Pompidou liệu có thể đối phó nổi với các khó khăn hiện tại chăng. De Gaulle là một vĩ nhân. Di sản của ông truyền cho Pompidou cũng vĩ đại không kém. Người kế vị ông do đó có những trách vụ vô cùng nặng nề. Khi quốc dân Pháp không tin nhiệm Tướng De Gaulle nhưng lại cử

một « người thân tín » của ông lên thay thế, tức là họ không muốn thay đổi chính-sách của De Gaulle mà chỉ muốn thay đổi phương-thức áp dụng nó mà thôi, như vậy nhiệm-vụ của ông Pompidou sẽ hết sức tế nhị. Ông vừa phải tiếp tục chính sách của De Gaulle như dân chúng mong muốn và cũng để tỏ ra trung thành với Tướng De Gaulle, nhưng đồng thời ông cũng phải có đủ mềm dẻo để đáp ứng nguyện vọng của dân chúng. Cuộc đời của ông chứng tỏ rằng ông có đủ ưu điểm để đạt những thành quả tốt đẹp. Thật vậy, từ 25 năm qua ông đã nắm giữ nhiều chức vụ khác nhau, sống trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, mà chỉ nhờ một bộ óc thông minh khác thường ông đã luôn luôn thành công. Đời ông cho ta thấy có nhiều nét mâu thuẫn. Tuy lười biếng, ông vẫn luôn luôn thi đấu cao. Tuy không thích chính trị ông vẫn phải làm chính-trị. Tuy ghét những gò bó của chức vụ nguyên-thủ ông vẫn làm Tổng-thống.

Từ một trí thức khuynh tả ông đã trở thành một vị Tổng-thống do hữu-phái bầu lên.

Một trí-thức khuynh tả

Gia đình ông Pompidou gốc ở vùng Cantal, miền Trung nước Pháp. Tổ tiên ông là những nông dân. Đến thời cha ông là Léon Pompidou thì gia đình Pompidou trở thành một gia đình mô phạm. Thật vậy Léon Pompidou nhờ có óc thông minh nên được ông giáo làng khuyến khích cho đi học. Nhờ có học bổng của chánh phủ, Léon Pompidou trở thành một giáo viên tiểu-học. Léon Pompidou khi còn đi học gặp cô Marie Louise Chavagnac.

Léon và Marie Louise cùng tốt nghiệp giáo học và sau đó thành hôn vào năm 1910. Năm sau Marie Louise sinh hạ được một con trai đặt tên là Georges vào ngày 5-7-1911 tại Montboudif. Sống trong một gia đình mô phạm như vậy lẽ dĩ nhiên là Georges Pompidou có tính hiếu học. Năm lên 3 tuổi cậu đã biết đọc. Khi học ở Tiểu học và Trung học cậu có tiếng là lười biếng. Cả ngày chỉ mơ mộng đọc thơ phú. Vào lớp học thì đùa dõn làm trò cười. Tuy nhiên lúc nào cậu cũng đứng đầu lớp. Học hết bậc Trung học cậu thi đậu Tú-tài thứ hạng vì trong phòng thi mãi ngắm cô nữ thí sinh mà cậu đã thầm yêu suốt trong niên học vừa qua. Nhưng năm trước cậu đã đoạt được giải nhất về bài dịch tiếng Hy-lạp tại kỳ thi đua toàn quốc.

Georges Pompidou sau đó theo học lớp dự bị thi tuyển vào Trường Quốc-gia Sư-phạm (Ecole Normale supérieure) tại trường Trung học Louis-le-Grand

ở Paris. Tại đây cậu đã trở thành người bạn chí thiết của Léopold Senghor (hiện làm Tổng-thống Sénégal) và Phạm-duy Khiêm.

Tại trường Louis-le-Grand trong khi các bạn cậu cố gắng học tập để dự kỳ thi tuyển thì Georges Pompidou sống một cuộc đời hết sức nghệ-sĩ. Cậu la cà khắp các trà đình, tửu điểm, các kịch-trường, các rạp chiếu bóng. Ngoài ra cậu còn hoạt động chính-trị. Georges Pompidou theo chủ nghĩa xã - hội và cậu có đầu óc rất rộng rãi. Cậu cảm thông với hoàn cảnh những dân tộc bị trị vì vậy mà Phạm-duy-Khiêm và Léopold Senghor là những người bạn mà cậu quý mến nhất. Cậu cảm thông với giới cần lao nghèo khổ trong xã-hội nên cậu tham gia « Phong-trào sinh-viên xã-hội », ủng-hộ lãnh - tụ xã-hội Paul Boncour một cách nồng nhiệt và đã nhiều lần đánh lộn với những nhóm chính-trị cực-hữu.

Tuy ăn chơi và lười biếng G. Pompidou, năm 1931, vẫn đậu vào Cao-đẳng Quốc-gia Sư phạm. Tại đây cậu tiếp tục cuộc đời phóng túng cũ. Tuy nhiên năm 1934 cậu vẫn đậu Thạc-sĩ Văn-chương mà lại đậu thủ-khoa. Đồng thời cậu cũng tốt nghiệp trường Chính-trị-học Ba-lê (Sciences Po.) Lúc đó người ta mới rõ chính nhờ có óc thông minh xuất chúng mà cậu đã học được rất nhanh. Cậu chỉ cần một giờ là đã đọc xong và thấu triệt một cuốn sách trong khi các bạn cậu phải mất hàng tháng. Ngay khi còn học dự bị Cao-đẳng Quốc - gia Sư - phạm cậu đã hoàn tất một số lớn các chứng-chỉ để lấy bằng Cử-nhân Văn-khoa.

(Xem tiếp trang 68)

Gia - huấn - ca và nền học cũ

Gia-huấn-ca là một bản văn nôm rất xưa gồm sáu bài văn vần viết theo thể lục-bát gián thất : Dạy vợ con, Dạy con ở cho có đức, Dạy con gái, Vợ khuyên chồng, Dạy học trò ở cho có đạo và Khuyên học-trò phải chăm học. Đó là một tài-liệu quốc-âm xưa nhất và có qui-mô hệ-thống nhất về lối dạy dỗ con cái trong gia-đình Việt-nam ta, một tài-liệu về giáo-dục-sử và văn-hóa-sử nói chung ghi lại được rất nhiều phong-tục và nề nếp sinh-hoạt, tư-tưởng trong gia-đình, xã-hội ngày xưa.

Gia-huấn-ca và Nguyễn Trãi.

Bản gia-huấn-ca hiện lưu-truyền đến ngày nay có phải là của Nguyễn Trãi không ? Sở dĩ có nghi-vấn ấy là vì người ta thấy « trong bài tựa của Trần-khắc-Kiểm trong Ưc-trai thi-tập viết từ năm Hồng-Đức thứ 10 triều Lê-Thánh-Tông (1480), có nói Ưc-trai tiên-sinh, ngoài những tác-phẩm bằng Hán-văn, còn có văn quốc-âm mà « Gia-huấn-ca » là một » (1).

Muốn tìm hiểu một văn-liệu có liên-quan đến thời-đại thì sự minh-định xuất-xứ không phải là không cần-thiết để đặt đúng vào bối-cảnh lịch-sử. Chúng ta hãy dành cho các nhà khảo-cổ quyền xác-định về hình-thức, đây xin chỉ bàn đến nội-dung :

Đem đối-chiếu nội-dung Gia-huấn-ca (1) với những sự-kiện lịch-sử đời Lê và

thân-thế của Nguyễn Trãi thì thấy không có gì mâu-thuẫn : Văn-chương quốc-âm không phải là chuyện xa lạ đối với Ưc-trai tiên-sinh mà bài thơ « Hối ả bán chiếu » còn được truyền-tụng. Người ta cũng biết thi văn chữ nôm đã thịnh-hành từ nhà Hồ đến năm 1437. Nguyễn Trãi đã sưu-tập nhiều thủ-chiếu và mấy chục thiên thơ văn bằng quốc-âm dâng cho vua Lê-Thái-Tông xem. Lời văn trong Gia-huấn-ca cũng phản-ảnh được kiến-thức uyên-thâm của một đại-nho như tác-giả Bình-Ngô Đại-cáo : Xen lẫn vào những tục-ngữ bình-dân Việt-nam, đã có nhiều thành-ngữ thuần-túy Hán-văn lấy đây đó trong Ngũ Kinh, Tứ thư và điển-tích Tàu. Người học-trò được khuyên học cho hết bách-gia chư-tử và bảy mươi pho Bắc-sử, đó hẳn là một kinh-nghiệm bản-thân của một túc-nho từ năm 21 tuổi đã đỗ Thái-học-sinh (Tiến-sĩ).

Đạo-lý trong bản văn đã không đi xa lễ-giáo của thời Hậu-Lê, một triều-đại mà sử đã chép như một thời-kỳ độc-tôn của nho-giáo, trong khi Phật-giáo đang hồi xuống dốc : Đoạn văn duy nhất trong Gia-huấn-ca nhắc-nhở đến nhà Phật là ở mục răn dạy về thờ-cúng :

(1) Gia-huấn ca-thi-nham Đình-Gia-Thuyết đính chính và chú thích. Tân Việt xuất bản 1953. Các đoạn văn trích sau đây đều theo bản văn này.

« Kia như mấy kẻ tăng, ni
 Thôi tuần cúng Phật lại khi vào hè.
 Nam-mô Phật rừ-rì hai chữ,
 Đua nhau rằng tín-nữ thiện nam,
 Miệng rằng chừa độc chừa dâm,
 Tay lần tràng hạt đao găm một bờ.
 Kẻ trốn việc ở chùa cũng có,
 Kẻ lộn chồng trốn chúa cũng nhiều,
 Gian-ngoan rất mực làm kiêu,
 Mượn danh Hòa-thượng, lợi điều tham dâm.
 Chẳng qua lũ ngu-dân hoặc-thái,
 Phúc đức đâu nghĩ lại mà coi ... »

(Gia-huấn-ca, bản đã dẫn trang 22)

Một sự-kIỆN cũng đáng lưu-ý là nhiều lần tác-giả đặt lời gia-huấn vào trong một khung-cảnh đất nước loạn-ly :

« Lấy điều ăn-ở dạy con,
 Dẫu mà gặp tiết nước non chuyển vần... »
 « May ta ở chốn bình-yên,
 Còn người tàn-phá chẳng nên cầm lòng ».
 « Song ta vốn đã hàn-vi
 Lại sinh ra gặp phải thì can-qua.
 Đòi khi kém đói thiết-tha,
 Bán buôn tần-tảo cho qua lúc này.
 Ấy là thừa trước nam-nhi,
 Bây giờ đèn sách sớm khuya thế nào ?
 Chữ rằng ; Loạn độc thư cao
 Khi nên cũng thế khác nào ngày xưa.
 Nắng lâu cũng có khi mưa . »

(trang 23, 24, 37, 38)

« Bây giờ loạn-lạc bơ vơ,
 Cơ trời bĩ thái nắng mưa là thường..
 Loạn rồi lại có khi bình,
 Khi bình ta hãy cá kình giương vây.

(trang 37)

Như thế phải chăng Gia-huấn-ca đã được soạn ngay trong thời-kỳ mười năm Lê Lợi kháng-chiến chống quân Minh ? Ngay trong khi giúp người anh-hùng áo vải xây dựng cơ-đồ, một Nho-gia, trong cương-vị của một nhà chính-trị biết tiên-liệu, tất phải bận tâm rất

nhều vào việc đào-tạo cán-bộ, giáo-dục con, dân cho biết tu thân, tề gia trước khi trị quốc và bình thiên hạ.

« Diễn nôm cho tiện mà xem,
 Dạy nhà trước đã mới đem dạy người... »

(trang 23)

Nói chung ở nước ta về sử-liệu văn-học thì khó mà có tài liệu cho bảo-đảm chính-xác, bởi ý-thức sử-liệu của người xưa không được khoa-học như bây giờ, nhất là thơ-văn tư-nhân lại càng ít được coi trọng, nhiều biến-cổ chính-trị nội loạn hoặc ngoại xâm dồn-dập đã làm sai chạy thất lạc quá nhiều. Sau vụ án Thị-Lộ, họ-hàng sự-nghiệp của Nguyễn Trãi bị triệt-hạ hoàn-toàn, để gì ngày nay còn tìm được một cái gì xác-thực ? Giờ đây chúng ta chỉ tin vào cái gì chưa ai chối cãi được, bởi đó mà những lý do thuận (raisons pour) trên đây thiết tưởng có thể được coi như những bằng chứng có giá-trị nhất và chúng ta có thể xác-định thời-kỳ xuất-hiện Gia-huấn-ca trong khoảng từ 1418 đến 1428 là năm Lê-Thái-Tổ lên ngôi, cho đến khi nào có ai tìm ra được một bằng chứng phủ-nhận.

Như vậy, đường lối giáo-dục truyền đạt trong Gia-huấn-ca đúng là giềng-mối của một nền giáo-dục đã hưng-thịnh ít ra cũng cách nay hơn năm thế kỷ (1)

Bối-cảnh của nền học cũ

Nhờ xác-định hoàn-cảnh lịch-sử của tài-liệu, chúng ta có thể tìm về cái bối-cảnh của nền giáo-dục đương-thời. Một biến-cổ trầm-trọng trong văn hóa sử quốc-gia được ghi nhận vào đầu thế kỷ 15. (năm 1414) là việc nhạ Minh, sau khi

(1) Qua Gia-huấn-ca chúng ta còn thấy những phong tục, tín ngưỡng, thành kiến của xã hội ta từ đó đến nay vẫn còn nhiều điều không có gì thay đổi.

lập được nền đô hộ, đã tịch-thu rất nhiều sách vở có giá-trị về hình luật, văn-học, binh-bị của nước ta; có thể đã có rất nhiều truyền thống quốc gia từ Lý Trần, nhiều phát-kiến văn hóa, chính trị bị tiêu tan thất lạc. Nhất là về giáo-dục, một lĩnh vực mà bọn cướp-nước chuyên-nghiệp đời nào cũng không quên khai-thác, thì nhà Minh âm-mưu thủ-tiêu thư-tịch là để xóa bỏ truyền-thống quốc-học cũ mà truyền-bá ở nước ta chế-độ -học-thuật của Tàu, một chế-độ học đang đi sâu quá nhiều vào từ-chương khoa-cử. Cho nên đến khi nhà Lê đuổi được quân Minh vua nhà Lê bắt đầu xây dựng lại nền quốc-học thì « những chế độ và thư-tịch ở đời Lý Trần đã mất tích nên đành bắt chước chế-độ của Minh-triều lấy khoa cử làm con đường dụng nhân duy nhất, dùng văn-chương bát-cổ làm thước đo nhân-tài và lấy sách Tống-nho làm chính-thư (1) »

Đó là tình thế đất nước; bản-thân người công-thần khai-quốc cũng đã đóng góp vào việc tô-bôi nền giáo-dục chấp nối ấy rất nhiều. Nguyễn Trãi là một thâm-nho, thi đỗ vào năm Thành-nguyên thứ nhất; triều vua Hồ quý Ly là một triều đã ôm ấp quá nhiều mộng-không-thành thì không khỏi đã nuôi dưỡng trong lòng người thanh-niên bấy giờ cái hoài-bão thiết-tha đem hết sở-học của mình ra để kinh bang tế-thế ngoài chuyện « rửa hờn cho nước, báo thù cho cha ». Đó mới là nhịp cầu chính-yếu để cái-tinh thần học dưới nhà Trần, nhà Hồ lưu chuyển đến thời Lê, bởi vì những kinh-nghiệm bản-thân bao giờ cũng là kinh-nghiệm tác-động rất hữu hiệu, nhất là đối với Ưc-trai là người công-thành danh-toại trong nền học cũ thì phải truyền bá với tất cả tin-tưởng một chế độ giáo-dục đã tác-thành cho mình.

Bởi đó mà qua Gia-huấn-ca, chúng ta không phải chỉ thấy có cái tinh thần học ở đời Lê mà có thể nói là cả ở những thời trước đó mấy trăm năm, với tất cả các truyền-thống học-thuật của người Tàu theo các đợt sóng chính-trị và tôn-giáo Nho, Phật, Lão mà truyền sang ta, đến ngày nay như vẫn còn đang ảnh hưởng sâu xa vào óc khoa-cử của nhiều thanh-niên trí-thức.

Một nền giáo-dục Nho-học kết chặt với kinh-nghiệm xử-thế bình-dân

Có thấy tất cả gốc-rễ của nền học cũ vừa bám sâu vào các kỷ-cương Nho-giáo, vừa chôn chặt trong kinh-nghiệm của xã-hội bình-dân, mới hiểu được tại sao trong lịch-sử, ta lại có được một nền văn-minh vô-cùng vững-chãi như vậy. Nếu chỉ nói có chuyện « trường-tồn » thì phải coi đây như một trong những bi-quyết trường-tồn của quốc-gia dân-tộc Việt trong quá khứ.

Trong Gia-huấn-ca, có rất nhiều cách-ngôn của thánh-hiền xen lẫn với rất nhiều thành-ngôn tục-ngữ bình-dân làm bằng-chứng cho một nền giáo-dục vốn đã có nền móng từ xa xưa ở xã-hội ta và soạn-giả như chỉ cần thuật nhi bất tác, mô-tả lại để nhắc-nhở người thanh-niên trở về với một nếp sống cũ của tổ-tiên và sử-sách mà thôi. (2)

Người đàn bà sống trong thi-lễ theo Kinh, Thư :

(1) Đào Duy Anh : Việt nam Văn hóa Sử cương — Quan hải tùng-thư 1938 trang 168.

(2) Bởi đó mà bài khảo luận này đã nhằm cả một nền giáo dục chứ không phải ở cái quan-niệm giáo dục riêng của tác giả Gia-huấn-ca.

« Công dung ngôn hạnh là tiên phạm
trần,

Phận làm gái ở nhà thi-lễ,

Lẳng mà nghe kể chuyện tam-cương.

Dẫu ái ân cùng chiếu cùng giường

Đạo chồng sánh quân thân chỉ đạo

Làm tôi con chỉ trung, chỉ hiếu ».

«...Kính người, vợ phép ở Lê Kinh»(1)

Nhưng cũng đừng quên kinh-nghiệm
của cha ông :

« Khôn ba năm đừng đại một giờ...

Của tần-tiện chắt-chịu hàn gấm,

Kháeh buôn Tàu chưa hẳn nơi đây.

Cũng đừng vất nước cồ chày...

Kề cả những dị-đoan mê-tín :

« Chiều sương chờ đề áo quần,

Đỉnh đầu phải cuối bước chân phải dò,

Nơi bếp vách đừng cho hơi lửa,

Ngon đèn hoa chớ quở quá ngôn... »

Thân-phận lệ-thuộc của người đàn
bà trong gia-đình được minh-định rõ-rệt :

« Sách có chữ Nhập gia vãn hủ,

Khi nói năng phải giữ kễng khem

Dịu-dàng tiếng thuận lời mềm

Cứ lời chồng dạy mới yên cửa nhà.

Chớ nên cậy mình ta tài sắc,

Chồng nói ra nhiếc móc chê khen,

Nói càn như ở bậc trên

Thường khi động đến tổ-tiên quá lời.

Cơn giận đến sự đời ngang ngược,

Dở-dối ra nát cửa tan nhà,

Chữ tùy là phận đàn bà

Nhu mì đề dạ, chua ngoa gác ngoài. (2)

Phải chồng ngược cấn răng chịu khổ,

Chớ nghiêng đầu ngảnh cổ thiệt thân... »

Người thanh-niên sống theo kỷ-cương
của Đạo Khổng : xã-hội được quan-
niệm với những thang bậc như đã qui-
định từ đời nhà Chu (gần 1.000 năm
trước Tây-lịch) và chương-trình học

cũng noi cái tinh-thần văn-chương lục-
nghệ của các quan Tư-đồ ở nước Tàu
từ thời thượng-cồ ấy :

« Nghiệp tứ-dân nhất rằng chữ sĩ,
Nghề nông, thương, công cồ khôn sơ,

Đạo thầy thứ nhất là Nho,

Toán, y, lý, số dám so sánh bài. » (3)

« Học-trò giữ chính tâm làm trước,

Với tu-tề bình-trị đều yên

Cương-thường giữ hiếu làm nên... »

Và nhân-nghĩa có khi cũng chỉ là
chuyên tinh-khôn : không vay đề khỏi trả :

« .. Nói lời lại nuốt lấy lời.

Một lưng bát xáo mười voi chưa đầy,

Cho nên mới phải lúc này.

Cửa nhà tàn-phá phút rày sạch trơn.

Kẻ thì mắc phải vận nần,

Cửa nhà một khắc lại tàn như tro.

Kẻ thì phải lính, phải phu,

Đem mình vào chốn quân-gia trận tiền

(Trong lúc quốc-gia kháng-chiến mà coi
đi lính, ra trận là một vận nạn thì phải
là một kinh-nghiệm hết sức bình-dân).

Khuyên ai chớ bắt chước rày,

Ở lòng nhân-nghĩa cho đầy mới khôn... »

Tập-đại-thành được tư-tưởng cổ-
truyền của đạo Khổng với nếp sống tầm
thường ở gia-đình làng-mac để cấu tạo
nên một xã-hội bền-chặt phải là mục-
tiêu chính yếu của nền giáo-dục quốc-gia.
Phải thấy ở đây một kỳ-công của các

(1) Xem Gia-huấn-ca. Đây chỉ xin trích
dẫn trích một ít làm ví-dụ.

(2) Nhưng dù sao những lời dặn dò rất đối
cận kề này cũng bộc lộ được rằng các bà
ngày xưa không phải tay vừa.

(3) Chương-trình Lục-nghệ của các quan Tư-
đồ bên Tàu trước đời Xuân-thu là lễ, nhạc,
xạ, ngư, thư, số (Trần-trọng-Kim Nho-giáo
I, Trần-việt. trang 47)

nhà giáo-dục cũ trong sự kết-hợp keo sơn giữa hai giới bác-học và bình-dân trong một xã-hội.

Một chế-độ đúc khuôn con người

Thật vậy, Nguyễn Trãi là một nhà chính-trị, và bao giờ giáo-dục mà được chính-trị kìm cặp thì cũng chỉ là một đường-lối để đặt người dân theo nề nếp của một chế-độ. Ngày nay ở Á cũng như Âu, từ các chế-độ cũ-kỹ đến các chế-độ gọi là « cách-mạng » hay « cấp-tiến », người ta cũng vẫn quan-niệm giáo-dục như một phương-thức đào-tạo cán-bộ và công-dân thích-hợp cho chế-độ theo cái lý-tưởng của các nhà lãnh-đạo. Mà có chế-độ lý-tưởng thì phải có con người lý-tưởng khuôn đúc theo một mẫu-mực định sẵn. Bởi thế mà phương-châm giáo-dục chỉ nhằm ngăn-chặn không cho con người vùng-vẫy ra khỏi các kỷ-cương.

Người con gái, người học-trò, nghĩa là người vợ, người chồng, người làm cha mẹ trong tương lai đều phải rất mực khiêm-tốn, chịu đựng, an-phận mình :

« Lời ăn nết ở cho khôn
Chớ nên đa quá đa ngôn chút nào,..
Giàu sang cũng chớ khoe ngông,
Miễn mình ấm phận chớ lòng khinh ai.
Khó khăn chớ vật nài oán hối,
Hết bỉ rồi tới buổi thái lai,..
Đừng điều tranh-tranh chê bai,
Xấu trong làng nước để cười mai sau».

Đạo-đức được quan-niệm như một thái-độ phục-tùng :

« Con hiền cha mẹ an-tâm,
Một nhà khen ngợi nghìn năm bia truyền,..
Một niềm kính thuận vô vi.

Trước là khỏi nhục, sau thì nên danh».

Bởi vì cái xã-hội đương-thời được coi như mẫu-mực rồi và lý-tưởng cũng chính là cái khuôn-thước đã có từ xưa trong sử sách, nên không thiếu những mẫu-mực tiền-chế để cho người sau noi theo :

« Mãi Thần kia mới là gan,
Trèo non đốn củi đốt than dãi-dầu...
Trần Bình nhà bạc cửa thừa
Đói no chẳng quản muối dưa chẳng nề...»
Nhật lấy cỏ bồ biên mà đọc
Người Ôn Thư chỉ học mới cao.

Chàng Hoảng không sách biết sao.
Mượn kinh mà học viết vào thẻ tre.
Dùi đâm vế kéo khi buồn ngủ
Người Tô Tần chỉ thú đọc kinh. » (1)

Có đến 12 gương « hiếu học » như thế được nêu ra. Nhất cử nhất động của con người như đã có điển-lĩnh gương-mẫu sẵn trong sách vở.

Người thời xưa có thật gương-mẫu như vậy chăng? Nếu không được như thế thì cũng cho được như thế trong trí óc của nhà giáo-dục : người ta cần thần-tượng thì cứ tạo ra. Ngày nay các nền giáo-dục muốn khuôn-đúc con người cho chế-độ cũng vẫn làm như vậy : không có anh-hùng thì họ bịa đặt vẽ tô ra để mà ca-ngợi, sơn son thếp vàng cho đám trẻ nô-nức noi theo, không phải theo người xưa mà theo hình ảnh tạo nên trong óc tưởng-tượng của các nhà lãnh-đạo. Họ đúc thần-tượng như thợ đúc tượng đồng, theo cái khuôn-mực mà họ cho là lý-tưởng.

Muốn thúc đẩy con người khép vào mẫu mực, họ kích-thích danh-vọng cá-

(1) Những gương « hiếu học » này đều lấy ở Tam-tư-kinh của Vương-ức-Lân (đời Tống).

nhân như nhà tập xiếc cho sư-tử nhảy qua vòng lửa để được ăn miếng thuốc phiện đã dần-dà làm cho nó nghiện :

« Thư-trung lắm kẻ hiền-vinh,
Dập-dìu hầu-hạ linh-dinh ngựa xe.

Thư trung kim ngọc vô-vân
Đầy khè chung đỉnh chứa-chan bạc vàng».

Học hành tập luyện được coi như một công trình khó nhọc chỉ hoàn-thành để mà hưởng-thụ vật-chất về sau :

« Mai này treo biểu tên đề
Khôi khoa lại được gặp kỳ thánh minh.

Lộc trời, trước nước hiền-vinh.»
« Bao nhiêu là gái thuyền-quyên,
Lưng ong má phấn cũng chen chân vào..

Đủ mùi những thức cao lương
Sơn hào hải-vị bữa thường đổi trao

Lợn quay xôi gấc chè Tàu
Ai ai là chẳng đến hầu làm tôi !!!

Nhà ngang dầy dặc trùng trùng
Hầu non con mới, tiêu - đồng thắng
tranh !!! (1)

Một xã-hội đề bệp con người

Bởi đó mà xã-hội được quan-niệm như đã có định-chế bất-biến, kiếp sống con người chỉ như leo cái thang đã dựng sẵn với những giai bậc cố-định muôn đời. Dư-luận xã-hội luôn luôn được nhắc đi nhắc lại để làm cái tiêu-chuẩn bất di dịch cho đức-hạnh. Xã-hội có thực sự cay-nghiệt đến thế chẳng ? Nhưng có điều chắc là nhà giáo-dục đã muốn như thế :

Con hiền cha mẹ an tâm,
Một nhà khen ngợi, nghìn năm bia
truyền.»

Kỷ-cương không phải là vô-hình mà là đỉnh, là thép trong miệng người, là

tượng đồng bia đá lưu-truyền muôn thuở :

Miệng đời đề-diệu biết bao
Động ra quốc-pháp, nhục vào gia-
thanh...

Lân-la giắt rợ, giắt dây,
Đã hư công việc lại dày tiếng tăm,,
Đừng điều cạnh tranh chia bai
Xấu trong làng nước, đề cười mai sau..
Đến tay bút cũng không lành
Chồng con khinh rẻ, thể tình mĩa mai .
Ở ăn phải có nhân nghi,
Thơm danh vả lại làm bia miệng
người ..

Đức Khổng, Thầy Mạnh ngày xưa có muốn cho tư-tưởng mình rồi được đức thành khuôn thành thước không ? Nhưng khi đã vào tay một nhà giáo-dục kiêm chính-trị rồi thì nó phải là mẫu-mực đồng-nhất trong nhân-gian và bất-biến muôn thuở.

Một nền giáo-dục hướng cổ

Bằng những phương-tiện như trên, giáo-dục, chính-trị buộc chặt con người vào chế-độ. Như thế là an-toàn cho cơ-cấu quốc-gia. Không còn có gì phải bận tâm do lớp người sắp tới có thể bất ngờ tạo ra nữa. Trẻ con chỉ việc ngoan-ngoãn theo vết chân người lớn vì người-lớn lớn hơn trẻ con ; cái uy thế của tuổi-tác, của thời-gian, là một uy-thế bất khả xâm-phạm không có kẻ đến sau nào phá vỡ nổi. Nhưng cổ-nhân lại còn lâu xưa hơn người lớn nữa, bởi đó mà họ phải là thần thánh đối với tất cả. Điều đó vừa bảo-đảm cho uy-tín của từng lớp trí-thức vì người trí-thức được được sách, sống gần với cổ-nhân hơn, cũng vừa là ước mong của nhà chính-trị vì cổ-nhân đã không còn nữa thì toàn quyền là ở những kẻ giải-thích cổ-nhân.

(1) Đừng tưởng rằng chỉ có người đi học ngày xưa mới nuôi những mộng ấy,

Bởi đó mà có sự đồng-tâm nhất-trí giữa giáo-dục và chính-trị trong tinh-thần hướng cõ. Xã-hội người lớn đã mang đầy mặc-cảm đối với tiền-nhân thì làm sao chấp-nhận cho đám thư-sinh có một sáng tạo độc-đáo nào được? « Không thầy đồ mầy làm nên ». Không một tin-tưởng mảy may nào còn sót lại đặt vào con trẻ. Từ trong bụng mẹ, đứa con đã cảm thấy tất cả nhịn-nhục kiêng-khem qua mẹ mình :

« Khi thai-sản trong phòng gìn-giữ,
Học cõ-nhân huấn tử trong thai,
Dâm-thanh chớ đề vào tai...
Đừng ăn ít chớ ăn nhiều
Nuôi từ trong dạ khỏi điều lo xa.. »

Đến lớn lên đi học, chỉ có tư-tưởng của thánh-hiền là đúng, chỉ cần học thuộc mà không phải sáng-tạo và không có quyền sáng-tạo cái gì. Và thánh hiền là từ ở bên Tàu vì nước ta không có sách vở cũ xưa cõ-kính bằng nước Tàu. Đối người đồng -thời thì nhà chính-trị phân-định biên cương, đề cao quốc-gia dân-tộc vì không có thể có chuyện xâm lấn lợi-quyền ; nhưng đối với người-xưa, nay không còn nữa, thì càng xưa càng khả kính, bởi đó mà có sự thỏa thuận cho văn hóa, giáo lý, tư tưởng vượt mọi biên-giới và thời-gian. Sách học thông-dụng chủ-yếu là sách Tàu.

« Khai tâm từ thuở thiếu niên,
Hiếu-kính tiều-học trước liền cho thông.

Đọc cho đến Trung-Dung, Đại-học,
Tứ thư rồi lại đọc Ngũ kinh,

Thi, Thư, Dịch, Lễ đều tinh.

Xuân-Thu nghĩa cả cho mình nghiệp nhà

Xem cho đến Bách-gia chư-tử,

Bảy mươi pho sử đều thông...

Khoa-cử là đề khảo lại tư-tưởng, mà tư-tưởng thì được diễn tả bằng từ-chương mà từ-chương thì không ai có thể đổi thay mà không có hại đến tư-tưởng. Lại chỉ có sách xưa, văn cũ mới có giá-trị. Bởi đó mà ra có tầm chương trích-cú. Người đời sau có siêu-quần bát-chúng chung qui cũng là so với cái tiêu chuẩn đã có từ trước. Trong một phút cao-hứng, Vua Tự-Đức đã khen thần dân mình hơn cả người xưa.

« Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán

Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh Đường».

Nhưng thực ra Ngải cũng không tránh khỏi lấy cái khuôn-mẫu ở người xưa bên Tàu mà làm thước đo cho người đời nay ở nước Việt.

Bởi đó mà lối Học-thuộc-lòng là phương-châm hay nhứt. Giáo -điều, nhồi sọ, tầm-chương trích-cú : một chính sách giáo-dục, một chủ-nghĩa, mô-lập-trường chính-trị, chứ không phải do một đường-lối sư-phạm lệch-lạc vụng-về. Không phải vì thánh hiền đã quá xa mà ngày nay giáo-dục đã vô tình đi sai lệch

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH TỔ C

Neurotonic

NR. 783/STN/GCNP/16.4.43

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Định-mệnh khắt-khe của dân-tộc đã đòi hỏi tổ tiên ta phải cố-gắng không ngừng đề bảo tồn, tự vệ trong ổn định và cố-thủ, tránh né mọi sáng-tạo phiêu-lưu nguy-hiêm chẳng? Hay đây chỉ là cái mặc-cảm tự-ti kinh-niên của phần nhân-loại già-cỗi đang bị chi-phối bởi quán tính của giống dòng, khiến con người luôn luôn e-dè ngò vực trước mọi sáng-kiến mới lạ của những kẻ đến

sau? Không thể thì làm sao cắt nghĩa được thế-giới ngày nay vẫn đang có những chế-độ, những lớp người chẳng tin gì ở hậu-thế, chỉ khẳng khăng dành độc-quyền duy-trì những tín điều bất-biến làm nếp sống nếp nghĩ cho nhân-loại muôn đời?

ĐOÀN-NHẬT-TẮN

(Trích trong « Vụ Án Giáo-Dục »)

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

'ASPRO'



trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY



PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

LỊCH-SỬ BANG-GIAO HÀN-VIỆT

của ĐỖ-BĂNG-ĐOÀN và ĐỖ-TRỌNG-HUỆ

Con cháu vua Lý từ Việt - nam di cư sang Đại-hàn dân-quốc

Vua thứ 8 đời Lý là Huệ-Tông (1221-1225), năm 16 tuổi còn là Thái-Tử, gặp loạn Quách-Bốc, theo vua cha là Cao Tông bỏ kinh-đô Thăng-Long chạy xuống Hải-Ấp (làng Tức-Mặc, huyện Mỹ-Lộc, tỉnh Nam-Định ngày nay) nương nhờ Trần-Lý, rồi kết-hôn với con gái Trần-Lý xinh đẹp tuyệt vời.

Cao-Tông mất, Huệ-Tông lên nối ngôi, cất Trần-thị lên làm hoàng hậu. Khi đó Trần-Lý đã chết, vua phong hai con trai Trần-Lý là Trần tự-Khánh và Trần-Thừa làm Phụ-quốc thái-úy và Nội-thị phán-thủ, cháu gọi Trần-Lý bằng bác là Trần-Thủ-Độ làm Chỉ-huy-sứ, con trưởng Trần-Thừa là Trần-Liễu làm Quan-nội-hầu. Ít lâu sau Trần-tự-Khánh chết. Vua đến viếng tang, truy phong làm Kiến-quốc-vương) thăng Trần-Thừa lên làm Phụ-quốc thái-úy, số tấu không phải xưng tên, Trần-thủ-Độ làm Điện-tiền chỉ-huy-sứ, Trần-bất-Cập làm Chi-hậu lục-cục, Trần-Thiêm làm Chi-ứng cục-trưởng. Anh em con cháu họ Trần chia nhau nắm giữ quyền bính, từ đó có ý muốn cướp ngôi nhà Lý.

Huệ-Tông không có con trai. Trần hậu chỉ sinh được hai người con gái :

chị là Thuận-Thiên công-chúa đem gả cho Trần-Liễu, em là Chiêu-Thánh công-chúa, vua rất yêu quý, được lập làm Thái-tử.

Huệ-Tông đau ốm liên miên mấy năm, sau phát bệnh cuồng, tự xưng là Thiên-tướng giáng trần, thường ngày tay cầm cái mộc, giắt một lá cờ trên búi tóc vừa đi vừa múa hát. Múa hát nhiều thì khát nước, uống rượu say ngủ li bì, chữa thuốc mãi không khỏi, mọi việc triều chính đều giao cho họ Trần quyết-định. Năm 1224 vua nhường ngôi cho công chúa Chiêu-Thánh lúc đó mới lên 7 tuổi tức là Lý-Chiêu-Hoàng. Còn Huệ-Tông lui vào tu tại chùa Chân-Giáo do vua Thái-Tổ dựng ngay trong hoàng-thành để các vua đời Lý ra đó nghe các bậc cao-tăng giảng kinh.

Trần-thủ-Độ lập mưu đưa Trần-Cảnh, con trai thứ hai của Trần-Thừa, vào cung làm chức Chánh-thủ, hầu hạ Chiêu-Hoàng rồi lân-la dan díu với nữ-vương. Tháng 10 năm Thiên-chương hữu-đạo thứ hai (1225), Chiêu-Hoàng hội bách quan ở điện Thiên-An ban chiếu nhường ngôi cho chồng là Trần-Cảnh.

Huệ-Tông đang tụng kinh trong chùa

Chân-Giáo nghe tin họ Trần lên thay nhà Lý, lấy làm đau xót và hối hận việc mình đã đem cơ nghiệp của tổ-tiên trao vào tay người khác, mới mặc áo nâu sồng, đội nón thầy tăng ra chơi ngoài chợ cửa Đông cho khuây khỏa. Nhân dân kinh-đô biết là vua cũ, đổ xô lại xem, nhiều người cảm thương, ôm mặt, khóc nức nở.

Trần-thủ-Độ thấy nhân-tâm còn nhớ Lý, sợ sinh chuyện bất-trắc, sai người canh phòng chùa Chân-Giáo rất cẩn mật, không cho Huệ-Tông bước chân ra ngoài, chờ dịp trừ bỏ đi để dứt mối lo về sau.

Một hôm Thủ-Độ đi qua cổng chùa Chân-Giáo thấy Huệ-Tông đương ngồi nhờ cỏ trong sân chùa, ông nói lớn cốt đề cho vua nghe : « Nhỏ cỏ thì phải nhỏ cả rễ ! ». Huệ-Tông phủi áo đứng dậy đáp ;

« Lời nhà người nói, ta hiểu cả rồi ».

Mấy ngày sau, Thủ-Độ lập đàn trang ở trong dinh, bày hương hoa lễ vật, sai người vào chùa Chân-Giáo thỉnh Huệ-Tông ra tụng kinh. Vua bảo với sai nhân.

« Thủ-Độ mời ta làm gì ? Thôi, để ta tụng xong bộ kinh này rồi sẽ tự-xử cho hẳn khỏi vì ta mà thắc mắc. »

Nói xong Huệ-Tông ngồi bình-tĩnh gõ mõ tụng kinh. Hết bộ kinh, vua đứng dậy đi vào tẩm-phòng nằm nhằm khấn nguyện :

« Thiên hạ là của nhà ta, đã nhường cả cho các người, thế mà các người chưa lấy làm thỏa lại còn nhẫn tâm giết ta. Nay ta chết đi, ngày sau con cháu các người cũng sẽ phải chịu như thế ». (1)

Huệ-Tông dần dụa nước mắt, mở rương lấy một tấm lụa ra tự buộc vào cổ rồi treo lên cây ngoài vườn chùa mà chết. Hôm ấy là ngày mồng 10 tháng 8 năm Kiến-Trung thứ 2 (1226), vua vừa 33 tuổi.

Thủ-Độ nghe tin giả vờ thương khóc, sai các quan làm lễ tẩm liệm, cho đục một cái cổng nhỏ ở tường thành phía Nam rước linh-cữu Huệ-Tông lên phường Yên-Phụ hỏa thiêu, táng cốt ở chùa Bảo-Quang rồi xây tháp lên trên.

Bấy giờ con thứ hai vua Cao-Tông là Lý-Long-Tường, em ruột Huệ-Tông và chú Chiêu-Hoàng, khi Huệ-Tông còn tại ngôi làm đến Tam-công, được Trần-thủ-Độ cho giữ một chức quan hư-vị trong triều. Ông biết ý Trần-thủ-Độ muốn diệt dòng dõi nhà Lý (2) nên năm 1226 Ông vào nhà Thái-miếu thờ tiên tổ các vua Lý lấy những đồ tự-khi rồi cùng tôn-thất là Bình-hải-công Lý-quang-Bật

1 Quả nhiên 175 năm sau con cháu nhà Trần cũng bị Hồ-quý-Lý giết hại như vậy.

(2) Đúng như Lý-Long-Tường dự đoán, sau khi Lý-Huệ-Tông bị bức tử, Trần-Thủ-Độ viện cớ ông nội Trần Thái Tông tên là Trần-Lý, bắt họ Lý phải đổi ra họ Nguyễn. Bao nhiêu bia đá ở đền chùa cũng như giấy tờ sử sách có chữ Lý đều phải bôi cạo đi, viết chữ Nguyễn thay vào. Mùa thu năm 1232, nhân dịp các tôn-thất nhà Lý theo lệ cũ họp nhau hơn 70 người làm lễ tế các Tiên-hậu ở nhà Thái-đường, trong vườn Hoa-lâm ở phủ Thiên-Đức, Trần-Thủ-Độ sai đào hầm gần đó, gài bẫy giết sập hầm, chôn sống cả bọn. Xong việc lại bắt tất cả những người liên-hệ với họ Lý đẩy lên biên-giới Trung-Hoa, tập trung vào hai làng để dễ bề kiểm soát là làng Bàng-Hà gần cửa ải Kỳ-Cấp (thuộc tỉnh Quảng-Yên ngày nay) và làng Ba-Điền ở châu Hữu-Lũng (tỉnh Bắc-Giang).

chạy sang nước Cao-ly để tránh họa diệt tộc, làm nhà ở dưới núi Hoa-Sơn, đạo Hoàng-Hải, quận Khang-Linh. Sau con cháu sanh-sản ngày một đông đúc, đến ở gần đấy, họp thành một làng ở Đại-Hàn dân quốc ngày nay.

Trước khi Ông đến, vua Cao-Tông nước Cao-Ly đêm ngủ mơ thấy một con chim lớn từ phương Nam bay lại lượn trên mặt biển. Vua tỉnh dậy lấy làm lạ, sai người ra bờ biển xem thì gặp Ông. Hỏi ra biết là hoàng-tử nước An-Nam, vua vờ vào triều kiến dụ rằng:

« Nước ta với An-Nam cùng một văn hóa và cùng thông hiếu với Trung-quốc, nay Hoàng-thúc đã đến đây, cứ vui lòng ở lại giúp cho nước ta ». Nói xong, phong ông làm Hoa-sơn-quân, ban cho ăn lộc Thái-ấp và gọi là Hoàng-thúc.

Ông ví mình với Dữu-Tín, thường mặc áo vải đi chơi chốn thôn-quê, có khi lang thang trên bờ sông Phú-Lương và xem hết các động ở Đại-An. Chỗ ông ở đất xấu, dân nghèo, chỉ cách nước Nhật-Bản có một góc biển, giặc biển hay kéo vào ăn cướp, quan quân đánh nhau với giặc biển, bị chết hại nhiều.

Năm thứ 40 đời vua Cao-Tông nước Cao-Ly, Mông-Cồ-vương là Quật-Tùng-Quế đem quân sang đánh Cao-Ly, vượt sông Hồn-Đồng. Tháng 8 vào cửa Tây-Hải phá thành An-Lăng giết hơn 700 quân Cao-Ly, rồi dẫn chiến thuyền đến Ứng-Tân hãm thành Xương-Lân, bắt được tướng-sĩ thủ thành cùng nhân-dân đem đào lỗ chôn sống cả. Quân Mông-Cồ đến đâu không ai dám chống cự.

Các quan lại ở Khang-Linh đến cầu Hoàng-thúc Lý-Long-Tường ra đánh giặc cứu dân. Ông hăng hái nhận lời. Vốn từng trải việc binh, ông đến xem địa-thế, sai đắp cao thêm ba mặt thành, luyện tập quân lính. Trước thành dựng một cái chòi cao, ở trong chứa đủ thứ khí-giới, truyền tướng-sĩ phòng thủ nghiêm mật, không cho tự tiện ra đánh nhau với giặc. Bên ngoài thành, giặc đóng trại liên-tiếp nhau 10 dặm, ngày đêm đốc thúc đánh thành. Hễ chỗ thành nào sắp bị vỡ, ông sai quân lính lấy đá tu sửa lại ngay. Ông cho tích trữ lương, cỏ khô, đào một cái lỗ dài để tránh đạn của giặc ở ngoài bắn vào. Quân Mông-Cồ dùng súng lớn bắn vào trong thành, ông cũng lấy súng lớn bắn trả lại. Phương-pháp đánh thành và những kế-hoạch của địch dự liệu, ông đều biết trước. Ông bảo với các tướng: « Hôm nay giặc dùng cơ-giới này, ta phải chuẩn-bị phản-ứng lại ». Sau quả như lời, dân trong thành tôn gọi ông là Trần-minh. Ông có nhiều kế lạ, như chất củi khô và thuốc dẫn hỏa lên xe, rồi châm lửa đầy xe xông vào đốt giặc; làm máy ném đá ném vào giặc; khơi nước cho chảy vào chỗ giặc đóng; bắn tên lửa phá thang mây của giặc treo lên thành v.v...

Quân Mông-Cồ vây đánh hơn 5 tháng, đã không phá được thành, lại bị chết ba bốn phần mười. Chúng bàn nhau: « Thành này nhỏ bé mà dám đương-nhiên đối địch với đại quân của chúng ta, hẳn là có thần giúp mới được như thế ». Tướng Mông-Cồ thấy đánh nhau mãi không thắng, bèn bày kế trá hàng, sai

bọn Đầu-mục khiêng 5 rương vàng bạc châu báu đến quân-môn Cao-ly xin hàng. Ông cùng các tướng cho đắp thành Thụ-hàng ở sau quận Khang-Linh, giàn bày quân-uy trước quán Hoa-sơn để nhận lễ đầu hàng của quân Mông-Cồ

Tướng Mông-Cồ dẫn một ngàn kỵ-binh đến ngoài viên-môn, sai bọn Đầu-mục cùng quân lính khiêng 5 rương lớn tiến vào. Ông nói với các tướng :

« Binh-pháp hư hư thực thực, không cấm sự gian trá. Nay bụng dạ quân giặc không chút nhân nghĩa, mà hiềm độc có thừa, ta nên đề phòng cẩn thận là hơn »,

Nói xong, ông sai đun nhiều thùng nước sôi và sắp đặt mưu kế. Khi quân giặc khiêng những rương vàng bạc vào. Các viên Tiều-hiệu Cao-ly lấy giấy sắt xích chặt rương lại, rồi quân sĩ múc nước sôi, rót vào những kẻ hở. Tướng Mông-Cồ cùng bọn tù-trưởng ở ngoài, thấy thế hè nhau bỏ chạy. Mọi người nhìn vào trong khe hở các rương thấy thích khách giặc đưa nào tay cũng cầm dao sắt dùi nhọn, nằm chết trong hòm mắt trắng dã. Ông sai quân lính khiêng rương sang trại Mông-Cồ trả lại kèm theo bức thư đại ý nói :

« Chúng tôi là một nước đường đường lễ nghĩa, nay được các ngài tặng cho những rương bảo vật, chúng tôi nhận sợ mang tiếng tham, vậy xin hoàn lại ».

Các tướng Mông Cồ thất kinh bảo nhau : « Thực là thần-tướng trên trời sai xuống trần gian ».

Có viên lão tướng Mông-Cồ ra trận xem đồn lũy và cách xếp đặt của Cao Ly, về than thở với các tướng :

« Ta từ thừa đề chỏm, đi đánh nhau

đã nhiều mà chưa thấy ai trí-dũng như thế ».

Mông-Cồ vương Quật-Tùng-Quế truyền lệnh rút binh về. Ông cho tinh binh mai phục hai bên đường hẻm. Đợi khi quân Mông-Cồ đi qua, tướng sĩ Cao-Ly xông ra đánh, tiếng chiêng trống cùng tiếng hò reo vang trời rập đất. Quân Mông-Cồ bị bắt và bị giết mấy ngàn người. Quân Cao-Ly đại thắng hát khải ca kéo nhau về thành.

Vua Cao Ly ban cho Ông được ăn lộc thêm 30 dặm vuông và thu thuế 20 hộ, lấy hoa-lợi dùng vào việc tế-tự các vua nhà Lý.

Đài Thụ-hàng ở bên quán Hoa Sơn ngày nay vẫn còn di tích. Đài làm bằng gỗ lợp ngói ngoài cửa treo tấm biển viết 3 chữ « Thụ-hàng-môn » sơn thiếp. Bên ngoài có cái cổng cũng bằng gỗ lợp ngói, về phía tay trái dựng một tấm bia đá ghi sự-nghiệp và công-đức của Ông.

Ông dựng Vọng-quốc-đàn ở trên núi Hoa-Sơn những ngày nhàn hạ lên đàn trông về cố-quốc, tưởng niệm quê nhà.

Ông thường cưỡi ngựa trắng đi chơi khắp các danh-sơn, đại-xuyên và dạo xem những nơi chiến trường cổ, nên dân ở đấy gọi ông là Bạch-mã tướng-quân. Sĩ-dân Cao-Ly rất kính-trọng ông, mỗi lần thấy ông cưỡi ngựa trắng đi qua, đều hát chào :

Hữu khách hữu khách, diệp bạch kỳ mã. (1)

Ông cùng các quan Cao-Ly mở trường ở các làng, khuyến-khích thanh niên vào học. Dựng nhà Hương-hiệu ở bên thành

(1) Có người khách, có người khách cưỡi con ngựa trắng.

Thụ-hàng, trong thờ đức Tiên thánh-sư Khổng-Tử, hai bên là Văn-nhã-đường và Độc-thư-đường, mùa xuân mùa thu các quan đến giảng kinh Thi, kinh Thư, mùa hạ mùa đông đến dạy kinh Lễ, kinh Nhạc. Ngoài cửa Văn-nhã-đường nay còn một cây hạnh cồ-thụ, tương truyền do chính tay ông trồng. Ngày thường Ông cùng đệ-tử đến dưới cây hạnh tập lễ-nghi và giảng nghĩa kinh-truyện, đương-thời tôn là Hạnh-đàn Công-tử.

Phía Nam núi Cửu-Chân, ông dựng một tiểu-am đọc sách, ngoài cửa có tấm biển viết 3 chữ «Độc-thư-đường», đệ-tử đến đọc và xem sách có hơn ngàn người. Khi Ông mất, nhân-dân nhớ ơn, lập đền thờ ở dưới núi Hoa-Sơn, gọi là đền Bạch-mã Tướng-quân. Con cháu ông thành một vọng tộc ở nước Đại-Hàn, tính đến nay truyền nối được 25 đời, cộng hơn 700 năm :

1) Lý-long-Tường : Hoàng-thúc Hoa-sơn-quân.

2) Lý-Cán làm Kim-tử Quang-Lộc đại-phu, Đô-kiêm-nghị Tả-chính-thừa-nghệ-văn-quán đại-đề-học, Giám-hữu-văn quán-sự, Phán-tuyên-bộ-sự.

3) Lý-huyền-Lượng làm Chính-nghị đại-phu, Khu-mật-viện đô-thừa-tuyên, Tri kinh-diên xuân-thu quán-sự, Đặc-bái-lại-tào tham-nghị.

4) Lý-long-Tiến làm Thượng-y-viện trực-trưởng, tể Kim-tử sùng-lộc đại-phu, Tham-tri chính-sự, Tu-văn-quán đại-học-sĩ, Giám-tu quốc-sử, Thượng-trụ-quốc phán-đồ-phán sự.

5) Lý-đức-Dụ làm Trung-chính đại-phu, thăng Quang-lộc đại-phu, Thượng-thư-tĩnh hữu-bộc-sạ.

6) Lý-mạnh-Nghệ hiệu là Độn-sơn,

thụy là Văn-Trung, làm Gia-tĩnh đại-phu, Hộ-tào diên-thư, rồi treo ấn từ quan về đi ẩn. Vua vời ba lần không đến. Ông thờ cha mẹ rất có hiếu, cha đau yếu luôn 3 năm, ông hết sức hầu hạ, tự mình trông nom thuốc thang. Vua thân viết 3 chữ «Hiếu-tử-ly» vào biển ban cho, treo ở ngoài cửa.

7) Lý-đức-Tòng làm Hiến-phủ giám-sát, Quận-thứ quận Tái-ninh.

8) Lý-Cung làm Tuyên-tiết tướng-quân thượng-hộ-quân.

9) Lý-quý-An làm Tu-nghĩa phó-úy.

10) Lý-Nhung tự là Khả-Kiên làm Vũ-diệu thi-vệ, Phó-hộ-quân Vũ-thừa-chỉ.

11) Lý-thọ-Phúc tự là Thân-Chi, đỗ Văn-khoa Trạng-nguyên, làm Hộ-tào tá-lang, Hoàng-Hải đô-sự, thăng Tam-ty thông-chính đại-phu, Thừa chính-viện tả-thừa-chỉ, kiêm Kinh-diên tham-tán, Độc-thư-đường tri-chế-giáo.

12) Lý-Lân tự là Sĩ-Ngưỡng làm Hán-thành-phủ hữu-doãn.

13) Lý-thượng-Hiếu tự là Hữu-Trọng, làm Vũ-tuyên-truyền-thủ-môn-tướng.

14) Lý-Mân tự là Bá-Hiến.

15) Lý-ngộ-Xuân

16) Lý-tự-Bình tự là Thánh - Khí, được tặng chức Tá-lang.

17) Lý-hiến-quốc tự là Hoa - Phủ, hiệu là Quý-Hiến, đỗ Tiến-sĩ.

18) Lý-đỉnh-Tân tự là Tượng-Đức.

19) Lý-Hiến tự là Thiên-Dữ

20) Lý-chi-Hoảng tự là Hồn - Chi.

21) Lý-khuê-Thiên tự là Tử-Thuần

22) Lý-tích-Tộ tự là Quân - Tam

23) Lý - bách - Vinh tự là Hành-
Nguyên

24) Lý-tương-Hi tự là Kiến-Trung.

25) Lý-cơ-Huân.

Cách đây gần 40 năm, có mấy nhà
cách-mạng nước ta từ Nhật-bản sang
chơi Đại-Hàn, đến thăm làng Hoa-
Sơn, đạo Hoàng-Hải, quận Khang-Linh,
được cháu xa đời của Lý-long-Tường
là Lý-tích-Mô dẫn đi xem nhà từ đường,
có đồ tự-khi thờ các vua Lý và tiên tổ
họ Lý, gia phả họ Lý, đài Thụ-hàng,

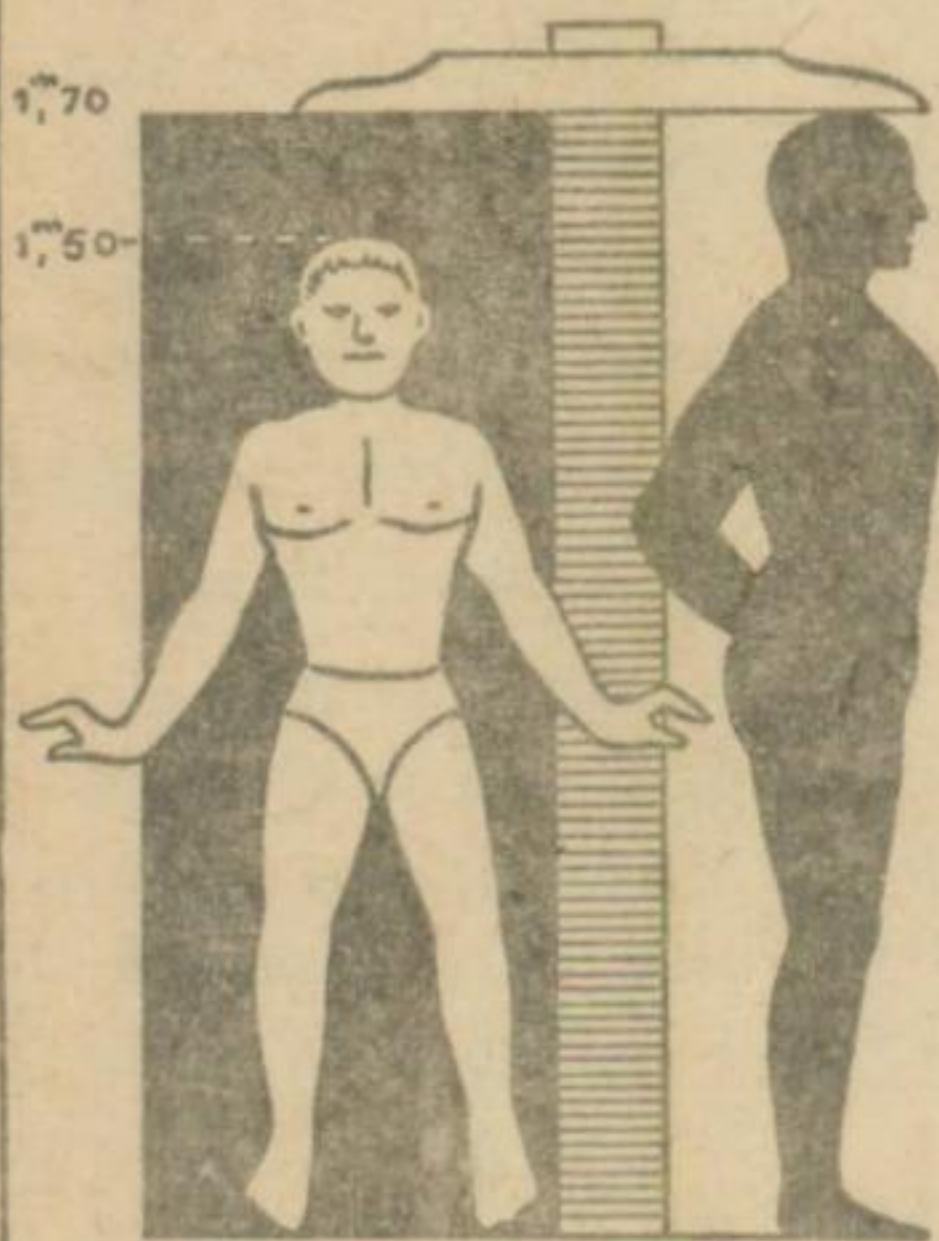
bia Kỹ-công, Văn-nhã-đường, Độc-thư-
đường, cùng những thắng cảnh ở đấy.

Gần đây có một người cháu chắt
Lý-Long-Tường ông Lý-Hòa ở Đại-Hàn
đăng trong báo Thời-Thể ngày 21-3-1967
nhờ tìm anh em là con cháu vua Lý ở
Việt-nam đề ông sang liên-lạc rồi đi
tìm phần mộ và di tích các vua
Lý nhưng tới nay chưa thấy ai
lên tiếng.

ĐỖ-BẰNG-ĐOÀN
và ĐỖ-TRỌNG-HUỀ

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

S6 KN 18 MBYT/QCĐD

TRAM VIẾT TRÊN VÙNG ĐỊNH MỆNH :

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 290-291)

MIỄN-ĐIỆN

đấu tranh giành độc-lập về chính trị và chủ-quyền kinh-tế

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 300)

Hai mươi năm kiến quốc

Trong hai mươi năm độc lập vừa qua của Miến, nếu phải phân-định giai-đoạn thì tưởng không có gì tiện hơn là chia ra làm hai thời kỳ theo diễn-biến tự nhiên của lịch sử : Thời-kỳ U Nu 1948-1962 và thời kỳ Ne Win 1962 về sau. Từ 1948 đến 1962 tuy Ne Win có thay thế U Nu hai năm 58-60 nhưng đường lối chung vẫn là đường lối U Nu, không có sửa đổi gì quan trọng.

U Nu, một Phật-tử rất sùng đạo và có tinh-thần quốc-gia cao độ, đã duy trì một chính sách tương-đối cởi mở theo chế độ dân chủ đại-nghị. Đối với Cộng sản và loạn quân thiểu-số, ông đã tìm cách hàn gắn trong các cuộc đàm phán và thách đố họ hãy tranh đấu hợp pháp bằng lá phiếu trong các cuộc bầu cử. Tuy nhiên, đường lối của ông đã hơn một lần thất bại. Năm 1961 là năm mà cuộc khủng hoảng nội bộ đã đe dọa trầm trọng Liên-hiệp Miến. Chính-phủ tỏ ra bất lực trong việc điều hành phát triển kinh-tế như đã dự liệu. Các nhóm thiểu

số nhao nhao đòi tự trị. Các nhà lãnh-đạo chia rẽ đến nỗi không còn có được một đường lối chung. Ngay cả đến đảng Thống-nhất của chính-quyền (gồm những phần tử đứng về phe U Nu trong Liên minh Nhân dân Tự-do chống Phát-xít — Liên minh đã bị U Nu giải-tán từ năm trước) cũng bị phân hóa vô phương hàn gắn !

Tình trạng này đã dẫn tới cuộc đảo chính (mà nhân dân Miến chờ đợi) của tướng Ne Win ngày 2-3-1962. Cuộc đảo chính đã chấm dứt chế-độ đại-nghị Miến và mở đầu cho một chính sách độc tài mà Ne Win gọi là *tạm thời* trong thời kỳ chuyển tiếp trên đường tiến tới xã-hội chủ-nghĩa kiểu-Miến (Burmese way to socialism). Quốc-hội bị giải tán, các đảng phái bị ngưng hoạt động. Tất cả quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp đều tập trung vào tay một cơ quan tối cao : Hội-đồng cách-mạng. Hỗ trợ cho Hội-đồng cách-mạng về cơ chế và đường lối có một đảng duy nhất, đảng Kế-hoạch Xã-hội.

Hai thời kỳ, hai bộ mặt, với phương cách khác nhau, nhưng vẫn cùng đeo đuổi những mục đích chung trong sự nghiệp kiến tạo đất nước :

— Giữ cho Liên hiệp Miến được toàn vẹn trước các mưu đồ phân ly nội bộ.

— Giữ cho quốc gia Miến khỏi rơi vào vòng ảnh hưởng tranh chấp giữa hai khối Tư-bản và Cộng sản, đồng thời cũng thoát khỏi sự kiểm tỏa của Trung-Quốc.

— Giành lại chủ quyền thực sự về kinh tế cho nhân dân Miến.

oOo

Về mặt giữ vẹn toàn lãnh-thò, chính phủ U Nu đã phải đối phó một cách khó nhọc với các phong trào đòi tự trị của các nhóm thiểu số (1). Mối đe dọa nặng nề nhất cho nền tảng liên-hiệp là cuộc nổi loạn của người Karen.

Người Karen là sắc dân đông nhất trong số các nhóm thiểu số ở Miến Điện. Lúc đầu được khuyến khích bởi chính sách *chia để trị* của Anh (2) sắc dân này đã nuôi sẵn mầm mống phân ly. Đến năm 1949, được Cộng-sản Miến hứa hẹn liên kết, người Karen liền võ-trang đấu tranh đòi tự trị dưới danh hiệu Tổ - chức Quốc - phòng Karen. Trong những năm 49-50 tình-trạng an-ninh ở Miến đã nguy kịch đến độ chính thủ-đô Rangoon cũng bị uy hiếp. Các thị-trấn lớn do chính-phủ kiểm soát bị bao vây giữa sự hỗn loạn ở thôn quê như những củ lao cô-lập giữa biển sóng. Bên bờ hồ thẳm của đồ võ, U Nu đã nhẫn nại hàn gắn bằng cách vừa kiên quyết, bình định từng khu vực nhỏ vừa tiến hành điều đình để mở một lối thoát danh-dự cho loạn quân. Nhờ thế đến ngày 1-7-1954, cuộc nội chiến mới tạm giải quyết được một phần do sự hòa

giải giữa chính phủ trung ương với những phần tử ôn hòa trong nhóm lãnh-đạo Karen. Tuy nhiên, loạn quân Karen chỉ thực sự tan rã trong vòng mấy năm gần đây, nguyên nhân chính là có sự chia rẽ nội bộ nên một số người đã bỏ hàng ngũ trở về với chính-phủ Ne Win hồi cuối năm 1963.

Về điểm giữ cho Miến khỏi rơi vào vòng ảnh-hưởng tranh chấp giữa hai khối, hay nói một cách khác là áp-dụng chính-sách trung-lập tích-cực, cho đến nay, Miến đã đi rất vững trên con đường đã được vạch sẵn về đối ngoại. Dầu sao, trên thực tế, nội bộ Miến cũng vẫn còn gặp nhiều xáo trộn trước các mưu toan bành trướng của Cộng-sản Miến.

Rút kinh-nghiệm từ Thế-chiến 2, các nhà lãnh-đạo Miến nhận thấy sự tham gia vào các phe phái quốc tế để làm vật hy-sinh cho Đế-quốc là một điều phi lý. Hơn nữa, với vị-trí đặc biệt của các quốc gia vùng Đông-Nam-Á, tiếp nhận ảnh-hưởng phe này chắc chắn sẽ bị phe kia phá hoại. Nhất là Miến lại ở sát nách Trung-hoa và đã từng được dùng làm cửa sau của Trung-Hoa

(1) Về lãnh thò, người, thiểu số Miến choán một nửa diện tích đất đai, nhưng về dân số thì chiếm chừng 20%. Người Karen đông đảo nhất gồm chừng hai triệu, còn những nhóm khác ít hơn như Shan (Thái), Chin, Kachin v.v..

(2) Nhóm thực dân Anh chủ-trương chia cắt Miến Điện do D.Smith, nguyên thống đốc Anh ở Miến Điện cầm đầu. Nhóm này đã quy tụ trong một hội lấy tên là *Hội bạn dân miền núi* và đã chính thức đưa ra trước nghị viện Anh hồi đầu tháng 11- 947 đề nghị chia cắt bằng cách thành lập nhiều nước tự trị chung quanh Miến-điện chính quốc. Nhóm này chủ trương sẽ lũng đoạn toàn vùng thuộc-địa cũ qua các nước tự trị của các sắc dân thiểu số mà nhóm tin tưởng là sẽ nắm đầu được.

thông ra An-Độ-Dương (1) trong Thế-chiến 2.

Trung-Hoa, dù dưới thời-đại nào, cũng vẫn là mối bận tâm quan trọng của Miến. Trong hai mươi năm độc lập, Miến đã hai lần đụng độ với ông láng giềng khổng lồ miền Bắc, một lần với Quốc-quân, một lần với Cộng quân.

Đầu năm 1950, bị Cộng-quân đánh dồn xuống phía Nam, đạo quân Quốc dân-đảng dưới quyền tướng Lý-Mỹ bèn mở đường rút lui xuống Bắc Miến. Lúc đầu chỉ có 1700 quân tiên-đạo chiếm đóng tỉnh Kentung; Sau tăng dần và tới 1952 thì lên đến 13.000 người trong đó có 8.000 quân chính-quy. Tổng hành-dinh của Lý Mỹ đóng ở Mong Hsat, còn khu-vực kiểm soát của Quốc-quân thì mỗi ngày một lan rộng thêm, từ vùng Salween xâm nhập sâu vào các Tiểu-bang Shan, Kayah và Kachin. Quốc-quân cũng còn liên lạc cả với loạn quân Karen ở miền Nam để mưu tính liên kết.

Theo William O. Douglas ghi lại trong tập bút ký North From Malaya (2) thì binh lính Quốc quân đã tới các làng mạc của người Shan thu vét lương thực, phẩm vật và trả bằng trái phiếu có ghi chữ « Hoa-kỳ sẽ hồi hoàn » (I O U's reading « America will pay »). Ấy là không kể đến những hành động đốt phá cướp bóc xảy ra hàng ngày của quốc dân khi gặp sự đối kháng của dân chúng địa phương.

Quân-đội Quốc-gia Miến khi ấy dù đang vô cùng bận rộn trong việc tiêu trừ loạn quân Karen và Cộng-sản, cũng đã mở nhiều cuộc hành quân chống lại quân Lý-Mỹ. Nhưng dường như vì không tập hợp được các đơn vị lớn

(chiến-dịch bình định đã phân tán mỏng Quân-lực Miến) nên Miến không đạt được kết quả nào đáng kể. Hơn nữa cái thế hai chân hai bên biên-giới Miến Thái cũng tạo điều-kiện thuận lợi cho Quốc quân. Đã nhiều lần để tránh xung đột lớn với quân Miến, Lý Mỹ đã tản lực lượng sang Thái Lan, nhưng ngay sau đó đại tình thế khả quan lại trở lại Miến và cướp bóc mạnh hơn.

Cuối cùng Miến đã đưa vấn đề Quốc quân xâm lược Miến ra trước Khóa 7 Đại-hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc năm 1953. Rồi sau hàng năm điều đình, Quốc quân mới chịu rút khoảng 6.000 về Đài-Loan, phần còn lại vẫn chiếm giữ bất hợp pháp một phần lãnh-thổ Miến cho đến đầu năm 1961 mới bỏ hẳn đất này di tản sang Lào và Thái-lan. Tuy nhiên cho tới nay miền Bắc Miến vẫn còn một số không nhỏ lính Tàu sống lẫn lút bằng nghề cướp bóc.

Ngay khi vụ Quốc-dân-đảng chưa được giải-quyết, Miến đã lại có chuyện với Cộng-sản Trung-hoa, điều mà chính-quyền Miến vẫn luôn luôn lo sợ và cố né tránh. Miến đã làm mạnh trong vụ Lý-Mỹ một phần cũng vì e ngại Bắc Kinh mượn cớ đem quân sang can thiệp. Nhưng rút cục, dù không lấy

(1) Từ 1942 đến 1942, vì bờ biên Trung-hoa bị Nhật phong tỏa nên Anh Mỹ phải tiếp tế cho Trung-hoa qua đất Miến. Trong dịp này quân lính Quốc-dân-đảng và nhân công Miến đã làm con đường từ Lashio (Tây-Bắc Miến) đến Côn-Minh tỉnh Vân-Nam ngoằn ngoèo theo triền núi dài 1.100 km trong khi theo đường chim bay chỉ có 350 Km. Trung-lộ được đặt tên là Đường Miến-Fiện (Burma Road) và do Tướng Cọp Bay Claire Chennault bảo vệ.

(2) Doubleday and Company Inc. xuất bản, New York 1953.

có Quốc-quân, Bắc Kinh cũng tạo ra có khác đề đem quân xâm phạm đất Miến, một cái có khá kỳ-cục: Dùng quân-đội để ấn-định lại ranh giới Trung-Miến theo ý riêng của nhà-nước Trung Hoa!

Vụ xâm phạm lãnh-thổ trắng trợn năm 1956 này đáng lẽ đã có thể trở thành cuộc khủng hoảng quốc tế và có thể sẽ nguy hại cho chính sách trung-lập của Miến, nhưng cũng may nhờ cuộc Cách-mạng Hung-gia-lợi và chiến-tranh Suez quá ầm ĩ làm chìm khuất đi nên tránh được việc nước ngoài lợi dụng khai thác. Miến đã cố làm cho tình-hình lắng dịu bằng cách lờ đi cả đề-nghị đòi Liên-Hiệp-Quốc trừng phạt Trung-Cộng của Thái-Lan, và đề thu-xếp ổn thỏa, U Nu đã phải bay sang Bắc Kinh điều đình xin Cộng quân lui binh. Sau này, Ne Win đã ký một hiệp-trước Trung-Miến về biên-giới nên ềb ngoài sự việc coi như đã được giải quyết. Trên thực tế, càng ngày Cộng-quân Trung-hoa càng quá lỏng chổng ra vào di-chuyển trên đất tiểu-bang Shan như di-chuyển trên lãnh thổ Trung-hoa. Chúng mở cửa biên giới cho hàng hóa Trung-Cộng ừa vào thị-trường Tây-Bắc Miến một cách bất hợp pháp để phá hoại kế-hoạch xã-hội hóa của nhà nước Miến Điện ở vùng này.

Trong năm 66-67, nhằm can thiệp vào nội tình Miến-Điện một cách trực tiếp hơn, Bắc Kinh đã chỉ thị thanh-trừng tất cả các phần tử xét-lại trong đảng Cộng-sản Miến, và sau đó võ trang tinh thần cho đảng này bằng cách ra mặt ủng hộ đề Đảng có thể hoạt-động hữu hiệu hơn trong cuộc chiến-tranh phiến loạn (mà Cộng sản gọi là Chiến-tranh Nhân-

dân) chống Ne Win (người mà Đài Phát-thanh Bắc Kinh thường gọi là *Tướng-Giới-Thạch Miến-Điện*).

Tình-trạng bang giao Trung-Miến vốn đã sứt mẻ lại càng rạn nứt trầm trọng hơn trong hoạt động khởi đầu *cách-mạng văn hóa* của Học-sinh Hoa-kiều tại Rangoon. Hồi mùa Hè 1967, 200 học sinh Hoa kiều đã diễu hành với phù-hiệu ảnh Mao-trạch-Đông, bất chấp lệnh cấm của chính-phủ Miến. Dân Thủ-đô Miến phản ứng lại bằng các cuộc bạo động chống Hoa-Kiều. Hậu quả là âm mưu *cách-mạng văn-hóa* bị đập tan, nhưng đồng thời Rangoon cũng bị Bắc Kinh lập tức hủy bỏ chương trình viện trợ đang vì sắp thực hiện.

Trước hoạt động phiến loạn gia tăng của Cộng-đảng Miến, mới đây Tướng Ne Win đã tăng cường đạo quân quốc-gia Miến 125 ngàn người bằng cách âm thầm nhận một số quân dụng và sự yểm trợ về huấn-luyện của Mỹ trong kế-hoạch quân viện thu hẹp vô-điều-kiện mà Mỹ đề nghị Ne Win cũng thừa rõ âm mưu gây ảnh hưởng trong hành-động viện trợ của các Đại-cường, nên cũng như khi nhận viện trợ của Nga và Trung-Cộng trước đây, Ne Win đã từ chối mọi lời cam kết với Mỹ, cho đến cả tờ báo *Thế-gới Tự-do* của Hoa-kỳ Hải-ngoại Thông-tin Vụ cũng bị cấm ấn hành ở Rangoon. Mặt khác, Ne Win hiện vẫn dùng ngoại giao mà nói chuyện với Trung-Cộng về các vụ vi-phạm đất Shan hơn là dùng những biện pháp mạnh vì sự dẫn đến mối hiểm nguy mới mà Miến tự biết khó có thể đương đầu một mình!

Song song với việc chống đỡ các mặt trận trên, chính-phủ Miến cũng không quên tấn công mạnh trên mặt trận kinh-

tế để thâm đoạt lại chủ quyền trong tay ngoại nhân. Tại Miến trước đây, nền kinh-tế quốc-gia nằm gọn trong sự lũng đoạn của các giới Thương-Kỹ Anh, Ấn, Hoa. Trong thời chiến tranh, mọi hoạt động Công-nông-nghiệp đều sút giảm một cách thê thảm. Nhưng sau khi quân Nhật đầu hàng, guồng máy kinh-tế lại bắt đầu vận chuyển trở lại ngay.

Trước cao trào đấu tranh của nhân dân Miến, giới tư bản Anh thấy không còn ngồi-yên-ăn-lâu được nữa, họ bèn tìm đủ mọi cách khai thác gấp rút trong cảnh chợ chiều 1946-1948. Tài nguyên khoáng sản được thu vét xuất cảng tới mức tối đa. Anh kim của Miến dự trữ trong các ngân hàng Anh bị giữ lại và chỉ cho chi hạn chế 4 triệu trong năm năm. Quyền phát hành giấy bạc được chuyển cho một Ủy-ban ở Luân-đôn thuộc sự điều khiển của một Ngân-hàng Anh. Và sau hết Miến phải cam kết bồi thường xứng đáng cho những người Anh bị trưng dụng tài sản.

Về nông-nghiệp, tình trạng lại dần dần trở lại thời tiền chiến như đã đề cập ở đoạn trên, nghĩa là các địa chủ Hoa-Ấn rục rịch tiếp tục sống bằng mồ hôi nước mắt của nông dân Miến qua sự cho mượn ruộng, cho vay tiền !

Sau ngày độc lập, U Nu đã chủ-trương tức khắc thi hành việc loại trừ thống trị kinh-tế của ngoại nhân. Để xây dựng một nền công-kỹ-nghệ dân tộc, chính phủ đã đặt ra kế hoạch với các biện pháp sẽ thi hành :

— Quốc hữu hóa (có bồi thường theo cam kết) các xí-nghiệp quan-trọng của tư-bản ngoại quốc.

— Cải tổ các Công-ty Anh còn lại thành Công-ty hợp doanh Anh-Miến.

— Giúp đỡ tư-sản dân-tộc cơ hội

phát-triển trong địa hạt công-kỹ-nghệ.

— Xây dựng những xí-nghiệp quốc-doanh mới.

Về mặt nông nghiệp, hành động đầu tiên của U Nu năm 1948 là tung ra sắc lệnh quốc hữu hóa ruộng đất, hạn chế đại-địa-chủ, chia đất cho dân cày. Thực tiễn hơn, năm 1953 chính phủ đã quyết định trưng mua 9,9 triệu Mẫu-Anh đất (số ruộng đất trồng trọt toàn quốc là 21 triệu) của địa chủ có trên 50 Mẫu Anh để phân chia cho những người nguyên là tá điền, mỗi nông hộ 10 Mẫu-Anh. Công tác này theo dự liệu sẽ hoàn tất trong 10 năm kể từ 1954, nhưng dưới thời U Nu, việc thực hiện gặp rất nhiều trở ngại nên phải đợi sau 1962, chính-phủ cách-mạng mới xúc tiến mạnh mẽ

Trong địa hạt tài chánh, U Nu cũng đã lấy lại được chủ-quyền phát hành tiền tệ từ Cục Quản-lý Ngoại-tệ ở Luân-đôn về Ngân-hàng Miến-điện.

Dù sao, tới năm 1954 tại Miến vẫn còn tới 17 ngân-hàng ngoại-quốc trong số 22 ngân hàng tư-doanh. Và vì không có kế hoạch dài hạn lại gặp tình trạng loạn lạc rối ren, nỗ lực giành lại chủ-quyền kinh-tế của Miến có vẻ bắt đầu loãng dần. Nhật, Tây-Đức, Thụy-Điển Anh, Mỹ, Nga, Trung-Cộng lại ào ào nhảy vào khai thác thị-trường xứ này. Phải đợi những nhát chổi tàn nhẫn của Ne Win trong việc quốc-hữu-hóa tất cả các ngân-hàng tư-doanh còn lại và tung ra những biện-pháp làm nản lòng giới thương mại, những tay buôn ngoại-quốc mới lại lảng ra dần ; Ấn-kiều và Hoa-kiều đã rút về nước hay đi xứ khác làm ăn một số đông trong những năm đầu Miến độc lập, nay lại là dịp kéo nhau đi nữa, đến nỗi người Ấn hiện

chỉ còn vài chục ngàn, người Tàu cũng không còn tới một trăm ngàn (một tỷ-số thấp nhất so với các quốc-gia khác ở Đông-Nam-Á !)

Sau cuộc đảo-chính 1962, Hội đồng Cách-mạng do Ne Win cầm đầu đã công bố một bản tuyên-ngôn minh định kế-hoạch được mệnh-danh là kế-hoạch xã-hội-hóa nhằm tạo ra một xã-hội không còn cảnh người bóc lột người. Bản tuyên-ngôn phủ-nhận đấu-tranh giai-cấp vì cho rằng con người vốn không bình đẳng về tinh-thần cũng như vật chất nên phải có sự chênh lệch, tuy nhiên không thể chấp nhận những sự chênh lệch về lợi tức không hợp lý. Nhà nước xã-hội vẫn chấp nhận quyền tư hữu, nhưng tư-sản chỉ được tạo nên bởi chính sức cần lao của cá-nhân chứ không bằng các hành-vi mờ ám, gian manh

Cũng trong Bản tuyên-ngôn, Hội đồng cách mạng đã cho rằng đem áp-dụng chế-độ Dân-chủ Đại-nghi ở các xã-hội chậm tiến là không thực-tế. Chánh quyền cần phải tự dành một giai-đoạn chuyển tiếp để hướng-dẫn quần-chúng. Ne Win không minh định giai-đoạn ấy là bao lâu, nhưng nếu nó được đặt song hành với kế-hoạch phát-triển kinh-tế 7 năm (công bố năm 1953) thì sẽ chấm dứt vào năm 1970

Dựa vào ý niệm trên, Nhà Nước đã trực tiếp điều-khiển tất cả các ngành sản xuất và phân-phối nhu yếu-phẩm. Cho tới nay, đời sống dân chúng đã trở nên vô cùng khó khăn vì dù nỗ lực đến mấy các xí-nghệp quốc-doanh vẫn chưa thỏa mãn đủ nhu cầu tiêu-thụ của quần chúng.

Các ký-giả Tây-phương vẫn thường chế nhạo cảnh trạng này bằng cách kể những câu chuyện như «mua một cái bàn chải đánh răng cũng phải có giấy phép và phải chờ đợi lâu lắc», hoặc Các quân nhân thiếu kinh nghiệm về

hoạt vụ kinh-tế đã tỏ ra vụng về trong việc lưu trữ và phân phối đến nỗi ở kho trung-ương thực-phẩm hư thối phải đổ xuống sông Rangoon, trong khi tại các cửa hàng mậu-dịch thì với xẹp ». Dù chèn hao như vậy họ vẫn phải công nhận «Chắc chắn là Ne Win đã đạt được một trong những mục tiêu của ông là đoạt lại chủ quyền kinh-tế vốn ở trong tay ngoại-nhân như Anh, Ấn, Tàu từ bao nhiêu năm nay » (1).

Dấn thân vào con đường tiến tới xã-hội chủ-nghĩa kiểu Miến-Điện có thể nhân dân Miến đã phải sống trong tình-trạng thiếu thốn về vật chất và tạm thiếu cả tự do, nhưng nếu muốn đạt được chủ quyền chính-trị người ta đã phải trả bằng máu thì việc đạt được chủ-quyền kinh-tế (cũng quan-rọng không kém) đâu có phải trả bằng sự cam khổ nhất thời tưởng cũng chưa hẳn là quá đắt.

Những người quan sát tình hình Miến đều cảm thấy sớm muộn gì Miến cũng sẽ thay đổi đường lối sau khi đã được các mục tiêu đầu tiên. Về mặt nội bộ, triệu chứng nổi lòng chế-độ đã hé mở khi chính-phủ trả tự do cho 336 chính-tri-gia bị bắt giữ từ tháng 3-1962. Về đối ngoại, Miến không thể tự sống bưng kín mãi, cũng không thể mở cửa đón một đại-cường nào vì như vậy là trái với đường lối trung-lập của Miến. Liên hệ quốc tế nếu có chắc chắn sẽ không ngoài mối liên hệ địa phương với các quốc gia Đông-Nam-Á như tờ báo Wor-king Peoples Daily, cơ quan ngôn luận chính thức của chính phủ Miến, mới viết «Thực tế chính-trị quốc tế đòi hỏi phải có sự liên hợp rộng lớn hơn giữa các quốc gia Đông Nam Á với nhau » (10)

PHẠM VIỆT CHÂU

(1) LIFE, ấn-bản Á-châu số 10, bộ 41 ngày 27-5-1968, bài Why Ne Win went visiting của Louis Krear.

(2) Số tháng 4-1968.

XÃ GIAO và NGHI LỄ

L.T.S. Bài sau đây do Ông Phạm-Trọng-Nhân, Giám đốc Nha Nghi lễ Bộ Ngoại-Giao, thuyết trình tại Khóa Hội-thảo về Xã-giao và Nghi-lễ, do Bộ Ngoại-giao tổ-chức cho các đại-diện Bộ và các tỉnh vào hạ tuần tháng 7-69.

Định-nghĩa

a) — Vấn-đề danh-từ.

Trước hết xã giao là gì ? Và nghi lễ là gì ?

Xã là xã - hội, giao là giao-thiệp, có qua có lại, bằng những cách thức thích-dáng với đời. Có khi dùng chữ giao-tế, giao - thiệp, giao-dịch, cũng không ngoài mục - đích và định-nghĩa trên. Đây là một vấn-đề ít ai lưu-ý, mà thực ra nó quan-trọng vô cùng. Nó ràng buộc, nó chi-phối, từ những cử-chỉ nhỏ-nhất của cá-nhân cho tới các hoạt-động lớn lao của quốc-gia, chẳng khác nào một sợi giây vô-hình nhưng bền-bỉ. Nói tóm lại, xã-giao là trao đổi, là gặp gỡ, là đối xử....

NGHI là khuôn mẫu. LỄ là cách tỏ bày kính-ý. Nếu xã-giao là đề hoạt-động tiếp-xúc hàng ngày, thì cao và xa hơn, nghi-lễ là đề tuân theo nhân các cơ-hội quan-hệ và trang-trọng, có tánh-cách tôn-giáo, chánh-trị, chánh - thức quốc-gia hay quốc-tế.

Nếu dùng ngoại-ngữ, chúng ta có thể, liên-tưởng tới cả một bộ danh - từ danh-từ nào cũng đượm một ý-nghĩa đặc-biệt và thú-vị. Xã-giao : bienséance,

civilité, savoir-vivre, étiquette .. Nghi-lễ : cérémonial, protocole...

« Bienséance » có nghĩa là thích-hợp, là hợp-lễ, hợp-lẽ... « Civilité » có nghĩa là trang-nhã, biết tôn-trọng những điều cần thiết cho đời sống chung đụng hàng ngày. Danh-từ « savoir-vivre » có thể tạm dịch là đạo xử-thế, làm sao để người khác khỏi buồn vì mình kém nhã-nhận hay thiếu tế-nhị .. Xét cho cùng, đạo xử-thế còn cao và xa hơn cả pháp-luật. Không phải vì sợ người cảnh binh hay viên cảnh-sát-trưởng, mà người công-dân phải trau-dồi đạo xử-thế, nhưng chính-vì và chỉ vì muốn nâng cao phẩm-cách của mình và của những người xung quanh, đồng-truyền đồng-hội...

Danh-từ « étiquette » cũng đáng cho chúng ta bỏ chút thì giờ, đề cùng ôn lại một thiên giai-thoại. Vua Louis XIV nước Pháp rất cưng các thăm-hoa chiếu cỏ tại độn Versailles. Người làm vườn đã thận-trọng cắm những tấm biển nhỏ (tiếng Pháp kêu là « étiquette »), yêu-cầu khách nhàn-du đừng đi trên các bãi cỏ non nớt. Nhưng vì vô-tâm hay sơ-ý, mà cũng có thể vì thuộc hàng-ngũ các danh-gia lệnh-tộc nên tự cho như có quyền coi thường luật-lệ, một số vương-

tôn công-tử cứ thần-nhiên dẫm chân lên. Sau cùng, người làm vua phải tâu nhà vua ban-hành một đạo-dụ, cường-bách ai nấy tôn-trọng những điều ghi trên tấm biển. Và danh-từ «étiquette» từ đó được dùng để chỉ những điều phải tuân theo, trong đời sống xã-hội hàng ngày..., từ ăn, uống, mặc, cho đến ngồi, đi, đứng...

« Cérémonial » có nghĩa là lễ-pháp, hay diễn-tiến của buổi lễ, tôn-giáo, quân-sự hay dân-sự. Có thể phân-biệt : lễ-pháp chánh-trị dành riêng cho các vị quốc-vương, nguyên-thủ ; lễ-pháp ngoại-giao hay « *protocole* » liên-hệ tới mối tương-quan giữa các nhân-viên ngoại-giao, hành-chánh, chánh-trị, có qui-định cả số phát súng đại-bác đón chào cùng là cách-thức hành-lễ trên đất liền hay mặt biển.

Danh từ « *Protocole* » chỉ-định tất cả những chi-tiết phải tuân theo khi hành-lễ, hoặc giao-thiệp, tiếp-xúc, chánh-thức hay không chánh-thức, giữa các chức-vị, nhân-viên, quan-trọng nhiều hay ít... « *Protocole* » còn có nghĩa : qui-tắc thảo các văn-thư trao-đổi giữa các vị Quốc-vương, Thủ - tướng, Tổng - trưởng, Hoàng - thân, Đại - sứ... Danh - từ « *Protocole* » bắt nguồn từ tiếng Hy-lạp « *PRÔTOKOLLON* » : « *Prôtos* » nghĩa là đầu tiên, thứ nhất, « *Kolla* » nghĩa là dính, dán. Nói tóm lại, là tờ giấy đầu tiên, thứ nhất, người La-mã và người Byzantins dán trên cuộn tài-liệu ghi chép những qui-lệ... cần phải tri, hành.

b) — Từ nội-dung tới hình - thức, và từ hình-thức tới nội-dung.

Khổng-học đã được phát-huy và phát-triển, là nhờ ở Lễ và Nhạc.

Lễ không phải chỉ riêng những công việc tế thần cúng thánh Lễ chỉ tất cả mọi thể-chế trong xã-hội, ngụ-ý tất cả những điều mà con người phải làm để theo đúng nhịp điệu-hòa của vạn-vật. Con Nhạc chủ-trương ảnh-hưởng hỗ-tương và quan-hệ của nội-cảnh đối với ngoại-vật, cũng như đối với công-cuộc rèn luyện tâm-tính. Khi ta vui thì cảnh cũng vui cùng, và khi cảnh buồn thì lòng ta cũng buồn lây. Bởi vậy, muốn duy-trì trật-tự, phải có Nhạc...

Lỗ-Ái-Công hỏi đức Khổng-tử về hình-thức chủ-nghĩa. Trong tang-lễ và hôn-lễ, y-phục phải thế mà ? Và cứ như vậy mà suy-luận, chúng ta hiểu tại sao các nhà hữu-trách đặc-biệt chú-trọng tới lễ-nhạc, quân-nhạc, lễ-phục, và quân-phục... Mũ áo có ảnh-hưởng đến thái-độ của quân-nhân, do đó mà phần nào trở nên hơn hay kém, hèn-nhát hay dũng-cảm...

Kính-ý tự nhiên trong thâm-tâm được biểu-lộ bằng những cử-chỉ khiêm-cung : vái, chào, thưa, gửi... Do đó, đã vốn có kính-ý, lại càng thêm kính trọng. Ngược lại, bất-kính trong thâm-tâm mà phải miễn-cưỡng vái chào vì nghi-lễ, thì chính cử-chỉ miễn-cưỡng hình-thức cũng đã phần nào, tiết-chế cái thái-độ bất-kính trong tâm-khảm...

Có những người theo tôn-giáo là vì đáp lời một thứ tiếng gọi huyền-vi, mẫu-nhiệm. Trái lại, cũng có những người kỳ-thủy không có một chút ý-niệm tôn giáo, ấy thế mà sau này trở nên ngoan-đạo, chỉ vì tình-cờ đã có dịp lui tới nơi nhà chùa nghe giảng, hay nhà thờ xem lễ...

Nói tới tôn-giáo, chắc-chắn là chẳng

bao giờ người ta lại có thể trở nên thực-tế một cách phũ-phàng quá-đáng để chấp-nhận hình-ảnh một vị Hòa-hượng thuyết-pháp, hay một vị Linh-mục hành-lễ, mình bận quần cụ áo thun, vì trời nóng bức...

Mỗi y-phục, mỗi cử-chỉ, chỉ có thể phù-hợp đối với một số trường-hợp, một số khung cảnh... Và nội-dung ảnh-hưởng tới hình-thức, cũng như hình-thức ảnh-hưởng tới nội dung...

Cũng vì vậy, vị thẩm-phán xử-án, vị biện lý buộc tội, vị luật-sư biện-hộ, mang áo màu đen, giải trắng nơi trước ngực để tượng-tượng tinh-thần công-bằng cũng như tăng thêm vẻ trang-nghiêm của buổi đấng-đường. Vị bác-sĩ mang áo và mũ vải màu trắng khi khám bệnh hay giải-phẫu, phần vì lý-do vệ-sinh nghề-nghiệp, nhưng phần khác cũng không ngoài mục-đích nhắc-nhở cho vị bác-sĩ cái tinh-thần y-học vị-tha cũng là gây thêm tín-nhiệm và hy-vọng cho bệnh nhân, đau khổ, cần được chăm-nom, an-ủi...

Tại một số trường Luật-khoa Đại-học, nơi đại giảng đường, vị giáo-sư trang-trọng giảng bài, áo màu đen, cổ màu trắng, trên vai có đeo giải lông tơ chuột hương, màu trắng tuyết... Buổi đầu niên học, và buổi lễ phát bằng, các giáo-sư còn đội mũ màu đen, có điểm những băng sa-teng đỏ...

Vì Đại-sứ trình ủy-nhiệm-thư, phải có cờ, có nhạc, có diễn-văn, có đáp từ, đề nhắc cho ai nấy cái vai trò trang-nghiêm quan-trọng của vị Đại-sứ, là đại diện cho cả một quốc-gia, cả một dân-tộc, và nhất là đại-diện cá-nhân và chánh-thức của vị Quốc-trưởng liên-hệ bên vị Quốc-trưởng địa-phương...

Chúng ta sẽ có dịp phân-tách những chi tiết cần-thiết này trong một đoạn sau khi bàn tới guồng máy ngoại-giao, với các đặc-quyền, đặc-miễn...

c) – *Từ bối cảnh bình thường tới bối cảnh bất-thường.*

Thật khó phê-bình và định nghĩa thế nào là bình thường, và thế nào là bất thường? Đó là một vấn-đề tương-đối và bối-cảnh: Cái gì mà nhiều người theo là bình thường; trái lại, cái gì mà ít người có, được ít người theo, là bất-thường. Bình-thường hay bất-thường có thể thay-đổi tùy quan-niệm, tùy hoàn-cảnh, lại tùy không-gian, và tùy cả thời gian. Có thể bình thường ở thế-kỷ này, mà bất thường ở thế-kỷ trước. Có thể bất thường tại Anh, tại Nhật, mà bình-thường tại Việt-Nam hay ngược lại...

Những ai đã có dịp qua Anh-quốc, đều phải đồng lòng công-nhận người Anh trầm-lặng và lễ-độ đến mức đôi khi làm ta phải ngạc-nhiên. Lấy giấy đi xe «buýt», vào cửa tiệm mua thực-phẩm hay may y-phục... người Anh lúc nào cũng lặng-sàng và trầm-lặng nhường nhịn lẫn nhau. Người tới trước vô trước, người tới sau mua sau, hồn nhiên xếp hàng chờ đến lượt mình. Cử-chỉ chen-lấn, hò reo, xô-dẩy... dường như không bao giờ có thể xảy ra. Mà vì như rất hãn-hữu có người tới sau mà lại vào trước, mua trước, hay lên xe trước... (lẽ dĩ-nhiên là sau khi đã xin lỗi và xin phép các người tới trước mình), thì ai nấy cũng lại đều mỉm cười thông-cảm, vì biết đó là trường-hợp bất khả-kháng.

Tại Luân-đôn dân-cư đông như vậy, mà tịnh không bao giờ người du-khách phải chứng kiến cái thảm-cảnh: xe hơi tranh vượt lẫn nhau, sống-sượng, ngang

nhien, đôi khi gần như khiêu-khích, nhận kèn in-ôi, băng qua đèn đỏ, đi ngược đường một chiều, hay bên kia đường lẫn kếp màu vàng!... Vì người bản-xứ cũng như du-khách đều biết tôn-trọng luật lệ. Từ người thường dân cho tới những nhân-vật quyền-cao chức-trọng ai nấy đều kiêu-hãnh quan niệm: làm ngược lại, ấy là một cử-chỉ *tự khi*, không những phản xã-giao mà còn gây nguy-hiểm cho tính mạng của người đồng-bố rẽo mẫm xáo-trộn có phươ ng hại tới nền trật tự chung... Ấy là chưa kể còn hương-tồn tới uy-quyền quốc-gia, uy-tin chánh-phủ, và uy-danh dân-tộc...

Một hôm, tôi đậu xe tại một đường phố ngoài châu thành Luân-đôn, tới hăm nhà bảy. Khi trở ra, thấy có danh thiếp gài ở chiếc gạt nước, trên tấm kính xe. Danh-thiếp ghi mấy dòng văn-tắt, mà thật hùng hồn.: «Xe tôi chạm xe Ông. Tôi xin lỗi. Tôi có việc vội không chờ được. nên để lại mấy dòng này. Sửa xe, cộng với mọi phí-khoản bao nhiêu, xin Ông cho biết để bồi hoàn. Một lần nữa, xin lỗi Ông rất nhiều...»

Miền quê Kyoto, một buổi chiều mùa hạ. Tôi lái xe hơi trên con đường làng nhỏ theo sau một chiếc xe bò chở đồ. Chiếc xe bò lăn bánh, già nua, chậm chạp. Hồi lâu, tới chỗ đường rộng, xe bò né sang một bên, nhường chỗ cho xe hơi đi trước. Người «xà-ích» ngồi trên xe bò vội nhảy xuống đất, lễ phép đứng cúi đầu chào, rồi nhỏ-nhẻ xin lỗi vì «đã làm phiền lòng du-khách đợi chờ».

Những cử-chỉ bình-thường và dễ thương như vậy tại nước người thái-bình và thịnh-vượng, ví như nhập-cảng được sang một vài nước khác đang buổi loạn-ly xáo-trộn tất-nhiên phải coi là bất thường! Vì tại các nước này,

hoạt-cảnh bình thường là: xe đi ngược chiều, vượt đèn đỏ, quẹo hay đậu nơi có bảng cấm, hay đi bên trái đường lẫn kếp màu vàng!... Nhân viên cảnh-sát công-lộ có tận-tâm và đáng khích-lệ bao nhiêu cũng vẫn quá ít so với số quá đông người xử-dụng công-lộ: họ dường như cảm thấy hạnh-phúc hay kiêu-hãnh mỗi khi được dịp coi thường luật-lệ! Bài toán nan-giải liên-quan tới vấn-đề công-dân giáo-dục, hơn là hiệu-năng của ngành cảnh-sát.

Mà đáng buồn hơn nữa, một số những cử-chỉ phản xã-giao và vô trật-tự đó, đôi khi lại do những phần tử, quốc gia hay ngoại-quốc, có nhiệm-vụ bảo-vệ hay góp phần cộng-tác vào công cuộc bảo-vệ trật-tự chung.

Không thể nói: vì có một thiểu-số ngoại nhân, phiêu-lưu và kém xã-giao, họ không tôn-trọng luật-lệ lưu-thông, nên người bản-xứ cũng được thế làm theo. Vì chẳng tội thân gì mà đơn-phương gò bó. Trái lại, trong bối-cảnh như vậy, người bản-xứ lại càng phải thận-trọng nêu gương-sáng.

Tại Anh, sau khi lái xe «*ô tô*», vút rác xuống đường, lúc nhìn lại thấy người Anh trầm-lặng và trật-tự, người ngoại-quốc không khỏi ngỡ-ngàng bối-rối, vì có mặc-cảm tội-lỗi phần nào...

Đối tượng

Giữa cá-nhân với cá-nhân, giữa cá-nhân với đoàn-thể, hay giữa các đoàn-thể với nhau, mối tương-quan luôn luôn phải được thực hiện trên căn-bản của chữ Lễ. Vì chỉ với điều-kiện ấy, giao-thiệp mới thú-vị, có ích-lợi, và cuộc sống mới có nghĩa-lý.

Cá-nhân trọng cá-nhân, cá-nhân trọng đoàn-thể, và đoàn-thể trọng đoàn-thể : ý-niệm không có gì mới lạ. Ý-niệm không có gì mới lạ. Ý-niệm giản-dị xuất-hiện ngay từ khi có hai người đối-diện hay gặp gỡ, mặc-dù là nam nữ, lớn nhỏ, hay già trẻ... Ý-niệm được tóm-tắt và bao-hàm trong mấy câu châm-ngôn, huấn-giới, thật đơn-sơ và cồ-kính: tiền khách hậu chủ, — đừng làm việc gì cho ai khi chính mình không muốn người khác làm cho mình, — hãy làm cho người khác điều gì chính mình muốn người khác làm cho mình v.v...

Bắt nguồn từ nhận-xét đó, ta sẽ thấy chữ lẽ áp-dụng giữa các quốc-gia không gì ngoài và hơn định-thức đã ghi ở trên đây. Vì quốc-gia là đoàn-thể to lớn nhất, trong phạm-vi ranh giới của một lãnh-thổ.

Trong cộng-đồng quốc-tế, vị-trí của một quốc-gia thật rõ-rệt và minh-bạch. Một quốc-gia phải được các quốc-gia khác tôn-trọng ; một quốc-gia có bổn-phận tôn-trọng các quốc-gia khác. (1) Mọi vi-phạm dưới hình-thức này hay hình-thức khác, sẽ là mầm gây ác-cảm. Và ác-cảm thường-xuyên, liên-tục, giữa hai dân-tộc, sớm hay muộn, sẽ là mầm gây nên chiến-tranh tàn-khốc...

Trên lãnh-vực nghi-lễ ngoại-giao, không có nước lớn hay nước nhỏ (1). Chỉ có nước thù, nước không quen, và nước bạn. Và trong số các nước bạn, tùy nghi, đặc biệt, hân hữu, có thể tế-nhị phân-biệt nước bạn sơ hay thân và thân nhiều hay thân ít.

Xã-giao và Đời sống Xã-hội.

Xã-hội sẽ là một hỏa-ngục, bất-khả thủ nếu các người đồng-bối trong công-cuộc tiếp-xúc hàng ngày không lấy xã-giao làm căn bản. Đó là một vấn-đề

cộng-dân giáo-dục. Sau khi đã là một học sinh ngoan-ngoãn, một sinh-viên có tiết-độ, người thanh-niên vào đời sẽ trở nên một công-dân tốt, biết nhường nhịn có óc nghiêm-xác và tế-nhị. Nghĩa là người công-dân đó lịch-thiệp, lịch-sự, có xã-giao.

Không thể tưởng tượng xã-giao hồn-nhiên và thành-thực, đừng kiêu-cách, không thối-lợ (nghĩa là trong phạm-vi lương-tri và mực-thước), ảnh-hưởng tốt bao nhiêu tới cuộc sống cá-nhân cũng như xã-hội.

Trước hết, dù muốn dù không, người có xã-giao đã tạo hạnh-phúc cho chính mình, thâm-tâm mãn-nguyện vì làm những cử-chỉ đẹp. Thứ đến người (hay các người) trực-tiếp hay gián tiếp, được hưởng những cử-chỉ đẹp đó.

Người lịch-thiệp có xã-giao luôn luôn nghĩ đến người khác tới sau, nhất cử nhất động đều có một tầm mắt cao và xa hơn những điều diễn ra trước mắt, mặc dù là việc to hay nhỏ...

Các bạn có thể hình-dung (và chúng tôi dám chắc nhiều bạn đã từng phen nếm trải nỗi bực dọc này) : tìm mãi

(1) « Uy-thể dân-tộc và cá-tính chánh-trị của mọi quốc-gia phải được tôn-trọng đồng-đều ; mỗi quốc-gia có quyền tổng-quát được tôn-trọng trong danh-dự ; vì mặc-dù trên thực-tế có nước lớn nước nhỏ, nhưng trên nguyên-tắc, biểu-hiện của chủ-quyền quốc-gia đều phải giống nhau. Một dân-tộc, dù hùng mạnh đến đâu, cũng không có quyền cưỡng-bách một dân tộc khác dành cho mình những biểu-diễn tích-cực ngoại-lệ về phương-diện danh-dự, và lại càng không có quyền cưỡng-bách dân-tộc đó coi mình trọng hơn dân-tộc khác. Mỗi quốc-gia đều có quyền tự coi như bị thương-tồn trước những biểu-dương kỳ-thị, hay những hành-động trái với danh-dự của mình... ». (Pradier Fodéré)

không được một chỗ đậu xe, thấy có chỗ trống tưởng mình tốt số, nhưng khi tới nơi, nhìn kỹ, bạn buồn rầu vì người lái xe tới trước đã ích-kỷ và thoải-mái đậu ở giữa một khoảng đất có thể đủ cho hai chiếc xe, khiến bạn tới sau không còn chỗ !..

Các bạn cũng có thể tưởng-tượng : đang đi gần một cao-ốc, bạn bị hạt nhãn hột xoài, vỏ chuối, hay nước thừa rơi hoặc đổ vào đầu tóc hay quần áo. Bạn nhìn lên, công-phấn, vì bất lực không thể khám-phá ra « thủ-phạm »... Và bạn có thể bị té, vì dẫm chân lên vỏ cam, vỏ chuối... Những sự-kiện như vậy, không thể hay ít nhứt cũng khó thể xảy ra ví dụ như tại nước Anh... Vì tại nước Anh, người khách bộ-hành thông-lệ không nữ và không dám vứt rác-rưởi bừa bãi ngoài đường phố. Có thể vì lý-do vệ-sinh, mà cũng có thể vì lòng yêu mỹ-thuật, trong trật-tự.

Xã-giao không phải là độc quyền của một giai-cấp nào. Xã-giao cần cho tất cả mọi người : có sai dị phần nào, ấy chỉ là trong cách-thức áp-dụng, và hình-thức biểu-lộ... Tế-nhị và thận-trọng ít hay nhiều, không thái-quá để trở nên kiêu-cách, mà cũng đừng bắt-cấp để mang tiếng thô-sơ...

Đã là người ai cũng phải mang quần áo. Có quần áo riêng cho các buổi lễ ; có quần áo dành để chơi thể-thao, hay tập thể-dục. Sống đời xã-hội, con người không mang y-phục phạm-lỗi như sao qua nhân-tuyển vật-chất, thì con người bất-chấp xã-giao ngay từ cái hình-thức tối-cần và tối-thiểu, cũng phạm-lỗi thể ấy dưới khía-cạnh tinh-thần... Y-phục cũng như ngôn-ngữ, cử-chỉ, phải cho hợp với tình với cảnh. Và xã-giao, là

bao gồm hết thấy các ngôn-ngữ và cử-chỉ đó.

Không có nghề xấu, và cũng không có địa-vị kém. Chỉ có trách nhiệm nhiều hay ít và ai cũng đáng cho chúng ta mẫn-trọng nếu đã làm bổn-phận của mình đầy-đủ và xứng-đáng. Nhưng ví-dụ (và cũng chỉ ví-dụ thôi), như có giai-cấp cao hay thấp, thì kỷ-nguyên chúng ta là kỷ-nguyên dân-chủ, thể-hệ chúng ta là thể-hệ cầu-tiến và hiểu-học, không bắt buộc : « Trứng rồng lại nở ra rồng, Liu-điu lại đẻ ra giòng liu-điu, » hay : « Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa lại quét lá đa » !.. Thế hệ chúng ta, người công-dân dù ở hoàn-cảnh nào cũng có khả-năng đồng đều để « thăng-tiến xã-hội » : sự-kiện mà ngày nay chúng ta có thể diễn-tả bằng từ-ngữ hợp-thời hơn là : « thay đổi hoàn-cảnh trong xã-hội »... Và như vậy, thì sớm hay muộn và nhiều hay ít, chúng ta đều cần phải có xã-giao...

Xã-giao không những chỉ được thường-thức hay coi như cần-thiết dưới khía-cạnh thẩm-mỹ và giáo-lý, mà còn ảnh-hưởng cả tới an-ninh công-cộng và kinh-tế quốc gia. Nhất là tại những nước chậm-tiến, hay đang tiến. Chúng ta hãy đơn-cử một thí-dụ điển-hình.

Lái xe coi thường luật-lệ khiến lưu-thông đình-trệ : chỉ vì một chiếc xe muốn đi nhanh 5 phút mà khiến toàn-thể các xe bị chậm cả nửa giờ hay hơn nữa, gây tai nạn, khiến người chết, hay bị thương... Sửa xe, chữa đường, chăm nom săn-sóc nạn-nhân, cần đến các nguyên-liệu, dụng-cụ, được-phẩm, phụ-tùng ; trong khi vì lưu-thông bế-tắc, xe lại cần thêm nhiên-liệu... Các hàng-hóa đó không sản-xuất hay chế-tạo tại

chỗ, mà phải nhập-cảng ; do đó lại tổn ngoại-tệ, nghĩa là phi-phạm mồ-hôi nước mắt của cả mọi người ..

Nghi-lễ và đời sống quốc-gia.

Đời sống quốc-gia sẽ trở nên bế-tắc, nếu nghi-lễ bị coi thường. Đối nội cũng như đối ngoại, nghi-lễ phản-ảnh cho trật-tự công-cộng, cho uy-quyền quốc-gia và người ngoại-quốc chỉ nhìn qua cũng đủ để phẩm-bình phán-đoán..

Trong một buổi lễ, nhất là khi có người ngoại-quốc tham-dự, cần phải xác-định ai có bồn-phận đến trước, ai có quyền đến sau, ai có quyền về trước, ai có bồn-phận về sau, và chỗ nào dành cho vị nào, vì lý-do gì ? Không gì phản mỹ-thuật, trật-tự và văn-hiến cho bằng, khi trên khán-đài danh-dự hay trong hàng ghế chủ-tịch đoàn, có một hay nhiều chỗ trống, vì thượng-khách không tới, hay vì ban tổ-chức thiếu tổ-chức và phối-hiệp?... Những nhân-vật trọng-yếu tới dự-lễ hay dự tiệc, đã có thì giờ nhất-định, tùy theo diễn-tiến. Làm trái lại là đã vô tình gây xáo-trộn, và chỉ nhìn vào những sự việc bề ngoài có vẻ đơn-sơ không đáng kể đó, mà người ngoại-quốc có thể khe-khắt phê-bình : dân-tộc có đoàn-kết không, có văn-hiến không, đã trưởng-thành chưa, và có kính trên nhường dưới không ? Vì nếu những sự việc thật quan-trọng tất-nhiên phải bị coi khinh... Chỗ ngồi trong xe cũng

có thứ-tự, chỗ nào dành cho khách, chỗ nào dành cho chủ. Tại một vài nước mới độc-lập, có lần các trường-hợp như sau đã xảy ra.

Thủ-tướng (khách) tới phi-trường. Thủ-tướng (chủ) ra đón tiếp. Thủ-tướng (chủ) mời Thủ-tướng (khách) lên xe, ngồi phía bên tay mặt. Đứng lẽ sau đó phải đi vòng đằng sau xe để lên ghế phía bên tay trái, Thủ-tướng (chủ) đã hồn-nhiên xô-đẩy Thủ-tướng (khách) ngồi sang mé bên trái, để chính mình ngồi bên mặt, cho tiện việc ! Phu-nhân Thủ-tướng (chủ) theo gương chồng, cũng làm như vậy đối với phu-nhân Thủ-tướng (khách). Về sau, phu-nhân Thủ-tướng (khách) than-phiền, khiến nhân-viên nghi-lễ liên-hệ phải giải - thích lúng-túng.. Vì không thể công-nhận Thủ-tướng của mình và phu-nhân đã hành-động đúng nghi-lễ, mà cũng không thể đơn-sơ xin lỗi vì Thủ-tướng của mình và phu-nhân vô-ý, hay thiếu trưởng-thành! ..

Một vị Đại-Sứ tới trình ủy-nhiệm-thư. Ngày giờ đã được ấn-định, và vị Đại-sứ đợi Ông Giám-đốc Nghi-lễ đến đón. Vị Đại-sứ chờ đợi rồi thất-vọng, cho nhân-viên đi dò hỏi sự-thể. Bộ Ngoại-Giao xin lỗi, hứa sẽ tổ-chức lại. Nhưng một lần nữa, các sự-kIỆN thiếu phối-hiệp lại được diễn ra. Và sau cùng, vị Đại-sứ đành phải tiếp-tục hành-trình, không được hân-hạnh trình ủy-nhiệm-thư như đã định...

Các đại-diện ngoại-giao sau đó đã bình-phẩm, rất mực khe-khắt và bất-lợi... Nào chưa đủ trưởng-thành, nào man-ri, mọi-rợ, nào mặc-cảm tự-ty, và không còn

NEUROTONIC

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

biết thế nào là lễ-nghi, văn-hiến..

Đủ hiểu địa-vị càng quan-trọng, thì lại càng phải thận-trọng về nghi-lễ. Một sơ-y của người thường dân như chúng ta có thể được bỏ qua, thông-cảm. Nhưng sơ-y xuất-phát từ một nhân-vật trọng-yếu, trên một lãnh-vực nào đó có tánh-cách đại-diện quốc-gia, rất có thể bị ngộ-nhận là vai chủ-động đã cố-tình xem thường người đối-thoại. Một ngộ-nhận như vậy có thể gây những hậu-quả vô cùng trầm-trọng, không thể nào lường được.

Cũng như trường-hợp một nhân-vật trọng-yếu đã phản nghi-lễ, vì không đủ nghi-lực kiểm-chế nổi lòng tức-giận. Trong chúng ta, hỏi đã ai quên được thiên giai thoại đau thương của một quốc-gia Cận-Đông thế-kỷ trước? Vì không nén được cơn thịnh-nộ, nhà vua cầm quạt đập vào đầu Sứ-thần Pháp, trong một buổi tiếp-tân. Sự-kiện đã gây nên chiến-tranh giữa hai nước, và đưa quốc-gia đó vào vòng đồ-hộ...

Tương-Quan giữa xã-giao và nghi-lễ

Chúng ta đã có dịp định-nghĩa thế nào là xã-giao, thế nào là nghi-lễ?

Và chúng ta có thể nhắc lại : xã-giao

là cách *giao-thiệp* giữa các cá-nhân, trong một xã-hội có văn-hiến và tổ-chức.

Còn nói tới *nghi-lễ*, có thể là giữa các chức-vị của cùng một quốc-gia, nghĩa là nghi-lễ quốc-gia; mà cũng có thể là giữa các chức-vị của một quốc-gia với các chức-vị của một quốc-gia hay nhiều quốc-gia khác, nghĩa là nghi-lễ quốc-tế... Trong trường hợp thứ hai này, nói tới nghi lễ là phải nói tới *ngoại-giao*. Và *ngoại-giao* là *giao-thiệp* giữa các quốc-gia, hay đúng ra giữa một quốc gia với các *ngoại-quốc*, nghĩa là lấy căn-bản một quốc-gia làm đơn-vị.

Chúng ta có thể so-sánh, suy-luận, rồi kết-luận :

Xã-giao và (nghi-lễ) *ngoại-giao* không gì ngoài và hơn là phương-cách xử-thế. Một đảng lấy cá-nhân làm căn-cứ (gọi là phép *lịch-sự*). Một đảng coi quốc-gia là trọng-điểm (gọi là *nghi-lễ*). Vì *ngoại-giao* chính là công-cuộc tiếp-xúc và phép *lịch-sự* giữa các dân-tộc, để áp-dụng hay thực-hiện một chánh-sách hay chánh-trị phù-hợp với quyền-lợi của một dân-tộc hay một số dân-tộc.

PHAM-TRỌNG-NHÂN

REGAST. T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức của Hòa-Lan

THUỐC BÒ : **ACTIVIT**

TRỊ LAO LỰC, BỔ MÁU, BỔ PHỔI,
BỒ BỔ CƠ THỂ,
CƠ CHẤT GAN BÒ TƯƠI CỦA HÒA-LAN.

Cuộc săn người tàn bạo

Khiêm và Đức,
tao viết tặng hai đứa mày

Đức, mày vẫn còn ở lại Sài-gòn nhưng tao biết thế nào rồi mày cũng sẽ đi, sẽ có thể chọn nhiệm-sở ở miền Trung vì Đại học Sư-phạm Huế năm nay không có người tốt nghiệp. Khiêm thì chắc nó về Hội-An với má nó. Nó cứ kêu nhớ má nó hoài Đức à. Hồi mày bị bắt tao đến nó chơi, lúc nào nó cũng kêu nhớ má, nó nhắm mắt lại, cái đầu hơi cúi xuống, lắc-lư rồi nhe răng mà cười. Đến khuya hai đứa đi mua bánh mì, xuống khỏi thang nó kêu mệt, bàn tay phải đề lên ngực. Nó lại kêu nhớ mày. Tội nghiệp thằng Đức nó đau cái lỗ mũi. Mày không thấy nó khịt hoài à? Sáng hôm sau ngủ dậy Khiêm nó chở tao đi vớ vẩn ngoài phố. Chẳng đứa nào nói một câu cho đến khi dừng lại một công viên, không biết má tao có chuyện gì mà tao cứ hồi hộp hoài. Nó lại chớp mắt mấy cái, đầu cúi xuống nhưng không cười. Tao thấy nó già hơn mọi khi. Hai mươi sáu tuổi, học từ khi bận quần xà-loăng cho đến bây giờ mới ra được ông giáo, già bố nó đời rồi thế mà có lần tao nghe con Lan và con Lý lớp nó gọi nó bằng bé Khiêm và một lần tao thấy nó quì bái con Lan ngay ở cửa lớp. Lần đó tao tìm nó để lo cái chuyện bầu cử Ban đại-diện. Mày thì bị giữ rồi còn có mình tao chạy văng con mắt mới kiếm ra một ông chủ-tịch

và mấy "viên chức" miễn cưỡng, do-dự và buồn nản. Tao lập xong một cái Liên danh gồm toàn những nhà thi sĩ. Tao đã biết là thất bại nhưng đã làm thì phải làm cho hết sức. Đó là lần có gắng kinh khủng nhất đời tao. Và sự cố gắng đã vô ích. Nhưng đều đó không làm tao tức giận. Điều làm tao tức giận và khinh bỉ là thái độ gian xảo của bọn đó và sự kiêu hãnh ngây thơ của một tay tập-sự tưởng mình là chính khách.

Cuộc bầu-cử xong đi và tao lại thấy xa rời cái trường này thêm một chút nữa. Xa rời một tập thể có nhiều cái để nhớ thương mà cũng có quá nhiều điều đáng tởm, tởm đến kinh hãi như những lần đứng sắp hàng trình diện Liên-danh trên bục cao từng lớp. Chúng nó ăn mặc chải chuốt, thắt cà-vạt chỉnh tề. Bọn tao thì lôi thôi lếch thếch. Anh chủ tịch gầy còm hơn thường ngày trông dễ thương thêm một tí. Anh đứng nói giữa lớp học, gắng gượng một mồi. Tao liếc nhìn những cái huy hiệu đeo trước ngực. Bảy cái huy-hiệu đỏ chói tao thức cả đêm vẽ tại nhà thằng Khiêm. Lớp học im lặng lạ lùng. Những cái mặt ngẩng lên nhìn chòng chọc vào cái miệng của anh chủ-tịch. Tao nhìn lại bộ dạng mình tiều tụy quá chợt nhớ đến Liên. Trước đó mấy giờ khi tao

đã viết xong tấm áp-phích cuối cùng thì mệt quá nằm đại dưới đất trong phòng Việt-Hán. Liền đến đánh thức tao dậy và dục: Anh đi rửa mặt nhanh lên vuốt lại quần áo một tí rồi lên trình diện liên danh mà bầu cử chứ. Tao thức dậy với những vết sơn trên mặt. Năng chói chang và hăng hăng như có lẫn mùi rác bẩn bị đốt cháy. Con sốt thường lệ làm ứa ra trên trán mấy giọt mồ hôi. Liền đồ xăng cho tao rửa tay rồi lấy kim găm trên ngực tao một cái huy hiệu. Tao vốc nước phả lên cổ, lên tóc mà vẫn thấy chưa được tỉnh táo. Con sốt dâng lên hâm hấp nóng và ớn ớn ở hai bên sườn. Sự mệt mỏi dịu dàng buồn buồn phía sau lưng. Tao ôm mặt quay nhìn chòm lá xanh thẫm của một cây anh đào mọc lẫn trong bóng mát. Mấy giọt nước chảy loang x.ống ngực nghe tê tê Vẫn còn nhớ bàn tay thẳng Khiêm ôm lấy ngực những đêm thật buồn có gió thổi từ ngoài con kênh nước đen và những nốt nhạc rời của bản Lettre à Élise. Hai đứa đi lủi thủi trong một căn phòng không có điện. Cái máy ghi-âm tồi quá phải cúi người xuống mà nghe những khúc dương cầm lẫn lộn trong tiếng đàn bà trẻ con được thu xen vào cuốn băng nhạc cổ-diễn. Tao mang hình ảnh của những đêm buồn bã đó vào đứng giữa lớp học giữa mấy chục cái mặt lạ lùng. Cứ như thế mà từ lớp này sang lớp nọ. Tao đứng nói giữa đám đông, trình bày những chương trình hoạt động rề tiền, hứa hẹn những điều không bao giờ có thật, những điều làm tao ngượng miệng vì thấy mình là con vẹt, thế mà tại kia chúng nó gân cổ lên mà nói, cười, các bạn đồn phiêu cho liên-danh chúng tôi, khi đắc cử chúng tôi sẽ đòi tăng chỉ số lương, đòi tăng học bổng, đối ngoại chúng tôi sẽ

liên lạc với các phân-khoa bạn đề trao đổi học tập kinh nghiệm chúng tôi sẽ... chúng tôi sẽ.. vân vân. Tụi sinh viên thì ngồi nghe và Đức ơi, lại có cả đứa đứng lên thắc mắc nữa mày ạ! Sau khi tao đau khổ mà tuôn ra một loạt những điểm thứ nhất, thứ nhì, thứ ba... trong chương trình hành động cùng mấy lời hứa hẹn đã được lập lại lần thứ hai mươi mấy thì con Loan đứng lên cười và hỏi: Xin liên danh hai (tức là liên-danh tao) cho chúng tôi biết lập trường của các anh thế nào về hòa-bình và khi đắc cử các anh sẽ có chương trình hữu hiệu nào trong việc đem lại hòa bình cho cho Việt-Nam? Tao kinh hãi mày ạ. Tao chưa kịp xét lại xem mình đang ứng cử Tổng thống hay dân-biểu thì đã vội cười thật tươi mà ồm-ồm rằng đó là câu hỏi chung cho hai liên danh, liên danh nào trả lời được thì sẽ nhận được phiếu của tôi. Anh chủ-tịch đưa mắt nhìn tao. Tao muốn nói thẳng với nó rằng Tiên sư cô... Nhưng anh chủ-tịch đã vội vàng nhỏ nhẹ mà phân-trần rằng chúng tôi là sinh viên ra tranh cử chỉ mong giúp cho các bạn những điều có thể làm được trong phạm vi nhà trường, những việc lặt vặt trong đời sống sinh viên thôi chứ còn chương trình đem lại hòa-bình cho Việt-nam thì... dạ... dạ... cái đó... cái đó... dạ... Tao tưởng anh nói gì té ra anh lại cười mấy tiếng hiên khô rồi cúi đầu một một cách cung kính không biết anh chào mọi người hay anh muốn bày tỏ lòng ngưỡng mộ đối với một cô sinh-viên tài ba như thế.

Trưa đó tao trở về ngủ một mình ở Cư-xá Minh-Mạng, thức dậy trời mưa từ bao giờ. Gió mát thổi hắt vô những cánh cửa lá sách làm phất phơ mấy tấm mạng nhện dính đầy lá phượng khô.

Sau cơn mưa Khiêm đến gọi tao inh ỏi. Tao trở dậy vắt mùng lên ngồi thừ ra. Khiêm cởi áo tơi ém trên bàn học. Tao dẫn mày đi coi xi-nê. « Cuộc săn người tàn bạo ». La poursuite impitoyable. Ở trên Phú-nhuận lận. Cha, phim hay lắm. Nó nhắm hai mắt lại lắc lắc cái đầu. Tàn bạo. Đời sống của tụi Mỹ man-dã không chịu được.

Tao thấy khoái lạ lùng. Tao ôm ngang hông nó, mặt úp trên cái lưng ồm yếu. Nó chạy rù rù qua các con phố vắng. Cơn mưa trở lại xao xác thấp thoáng như những giải lụa mỏng bị gió thổi tạt đi. Trời thấp là sà phía trên mấy ngọn cây cao thẳng tắp. Tao bỏ mũ ra thấy mát lạnh. Khiêm nói :

— Nó chiếu hai phim. Coi đã thôi. Có ba chục bạc. Chúng nó chiếu thế lấy tiền đâu mà ăn hi.

Phim thứ hai phim gì ?

— Phim hiệp-sĩ gì đó, thấy chúng nó vẽ đánh kiếm trên bảng quảng cáo.

Mưa đổ rào rào. Xe gắn máy nổ ồn ào ở ngã tư đèn đỏ rồi vụt đi, chạy bằng bằng hai bên, chạy như xoay vòng, xanh đỏ vàng tím tóe tóe dính trên mặt, gương to vành đủ màu, tiếng cười vỡ tan giữa đường phố. Khiêm quay sang nói với một cặp đôi hơi tái xanh vì lạnh:

— Ra đường à quên mặc quần. Đáng phục.

Cặp kính màu ngược lên. Tao nói :

— Đáng phục.

Con bé phóng đi mất. Hai đứa vỗ bụng nhau mà cười. Người ta đánh kiếm trên màn bạc từ lúc hai đứa mới vào. Cái rạp thấp ầm và bần. Quạt máy quay vù vù không ngớt phía trên đầu. Người

kéo nhau chạy trên màn bạc lẫn trong tiếng la.

Chàng hiệp-sĩ cầm kiếm đứng trên mòm đá nhìn quân thù chạy tan tác. Phía sau chàng một nàng công chúa dục ngựa chạy lên sườn đồi và gọi tên chàng ba bốn tiếng một lúc. Đèn bật sáng lên giữa những tiếng ồn ào. Khiêm nói phim sau La poursuite impitoyable. Khá lắm. Nó chỉ cho tao coi mấy cái hình vẽ trong tờ chương trình và nhạc trời lên rề rề trong sân khấu.

Rạp hẹp và tường bầu mà không chịu quét vôi lại. Mấy hàng ghế phía trước bị dỡ ra. Người ta đào nền lên một khoảng khá rộng ngồn ngang những gạch đá và những tảng xi-măng nhọn xếp từng chồng, xám-xịt. Ở đây cái gì cũng đen trừ cái mà bạc là giữ đúng được cái màu bạc. Một con chuột cống ở trong sân khấu bước ra, ngo ngác nhìn đám trẻ con giỡn nhau phía dưới rồi chậm rãi nhảy xuống đồng gạch vụn, lẫn mất trong đó. Khiêm ngửa cổ ra phía sau, đặt tay trên đùi tao. Những ngón thật dài.

Hơn năm giờ chiều hai đứa ra khỏi rạp. Khiêm đi ra phía sau lấy xe. Tao đứng một mình trên hè phố lúc ấy cơn mưa đã dứt. Người đi qua vội vàng mà không ai buồn nói. Cái tháp chuông của ngôi nhà thờ vươn lên thật cao, bất động và lạnh cứng. Trời phía sau thật xa, xám lạt, xa quá, xa vời, xa mãi phía sau những nóc nhà, những đám mây. Tao ôm hai vai nhìn trần trối cái vòm rộng không cùng mù mịt. Những bóng người thật mờ dật ngựa cúi xuống chạy qua những đám mây, những người đàn bà gánh gồng, những thiếu nữ che màn trước mặt, những người trong tình sử, trong quá khứ trong chiến tranh, những tên giặc đầu cầm

con dao trước đàn sư tử, những người chạy và khóc suốt đời, những thằng tư-bản thân nhiên cướp vợ của nhau rồi, kéo nhau đi đốt một kẻ vô tội. Hắn ăn trong nghĩa địa xe hơi, không dám ra. Chúng nó tưới xăng đốt. Tội nghiệp Hân, tội nghiệp cho Marlon Brando lửa cháy đỏ trời chúng nó bắn từng loạt đạn vào Hân. Hân gục xuống trong những giọt nước mắt của người mẹ, trong sự bất lực của viên quận-trưởng, trong cái xã hội vật chất lạc-hậu, mãn-dã cùng cực của đời sống Mỹ. « Cuộc săn người tàn bạo » La poursuite impitoyable. Tao đứng ngơ trên lề đường nhìn những người đi qua như con nước lớn. Đường nhựa ướt ừng, lấp lánh những cái bóng xanh đỏ lướt qua, xoay vòng. Trời quáng mắt. Nặng nhọc.

oOo

Chiều đó tao lại tìm mày và ăn ở đó một bữa cơm. Tao muốn nói thật nhiều với mày trước khi mày đi dạy nhưng rồi vẫn không nói được. Bởi vì mày với thằng Khiêm đi dạy cả thì còn lại những ai? Tao suy nghĩ cả tuần nay buồn không chịu được. Tụi mày đi là phải, phải vô cùng. Má thằng Khiêm, má mày cũng như Mẹ tao tất cả đều già yếu, thương con khóc cả đời. Tụi mình chạy quàng theo những mơ ước và lo-âu có bao giờ nghĩ đến việc đền ơn cha mẹ. Khiêm nó thương má nó lạ kỳ. Bây giờ nó tốt nghiệp. Ít ra thì nó cũng đã đền bù được chút công ơn. Còn tao, mẹ tao còn già hơn má nó, đau ốm suốt mùa đông. Ngày Tết tao không về mẹ tao khóc mếu máo. Nhưng tao phải ở lại để chẳng làm gì hết cũng như bây giờ tao cũng phải ở lại. Điều đó tao nói ra không phải để ân hận mà để lo âu.

Còn mày, Đức ạ, mày đã hỏi tao nhiều lần rằng nên đi dạy hay không tao bảo rằng rất nên đi dạy dù tao muốn mày ở mãi đây với tao. Hôm đó tao muốn khóc. Trời xanh thẳm phía ngoài những khung gỗ vuông. Tao nằm gác chân lên ghế, rả rời.

Tụi bạn cùng lớp đã kéo thằng Khiêm đi ăn, chúng bàn nhau về chuyện dạy học, về chuyện chọn nhiệm sở, về những kỷ niệm ở trường. Tao trở về ghé quán cơm bình dân thường ngày. Đó là quán cơm của những người lao động nhưng cũng là quán cơm của những thằng sinh viên nghèo như tao, mỗi tháng kiếm được chút tiền cơm, ăn nhờ từng thằng bạn. Có đứa tưởng tao giả bộ nghèo khó cho có vẻ « văn-sĩ » nhưng nếu nó biết rằng tao không hề theo đạo Phật mà vẫn ăn chay trường chỉ vì ở quán cơm chay bình dân này mỗi bữa ăn có hai chục đồng bạc.

Khiêm và Đức hai thằng thân mến. Chúng mày đi cả rồi thì đời tao sẽ cứ kéo dài những ngày như thế đó, quanh quẩn như một thú nhỏ không biết tìm đâu một niềm vui, không còn có một căn nhà để chui vào đó chửi mày mắng cậu, đấm mấy phát vào lưng mày rồi nằm cạnh nhau mà nói tiếu lâm về cái thằng bạn gì của mày hề cứ uống rượu vào là khóc lóc thảm thiết rồi cứ tìm cột đèn mà leo, về cái thằng họa-sĩ ở tù suốt ngày kêu nhớ vợ, nhớ đến nỗi nó vẽ vợ nó trên vách nhà giam rồi dùng cái khăn tay phủ bên ngoài, lâu lâu nhớ quá lại dỡ khăn lên nói mấy câu rồi lại bỏ khăn xuống kêu réo om sòm cái ông xếp đẹp trai rồi nhất quyết đòi mở cửa cho hắn đi thăm vợ. Thế mà lâu lâu vợ hắn vào thăm thì hắn lại im lặng. Hắn đứng

trong song sắt ngó ra phía ngoài hàng rào kẽm gai thấp thoáng bóng một cô gái đẹp đang vẫy gọi hắn. Hắn cứ làm thinh mà cười chẳng thèm vẫy lại cho đến khi vợ hắn thét lên : « Tao biết mày lên lắm mà. Ở tù ngon rồi, mày lên lắm mà. Mày thấy trong người thế nào hở con cò ma. » Nó nghe vợ nó nói đùa như thế thì cười ngất và cực kỳ khoái trá.

Khi nghe mày kể chuyện đó tao nghĩ rằng vợ chồng nó là một đôi sung sướng nhất trên đời.

Ngày tháng qua đi lạnh lùng. Buổi sáng thức dậy thấy chiếc bong bóng đỏ của trẻ con thả bay trên các mái tôn lấp mô hoen rỉ vừa lắc lư vừa bay đi lạc trong quầng trời mù muốn nắng nhưng còn do dự.

Mùa mưa trở lại đưa tao vào hoang vu. Chiếc bong bóng đỏ trôi đi xa rồi, mất hút như tuổi thơ, mất hút như những mùa đông êm ái mơ mộng ở Qui nhơn, như những ngọn đồi thấp bãi biển và hàng dương liễu cao.

Chúng ta lớn lên không còn làm sao tìm lại được những thứ đó. Tâm hồn mình già hơn một tí, cuộc sống cần thêm đi còn Qui nhơn thì bây giờ cũng thay đổi kỳ dị. Nhà cửa chen chúc thêm, đường sá bị cày nát lên bởi những đoàn công-voa ngày ngày bật đèn sáng trưng kéo nhau đi trong bụi bặm. Người ta phóng uế và đồ rác trên bãi biển, những ngọn đồi hóa ra công trường. Người Mỹ vỡ núi ra lấy đá. Người Mỹ đi nghênh ngang ngoài đường với điếm. Mỗi lần trở lại Qui nhơn tao thấy nó xấu thêm nhiều và người sống ở đó lại hủ hê thêm nhiều. Thành phố đó tao đã sống suốt một quãng đời đi học, đã yêu một người con gái đã chạy vòng quanh thiên nhiên xanh ngát tuyết vời. Giờ nếu có về đó tao cũng không còn gì nữa cả, Còn quê tao nếu không có cha mẹ tao ở đó thì chắc cả đời tao cũng không về, dù nơi đó giữ của tao cả một đời trẻ thơ cực

nhọc gian lao, giữ của tao mồ mả ông bà, anh em, giữ của tao chòm nhau cắt từ cuống rốn. Đó là những kỷ niệm yêu quí nhất của tao nhưng Đức ơi, tao không thể nào sống ở làng đó, không thể nào chịu được những đứa vô loại dốt nát, ngu xuẩn bắt nạt dân nghèo, những thằng sống suốt đời một kiếp chó mà vẫn tươi cười, những thằng lợi dụng chiến tranh để làm giàu, những thằng mày dày mặt dạn phỉnh tui trẻ con, bán vé cho chúng để được cho vào nhà xem vô tuyến truyền hình, những đứa con nít mắt dạy bắt chước tui cao bồi Mỹ trong truyền hình đâm nhau thí mạng.

Chúng nó cấu kết nhau làm dơ nhóp cả làng tại làm cho tao không sống nổi ở đó. Tao còn biết làm gì ?

Vậy là khắp nơi đã đóng cửa. Tao không còn một chỗ để dung thân dù là ở Sài gòn ở Qui nhơn hay ở chính cái nơi mà mẹ tao đã sinh ra tao cách đây hơn hai mươi năm.

Chúng mình thực tình đã không thể dung hợp được với xã hội này trong khi lòng lúc nào cũng muốn ôm lấy cuộc đời, ông lấy con người mà sống, tạo dựng và phấn đấu.

Đó là tấn bi kịch lớn nhất của chúng ta. Tấn kịch mà những đứa ngu xuẩn trong các bals de famille không thể nào hiểu được. Tấn kịch thực tế rành rành chứ không hề kiểu cách.

Nhưng mà tui mày phải đi dạy. Dù thằng Đức có muốn ở lại cũng không được. Để mặc tao với những bạn bè mới gặp, với Sài-gòn chảy xiết, với vàng với những bữa cơm, những lần gặp gỡ, những chiều đứng ngó mông lên khung trời đục phía sau tháp chuông, những trưa đi lẫn vào bụi bặm.

Chúng ta thêm khát tự-do biết bao. Đức ơi, Khiêm ơi chúng ta thêm khát tự-do biết bao.

BIÊN-HỒ

Saigon tháng 9

BNP

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Lão già trên sông

Tặng U, Đại và các chiến hữu

Ngày N:

Chúng tôi lên trực thăng đợt thứ hai vào khoảng 10 giờ sáng sau mấy tiếng đồng hồ chờ đợi tại Cầu Mới. Đến khu vực hành quân máy bay quần nhiều vòng mới đáp xuống được vì bọn V.C. phía dưới bắn lên dữ dội. Tuy nhiên đại đội đồ quân an toàn không gặp phản ứng địch ở bãi đáp.

Tôi cho trung đội tiến chiếm bờ dừa bên trái. Sinh lầy ngập đến háng nên chúng tôi tiến quân rất vất vả. Lúc này mà V.C. từ trong bắn ra thì chúng tôi lãnh đủ.

Chúng tôi vào đến bờ dừa một nhòai. Đại đội tiến dọc theo bờ làng. Phía chòm cây bên phải mấy chiếc trực thăng võ trang đang xạ kích xuống những vị trí khả nghi. Hôm nay trung đội tôi trừ bị cho đại đội. Đi sau tôi là Đại bàng (1) và bộ chỉ huy tiểu đoàn.

Một trái khúi màu tím được trực thăng ném xuống bên phải chúng tôi cách khoảng 200 thước. Đại bàng ra lệnh cho đại đội tôi lục soát chỗ thả trái khúi vì phi cơ báo cáo đã hạ một tên V.C. đang chèo xuồng. Thầm quyền (2) tôi chuyển lệnh đến tôi bảo dặt một tiểu đội ra lục soát. Tôi, thẳng máy và thẳng đệ-tử dặt tiểu đội trực hôm nay ra phía trái khúi.

Chúng tôi lội cũng mệt như lúc đồ quân. Khi chúng tôi tiến vào một ngôi nhà thì thấy thấp thoáng bóng người. Tụi lính định tác xạ nhưng tôi ra lệnh cấm bắn và cho bố trí bao vây căn nhà. Tôi hô « Ai bên trong nhà ra ngay không chúng tôi bắn ». Từ hẻm núp trong nhà lóp ngóp chui ra một người đàn bà và mấy đứa trẻ con.

Lần hành quân nào cũng vậy, đi tới đâu chúng tôi cũng chỉ bắt gặp toàn đàn bà và trẻ con. Được hỏi chồng hay con trai đâu họ trả lời chồng con đi lính ngoài quận, đi ăn đám cưới, đám giỗ ở xa chưa về. Nhưng chúng tôi thừa hiểu chồng con họ đi đâu. Có thể lúc nãy chính chồng con họ đã bắn lên những con chuồn chuồn của chúng tôi.

(1) Tiểu đoàn Trưởng

(2) Đại đội Trưởng

Lục soát xong ngôi nhà không thấy gì, tôi ra lệnh tiến tới con rạch trước mặt. Tụi lính súng cầm tay dè dặt lội nước. Gần đến con rạch tôi cho 3 thằng đi đầu tiến lên lục soát còn tôi và bọn còn lại yểm trợ.

Tiếng thằng Mười vang lên : « Đ.m. Việt Cộng gì, một người đàn bà có chữa bị thương nằm trên xuồng nè Thiếu-úy ». Tôi tiến lên trông thấy chiếc xuồng đang vướng trong đám lục bình trên đó một người đàn bà nằm ngửa mắt nhắm nghiền. Chiếc quần bị rách bươm chỗ háng và máu rỉ rả chảy. Tôi sờ mũi nạn nhân thấy còn thở. Tôi cầm máy báo cáo : « Phương Dung đây Phương Dung Một, tôi đã lục soát xong và chỉ bắt gặp một người đàn bà bị thương nằm trên xuồng chớ không phải V.C. Tôi cho một đứa em chèo xuồng chở người ta vào cho y tá băng bó. Còn tôi đi dọc theo con rạch (1) yểm trợ chiếc xuồng ».

Sau khi người y tá băng bó và chích một mũi thuốc khỏe, người đàn bà tỉnh dậy. Bây giờ tôi mới quan sát kỹ người bị thương, Đó là một thiếu phụ rất trẻ độ 18, 19 tuổi và đang có mang.

Gương mặt trông khá xinh xắn. Người y tá hỏi : « Chị cảm thấy khỏe chưa? » Người đàn bà chỉ gật đầu.

Một thằng lính chạy vào báo cáo « Trình Thiếu úy có hai vợ chồng một ông già chèo xuồng vào kiểm con gái là chị đàn bà bị thương này ». Tôi bảo thằng gác cho họ vô.

Bà lão bước khỏi xuồng chạy lại ôm đứa con gái khóc lớn : « Con ơi, má khổ quá, con thì bị thương, còn hai đứa em con mất tích chắc là bom bừa (2). vùi lấp rồi. Hu...Hu... » Ông lão vẽ đau khổ hằn trên gương mặt, yên lặng nhìn đứa con gái nằm trên cang.

Tôi đến hỏi thăm ông lão « Hai đứa con bác ở đâu mà mất tích! ». Ông lão buồn đáp « Hai đứa nó ở ngoài chòi giữ ruộng từ mấy bữa nay. Hồi sáng này máy bay B 52 đến bỏ bom. Khi cuộc oanh tạc chấm dứt con chị nóng ruột cho hai em nên chổng xuồng đi kiểm chúng rồi kể bị trực thăng bắn ». Tôi an ủi : « Chị đây chỉ bị thương nhẹ. Tôi đang xin trực thăng tải thương đưa chị đi bệnh viện. Hai bác chớ lo lắng ».

Đàng xa chiếc trực thăng mang dấu thập tự đỏ xuất hiện. Viên Trung Úy cổ vấn Mỹ rút chốt an toàn trái khỏi màu.

Ngày N≠I

Chúng tôi được lệnh di chuyển đến mục tiêu S103 sau khi đã san bằng hầm hố ở vị trí đóng quân đêm qua. Mục tiêu này là ngôi làng cách vị trí đóng quân chúng tôi một cánh đồng rộng độ 3 cây số. Ở đó đêm qua chúng tôi nghe thấy

(1) rạch

(2) Bom do B 52 thả

nhiều tiếng chó sủa chứng tỏ sự hiện diện của địch quân. Pháo binh đã phải bắn quấy rối suốt đêm.

Sau hơn hai giờ lội ruộng, băng ngang mấy cái lung và hai con rạch sâu chúng tôi tiến đến gần bìa làng. Hôm nay đại đội tôi trực chinh và trung đội tôi trực phụ nên tôi cho lính căng hàng ngang cùng với trung đội 3 xung phong vào chiếm mục tiêu. Thềm quyền cho lệnh tác xạ vừa phải. Tôi hét bọn lính giữ hàng ngang và quơ gậy đập những con "vịt đẹt" (1) là phe chạy sau.

Không một phát súng chống trả của V.C. đối với hàng loạt M 16 và M 79 của chúng tôi bắn vào những mô đất, hầm hố. Tuy vậy khi vào đến mục tiêu tôi vẫn quát lính cẩn thận coi chừng mìn bẫy như thường lệ. Những công sự chiến đấu ở đây đều vừa được bọn V.C. thiết lập hoặc tu bổ lại. Nước dưới các hầm còn đục ngầu và dấu chân chúng đầy trên mặt đất. Có lẽ họ vừa tháo chạy khi trông thấy chúng tôi di chuyển qua.

Đại bàng ra lệnh Đại đội tôi và Đại đội 1 truy kích địch còn Đại đội 2 và Đại đội chỉ huy dừng lại lục soát.

Sau mấy giờ tìm kiếm chúng tôi bắt gặp một hầm chứa hơn 300 trái mìn nội hóa. Đại bàng cho bọn công binh phá hủy.

Chúng tôi dừng quân tại vị trí này khi trời còn vào trưa. Bọn lính lo đào công sự chiến đấu. Thằng đệ-tử mắc cho tôi chiếc võng dưới bóng cây râm mát và lo nấu nướng. Còn tôi sau khi phân công việc cho bọn lính, đi ra mé sông tìm nước tắm rửa.

Chỗ đóng quân hôm nay khô ráo, sạch sẽ hơn chỗ hôm qua. Tôi cảm thấy dễ chịu.

Ngày $N + 2$

Đại-đội tôi đi riêng rẽ một cánh dọc bờ sông có Đại bàng phó theo sau. Tiểu đoàn di chuyển ngoài ruộng bên phải chúng tôi. Đại bàng cho biết bên trái chúng tôi, tức bên kia sông không có bạn, nếu nghi ngờ cứ việc tác xạ. Trung đội tôi đi đầu. Tôi dặn mấy thằng khinh binh mở đường quan sát kỹ trước mặt và bên trái.

Mấy thằng đi đầu báo cáo đến ngã tư sông. Tôi cầm ống liên hợp chờ lệnh vượt sông của Thềm quyền :

Bỗng tiếng AK và Garant bên góc trái sông bắn qua phía chúng tôi dữ dội và đồng thời tiếng súng bắn trả lại của những thằng đi đầu vang lên. Tôi ra lệnh tất cả nằm xuống bố trí về phía trái. Tôi hét lên: "Gì đó bây?" Vừa quát tôi vừa bò lăn lên phía trên: Một thằng lính chỉ tôi chiếc xuống đang lật úp và một thân người nằm vắt trên mé sông bên kia.

Tiếng súng V.C. im bặt, tôi chỉ còn nghe tiếng M79, M16 và M60 bê chúng tôi. Tôi ra lệnh ngưng tác xạ và cho một tiểu đội lội qua truy kích. Khi ba thằng

(1) lính nhát

đầu qua sông bố trí xong tôi cũng vừa bơi đến bờ sông bên kia. Một thằng lính hồ lớn : « Thằng chết này làm lớn lắm nó có khẩu K54 nè Thiếu úy » Vừa la nó vừa giơ khẩu súng lục Trung Cộng vừa lấy được bên cạnh xác chết lên cho tôi xem. Tôi hỏi thằng Ken tiểu đội trưởng tiểu đội trực : « Sự việc như thế nào ? » Hạ sĩ Ken đáp : « Khi tui tui dừng lại chờ lệnh vượt sông của Thiếu úy thì thằng này từ đám dừa nước chống xuống ra. Chúng tôi gọi nó chèo qua đây. Nó vội vàng bỏ xuống phóng vào bờ và hô : « Quốc gia ». Tức thì từ bờ trái súng V.C bắn qua như mưa. Nhưng thằng này cũng không thoát chết trước các họng súng tui tui.

Tôi lật ngửa xác chết và suýt kêu lên. Tên V.C. chính là lão già có đứa con gái bị thương hôm nọ. Một thằng lính lôi từ túi áo lão già ra một tờ giấy chứng nhận y là huyện-ủy Trà Ôn.

Chiều đã dần xuống. Tôi nhìn mặt nước gợn sóng lăn tăn và chiếc xuồng lật úp bồng bênh. Tiếng gào trong máy C.10 của Thảm quyền : « Phương Dung Một đây Phương Dung cho tôi biết kết quả ». Vang lên lạc lõng trong gió chiều trên sông.

HUỲNH CÔNG ÂN

Mặt trận Vĩnh Xuân đầu năm 69

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin :

Trưởng nam nhà văn PHAN-DU là PHAN-XUÂN-LỄ sẽ làm lễ thành hôn với Cô LƯƠNG-THIÊN-HƯƠNG, tại Hội-An ngày 6 tháng 6 năm Kỷ-Dậu (19-7-1969),

Xin trân trọng mừng văn hữu Phan-Du và chân thành chúc tân lang cùng tân giai nhân trăm năm hạnh phúc.

VÕ-PHIẾN — NGUYỄN-HỮU-NGƯ — LÊ-NGỘ-CHÂU

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

Tưởng nhớ NGUYỄN - NHO - NHỰN

Anh Nguyễn Nho Nhựn, tuổi Dậu tức sinh năm 1945, nhưng giấy tờ lý lịch tính nhầm ra 1946. Anh chết đã một tháng nhưng tôi vừa mới hay tin khi đi phép thăm gia đình tuần trước. Tôi thấy thương nhớ Nhựn nhiều, khi được biết anh đã qua đời trong một cuộc giải phẫu tại một bệnh viện Hoa-Kỳ gần Đà-nẵng, nhưng tôi không lấy làm sảng sớt bởi vì Nhựn gần như nghĩ đến cái chết đã nhiều năm nay rồi. Chỉ mới có 24 tuổi, anh đã mệnh yếu, nhưng còn khốn khổ hơn nữa là Nhựn chịu đựng với bệnh tật đã gần 10 năm nay.

Năm 1965, anh hay gặp gỡ và đi chơi với tôi, anh vẫn thường nói rằng «mình còn sống giỏi lắm là 5 năm nữa». Thật ra mới có 4 năm mà Nhựn đã chết rồi. Về Nhựn, tôi chỉ kinh ngạc có một lần là năm ngoái, tức là thời gian mà Nhựn vẫn thường trực nằm dính vào chiếu chần, thế mà tôi gặp anh trước cửa Tiểu khu Quảng-nam để theo lệnh gọi của Bộ Quốc-phòng vào Thủ-Đức. Nhựn vốn thân hình ốm yếu «cò nhang», lúc bấy giờ nước da xanh như tàu lá. Tôi nhìn Nhựn mà còn nghĩ gì hơn được nữa, bởi Nhựn đã khốn khổ sẵn rồi, và tôi nghĩ đến xứ Việt-nam khốn khổ.

Tôi cứ nghĩ Hội đồng Quân y sẽ tha cho anh, nhưng không, họ cho Nhựn 9 tháng sau nhập ngũ lại. Và Nhựn chưa đủ hẹn với Hội đồng Quân y thì đã vĩnh viễn già từ chúng ta.

Nhựn thuộc dòng Nguyễn-nho, Làng-La-Qua, quận Điện Bàn, Quảng-Nam. Anh sinh trưởng trong 1 gia đình nề nếp, thêm bản tính ít nói, thành thật cho nên Nhựn ít chịu được các người khác, tính tình bừa bãi hay khinh đời. Anh là anh em bà con gần với nhà thơ Nguyễn-Nho Sa-Mạc tức Nguyễn-Nho-Bửu đã mệnh yếu 1964 lúc 20 tuổi. Làng anh và làng tôi cách nhau 1 con sông đào, dạo 1966 mỗi lần thăm nhà thì ban tối tôi xuống ngủ nhờ nhà anh. Thật ra nhà anh cũng thuộc nhà quê, nhưng dạo đó chưa có đánh nhau ở đó nên coi là có an ninh. Bây giờ, vùng an ninh thu hẹp quá, đến nỗi hôm vào thả hương cho anh, đi hết con đường đất quanh quanh qua mấy khóm tre mà lòng tôi cũng hơi thấy sợ sệt. Tôi được biết Nhựn tự ý ký giấy xin giải phẫu dù bác-sĩ cho biết trước chỉ có 20% hy vọng sống. Anh đã dấu gia đình, chỉ khi sắp chết anh nằm muối gần một tuần đợi thân nhân ra đến nơi mới tắt hơi thở cuối cùng.

Nếu xứ sở không bị chiến tranh dữ dằn, gây ra những thiếu thốn trở ngại quá độ, thì Nhựn không phải chết sớm. Nhựn đã bệnh gần 10 năm mà bệnh anh chỉ là sự yếu đuối của nhiều bộ phận của cơ-thể chứ không phải là bạo bệnh

về một cơ-quan nào. Nếu gặp thầy hay sớm hơn và có tiền nhiều hơn, Nhượn có thể lành bệnh từ nhiều năm rồi. Từ nhiều năm nay Nhượn ao ước xuất bản một tập thơ. Anh đã nhiều lần chép rất công phu tác phẩm của mình, đóng thành tập cẩn thận Nhượn yếu đuối nên không ai nỡ xin các tập thơ anh đã cố gắng chép, vì sợ bận cho anh phải chép lại ; chính vì thế mà bây giờ Nhượn chết không còn bản thảo. Bởi lẽ, khi đi bệnh viện, anh tom góp tác phẩm, xếp kỹ lưỡng mang theo để ở giường bệnh. Khi anh chết, bản thảo bị thất lạc luôn. Theo lời yêu cầu của bạn bè, cha mẹ anh có cho người nhà ra bệnh viện đó tìm kiếm mãi nhưng chưa ra.

Tuần trước tôi gặp anh Đinh Trầm Ca, tức người làm văn nghệ cuối cùng còn sót lại ở đất Vĩnh-Điện hiện còn chưa tha hương, anh có cho tôi xem bức thư của ông Phạm Kim Thịnh, bác Văn Học, nhờ Đinh Trầm Ca kiểm giùm tác phẩm và tài liệu đề tưởng niệm Nhượn i số báo và in cho Nhượn i tập thơ. Mỹ ý của báo Văn-Học là một ước-mơ của Nhượn khi còn sống. Mong lắm thay !

Quê hương chúng tôi nghèo, nhưng cũng như tất cả mọi nơi trên xứ-sở Việt-Nam, thực đậm đà kỷ-niệm. Nhượn cũng như đa số các người làm văn nghệ vùng này suy nghĩ rất nhiều về quê hương như hai tiếng thân ái lắm. Hồi mấy năm trước nhiều lần chúng tôi thấy cảm động, vì với khu phố nhỏ bé Vĩnh-điện người ta có thể gặp Nguyễn-Nho Sa-Mạc, Nhượn, Hoàng Bích Ni, Đinh Trầm Ca ; và cách đó 9 cây số là phố Hội-an, người ta có thể gặp Thái Tú Hạp, Hoàng Quy, Lê Thành Tôn, Đĩnh Hoàng Sa, Tần Hoài Dạ Vũ, Hoàng Lộc, Uyên Hà v.v... nói chung các anh ấy đều là cựu học sinh Trần-Quý-Cáp Hội-an, những người tôi không dám nói nổi tiếng, nhưng sớm được đọc giả toàn quốc lưu ý, nhờ qua tạp chí Bách-Khoa và một số bán nguyệt-san.

Về Nhượn, anh không quen biết nhiều với các người làm văn nghệ khác, bởi ốm đau một phần, một phần ít hay đi đây đi đó. Nên mọi người cũng chỉ biết Nhượn qua thơ anh. Thơ anh mấy năm trước sáng tác dồi dào, thiên về chủ đề quê hương. Nếu kể ra một vài bài tuyệt diệu khiến độc giả khó quên được thì không có, nhưng toàn thể thơ Nhượn đều ràng buộc nhau và toát ra một nhịp điệu chung, khiến người ta mến Nhượn ở chỗ đã làm người đọc yêu mến và hiểu rõ quê hương Việt-Nam nhiều đau khổ nhưng cũng rất nhiều kỷ niệm. Khác với thơ anh Nguyễn Nho Sa- Mạc, bài nào lúc anh xuất thần thì thật hay, người đọc mau thuộc ; nhưng bài nào dở thì dở cả không chọn được câu nào. Vì vậy thơ anh Bửu để lại khoảng 30 bài hay, nhưng nay chưa thấy ai xuất bản giúp được, còn thơ anh Nhượn nếu không lạc mất thì số lượng gấp 10 lần.

Nhượn chết cũng khác Bửu. Anh Bửu đột ngột từ trần. còn Nhượn đã nhiều năm nay biết mình sắp chết. Nên năm 1965 khi nhận được bài thơ "Những lời sương khói". của Nhượn có những câu :

*Và người ơi nếu mai tôi chết yểu
Xin đừng buồn đừng khóc với khăn tang
Mà xin người cười như hoa Xuân mới nở
Đề hồn thơ vĩnh viễn được huy hoàng »*

Tôi không ngạc nhiên lắm về Nhượn nhưng đọc một bài của Bửu trên Bách-Khoa có câu tôi kinh hãi :

** Hỏi ơi khi ở trong lòng mẹ
Tôi muốn đi cho trọn kiếp đời.»*

Tôi nghĩ là «trẻ» lắm, tôi thấy sợ vu vơ rồi tôi không dám nghĩ nữa. Bửu đột ngột chết, tôi thấy quả đúng lời anh than không đi trọn tuổi đời nên đã viết chữ «thời ơi» từ khi còn sống.

Bửu học trước tôi một lớp ở cùng trường Tiểu học, Nhượn và Đynh. Trầm Ca học với tôi một lần nhưng khác lớp. Cả Bửu và Nhượn như bỗng nhiên tiếp nhận một nguồn cảm hứng kỳ lạ nào từ 1960 trở đi để thành thi sĩ, chứ lúc còn nhỏ không có gì tỏ ra hứa hẹn là một người rõ rệt làm bạn với nàng văn nghệ.

Hôm nay, tôi ngồi viết mấy dòng về Nhượn với sự thành thật nhớ gì viết nấy. Tôi chỉ còn giữ được của Nhượn có một bài thơ, xin chép ra đây để cùng bạn đọc tưởng nhớ anh Nguyễn Nho Nhượn, nhà thơ ngời ca quê hương và tình người đã sớm lìa đời vì bệnh tật triền miên.

Mùa Hè, Kỳ Dậu 1969
LÊ-ĐÌNH-PHẠM-PHỮ

Những lời sương khói

Thơ NGUYỄN-NHO-NHUỢN

*Đành cam chịu làm thân tàn ma dại
Tâm hồn xưa bỗng mọc cán không ngờ
Vội tình cảm bay theo lời ưu-ái
Phương trời này còn lại dấu chân thơ
Vội đôi tay-thôi ôm vạn nỗi niềm
Những đêm nằm đếm ngón tính tương lai
Lấy ảo tưởng làm vui quên sự thật
Cơ nghiệp còn như tiếng thở dài
Tình yêu đó bỗng buồn như bão lụt
Lời ba hoa thôi gian dối nhau rồi
Ôi tội nghiệp mùa xuân còn non dại
Con gió làm rơi rụng cả mầm tươi
Vội mắt nhìn phải mang tầm gương cận
Tôi mãi tìm ý nghĩa cho riêng tôi
Hồn ngực xuống với nhịp tim đập vội
Tôi tìm tôi qua giao cảm con người*

Vào cuộc sống tâm hồn như sóng vỗ
Bờ suy tư, cát nổi tượng linh thần
Điều thăm kín sâu xa còn chưa tỏ
Nên lời thơ thành phù phiếm vô ngần

Thôi đành chịu lạc loài như rong biển
Khuôn mặt này cam nhận nổi mĩa mai
Trái sầu rụng theo tầm tay của tuổi
Tôi mơ màng nghe đời vỗ làm hai

I I

Vào cuộc sống nghe thân mình bỗng nặng
Mạch máu đưa bao nỗi nhớ về hồn
Tôi bước vội vàng qua nẻo suy tư
Dõi mắt ngó theo phương trời cao rộng

Tên tôi đó không ai buồn muốn gọi
Thơ tôi đây cũng vô nghĩa như đời
Ôi người yêu, ôi bạn bè, ôi tất cả
Xin cho tôi được thấy nụ cười

Với vẻ mặt u hoài trong mộng tưởng
Với thân cao không chống nổi cuộc đời
Với trái tim đã mang nhiều căn bệnh
Tôi bây giờ cũng chẳng phải là tôi

Đã lạc mất hồn thơ trên đất mẹ
Nên bơ vơ như một kẻ không nhà
Tôi trông tìm trong đồng xanh mái rạ
Chỉ còn trơ bao dấu đau xót xa

. (1)

Và người ơi nếu mai tôi chết yêu.
Xin đừng buồn đừng khóc với khăn tang
Mà xin người cười như hoa xuân mới nở
Để hồn thơ vĩnh viễn được huy hoàng

(Tâm hồn mọc cánh)

Trích trong Đặc san Trung học

Trần Quý Cáp, Quảng Nam 1965 tra ng25

(1)... Ty Thông Tin Tâm Lý Chiến Quảng Nam 1965 kiểm duyệt 4 câu.

NHÀ XUẤT BẢN TRÌNH BẦY, đã phát hành :

CON VOI

Truyện của SLAWOMIR MROZEX

Bản Việt-văn của DIÊM CHÂU

- Một tác phẩm nước ngoài sẽ nói lên họ những điều mà các nhà văn trong nước đã *không thể nói*.
- Khung cảnh của « CON VOI » là khung cảnh xã hội của những nhà cấp tiến được nuôi trong cũi, những con voi thư lại, những ông tướng và các lãnh tụ làm bằng chất dẻo (nghĩa là sẵn sàng biến dạng tùy theo mỗi hoàn cảnh)...
- Đó chính là thế giới của những đồ giả, của cái cười ngất ngư đến điên dại ; và trong sự châm biếm tàn phá dữ dội ấy, mỗi người chúng ta sẽ có dịp nhận ra chính mình, chính khung cảnh chính trị, xã hội của mình trong một thế giới tuyệt đối phi lý như thế.
- Và sau cùng, người ta sẽ hiểu tại sao, một cuốn sách như vậy đã lại được tuyển chọn để đánh dấu cho ấn phẩm thứ 50 của Nhà Xuất bản TRÌNH BẦY.

Trong thành phố cổ-tích

Thơ ĐÔNG-TRÌNH

tôi trở về nâng niu từng kỷ-niệm
xác lá nội thành ngủ dưới bước chân
đầu cây bạc hà chiều lưng ánh nền
tay ai qua cầu mép áo phân vân

ngôi nhà đó nằm nghiêng ôm vết đạn
rặng soan tây mềm lá gió ngu ngơ
nét chữ phân ưu ngả màu tái xám
bài vị rưng rưng bụi khói hương mờ

trên lối ấy tình khuya thơm dấu cỏ
tóc ai bay sâu lụa mát trắng đêm
chỗ hẹn ngày xưa xanh từng nắm mộ
mắt nhỏ chân cầu lệ đốm lung linh

giòng nước ấy ngực chưa đều nhịp vỗ
tay sóng nâng thuyền lả giắc nam ai
núi cũng thấp tình lên đầu ngọn nhớ
chiều xanh xao như mất máu trong người

em nằm đó bình an trong tuổi lạnh
cây sẽ lên mầm rễ bắt qua thân
tôi về chiều nay buồn vươn rộng cánh
đốt tình lên cho khói nhớ xa dần

(Huế, 27-4-65)

Lòng thấy như là

Thơ HOÀNG-NGỌC-CHÂU

Chiều hôm qua dạo vườn xanh cũ
Lòng thấy như là thương nhớ ai
Một đóa ngọc lan vừa chớm nở
Nhớ người, tội nghiệp quá đi thôi

Có tiếng ai bên nhà hàng xóm
Như tiếng chim buồn một sớm mai
Hay tiếng người đi còn sót lại
Cây cỏ chùng như cũng thở dài

Sương xuống đôi hàng như áo lụa
Người đi một buổi nắng không vàng
Trời cũng thương giùm ta đại đột
Nên buồn, thả gió nhớ ru khan

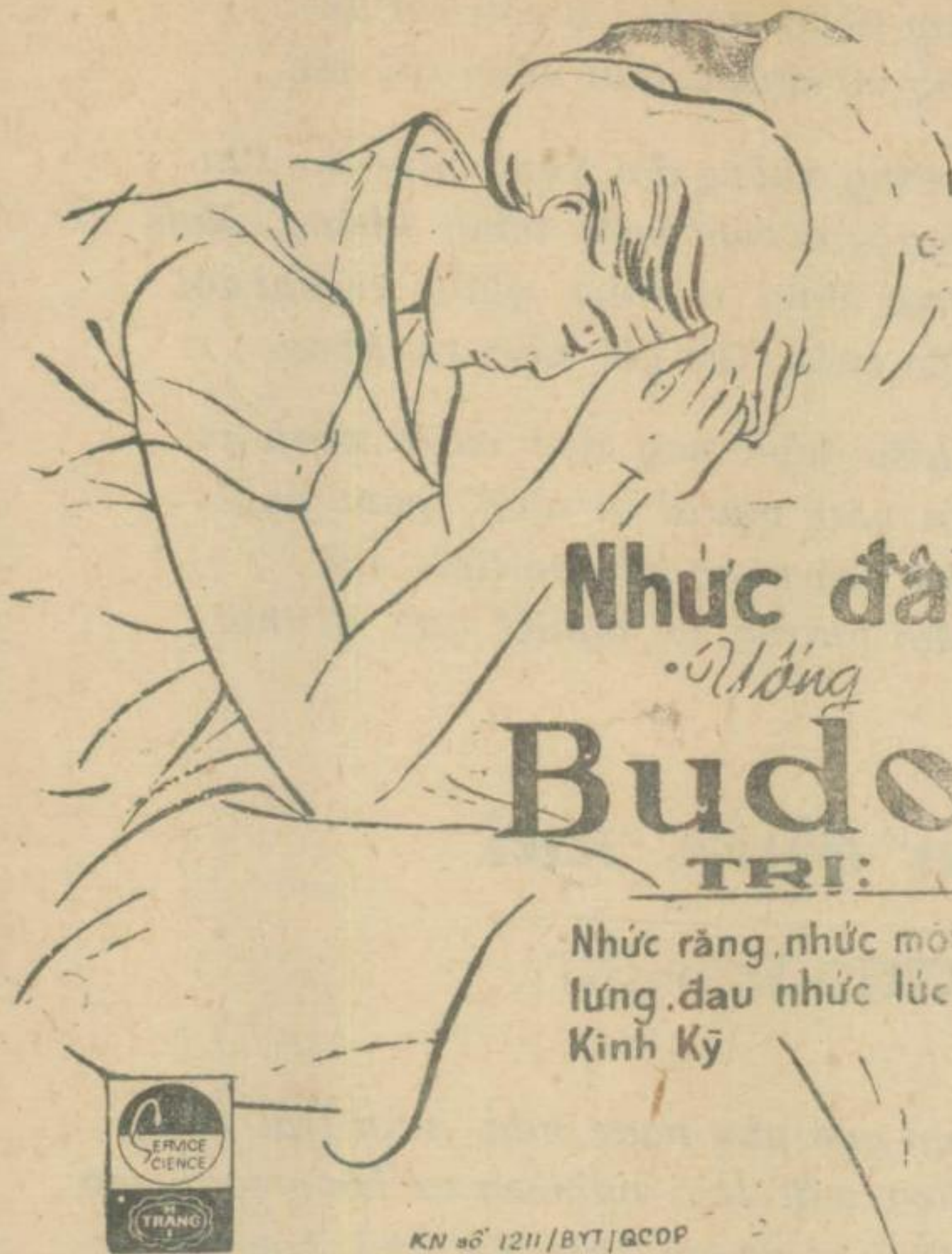
Chiều hôm nay dạo vườn xanh cũ
Ta nhớ người ời nhớ ngậm ngùi
Vài đóa ngọc lan vô tình nở
Mùi hương, ác nghiệt quá đi thôi

(Báo 3-6-1)

đá buồn đỉnh núi

Thơ PHƯƠNG-HOA-SỬ

em góa phụ ngày xưa nhìn trái rụng
hoa mặt trời nghiêng soi bóng cành sao
Tóc em ngoan từng sợi nhỏ hoa đào
mùa chinh chiến vánh tang mờ khuôn mặt
anh làm thơ suốt đời chưa kịp khóc
dáng em sầu theo vài áng mây trôi
từng lớp cỏ khô an nghỉ phận người
nghĩa trang lạnh cỏ đôi bờ chia biệt
nhiều tuổi linh cũng đành qua thương tiếc
giấc ngủ ngày trên lớp đá giòng sông
chiều xuân xưa đầy diêm dúa mây hồng
em ngơ ngác lạc phố này đội nón
anh đứng chòi cao suốt năm mùa lạnh
mũ trên đầu khăn choàng cổ xác xơ
từng đám lau thưa thấp thoáng sương mờ
một chút nắng hắt vào hồn tê dại
mai anh có thành đá buồn đỉnh núi
chút mây chiều cũng lãng đãng bay đi



Nhức đầu
• Không
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức mắt, đau
lưng, đau nhức lúc có
Kinh Kỳ



KN số 1211/BYT/GCOP

NÓI ĐẾN SÁCH, NHỚ NGAY ĐẾN
ĐỊA CHỈ ĐÁNG TIN CẬY:

TỰ LỰC

Số 92 — Đại lộ Lê-Lợi — Saigon
Đ.T. 20.267

SÁCH VỎ GIẤY BÚT, DỤNG CỤ VĂN PHÒNG VÀ HỌC SINH
SÁCH GIÁO KHOA

VIỆT, ANH, PHÁP

Bút máy các hiệu có tiếng, sản phẩm hảo hạng, được tín nhiệm
xưa nay. Luôn luôn những sách mới xuất bản đều có bán tại

NHÀ SÁCH TỰ-LỰC

Gửi một cô bé mới quen

(Nhật ký Quân-trường)

● 14 - 5 ...

3g30 sáng thức dậy trong cơn buồn ngủ vằng vắt, balô trên vai, sẵn sàng lên đường. Những chuyến GMC chất đầy sinh viên sỹ quan. Thôi ta xin tạm xa Đồng-đế ; xa bãi Tiên những trưa cát bỏng ngồi học giữa trời ; xa những đồi trùng trùng vây bủa ; xa khu Thủy Tạ sóng vỗ từng đêm ; xa cà-phê-em-Dung hay câu-lạc-bộ-em-Hiền.

...Chờ đợi đến mỗi một ở phi trường Nha Trang. Nắng tháng 5 như thiếu như đốt. 5 giờ chiều mới có phi cơ. Đến phi trường Quảng Ngãi sau 45 phút bay. Phi trường vắng ngắt. Người Mỹ đen ngồi trên vọng gác cao. Không khí ở đây rờn rợn. Những quả canon được bắn đi. Những chiếc phi cơ bay quanh quần ở phía núi. Máy chiến xa chạy trong bụi cỏ mờ mịt. Chúng tôi đang đi vào một tỉnh lẻ với không khí chiến tranh vây bủa. Chiều tôi đi xuống phố ăn cơm với nón sắt trên đầu. Nhìn những hàng kẽm gai băng ngang đường phố tôi bỗng đứng bàng hoàng.

...Ngủ lại ở Trung-tâm Địa-phương-quân Q.N. Nửa đêm chúng tôi chợt thức giấc vì địch quân pháo kích ở đâu đó.

● 15-5 và những ngày kế tiếp,

Trung tâm huấn luyện này hình như mới được thành lập. Những dãy nhà tôn buổi trưa nóng hầm hập. Dưới sàn gỗ để khoá sinh ngủ là những hầm trú ẩn. Tôi nhìn những chú lính trẻ mặc bộ đồ lính rộng thùng thình nằm ngủ ngon giấc ở góc phòng, nhìn người đàn ông khá lớn tuổi ngồi vắn điệu thuốc rê nói chuyện. Ông ta kể về xóm làng của ông ; về ngôi nhà yêu dấu của ông bị bắn sập, về ba anh lính trẻ đêm hôm qua đi kích bỏ mình. Ngày nào cũng nghe thấy người chết. Như thằng Lê Thảo khóa 6/68 gục ở Quảng Ngãi ; Bình nằm xuống ở núi Don Quảng tín.

Buổi chiều; người chở thuê Honda đưa tôi xuống phố. Đất đỏ suốt con đường xuống quốc lộ. Những mái nhà tranh hai bên đường bám đầy đất đỏ. Tôi trả tiền xe và hỏi thăm được biết anh ta cũng đi lính bị gãy xương sườn được giải ngũ về sinh sống bằng nghề rước khách bằng Honda.

18-5.

Một ngày phép để trở về ngôi nhà cũ. Buổi cơm đầm ấm làm sao. Không khí

Ấm cúng khó tìm ra được ở những quân trường. Ta quên làm sao được những buổi cơm trưa xếp hàng đều đặn bước vào nhà bàn ; và không quên những giọt mồ hôi long lanh trên trán những trưa chạy võ trường ; mồ hôi đầm áo khi vượt hai ba ngọn đồi trở xuống dùng cơm trưa.

... Ngồi xem một chương trình truyền hình. Nghe lại giọng hát tuyệt vời Thái Thanh với ca khúc « Buồn tàn Thu » ; giọng lạnh lùng của Lệ Thu hát em đến thăm anh một chiều mưa. Ở quân trường giờ này có lẽ đã nằm ứng chiến ở Thủy Tọa, ở Bãi Tiên nghe biển « hát » hoài bài ca ngàn năm.

Lính chiến, đêm về sống ở những miền heo hút, nghe khúc hợp ca của AK 47, của đại bác 81 ly, hỏa tiễn 122 ly thay cho giọng ca Thái Thanh, Lệ Thu.

● 19-5.

Bắt đầu công tác thực tập ở quận B.S. này. Đây là xã đầu tiên phải đến nói chuyện với số đồng bào có con em theo V.C. (ở đây người ta gọi là nhầy núi !). Tôi biết nói gì với họ đây ? ! Tên lính mới như tôi biết nói gì cho họ tin khi đêm đêm V.C. bắt người ta đi học tập ; đặt mìn ban ngày chính quyền bắt học tập ; đồn tre rào làng. Những con mắt đỏ hoe của họ ; những cái nhìn xuống buồn khôn tả ; tôi biết nói gì với họ ! !

Buổi chiều đi dò máy trở về. Đây là quê hương của thi sỹ Tế Hanh.

... « Làng tôi vốn làm nghề chài lưới ». Tôi không còn thấy cảnh « Dân trai tráng trong làng ra đánh cá ». Họ đã nhầy núi hết rồi ! Họ đã gia nhập nhân dân tự vệ xách súng ống đi rong. Tế Hanh ơi, ông có buồn không ? !

● 20-5.

Chúng tôi theo ông Đoàn trưởng XDNT thăm các ấp. Những hàng rào bằng tre dài cắm tua tủa lên trời. Mỗi trạm có hai thiếu nữ đứng gác. Phía xa là ngôi chùa bị dấu đạn bắn lỗ chỗ.

Ở quận BS có hai ngôi chùa. Một bị mìn VC làm đổ nát, một bị mấy chú lính mỹ bắn. Ông Đoàn Trưởng cho tôi biết : Cách đây 5 hôm VC về đây bắn chết 13 người. Tôi thầm nghĩ không còn ai khổ hơn đồng bào ở nông thôn.

.... Một ông già bị vướng mìn chết sáng nay khi ông đang dò đường làm công việc vệ sinh. Ngày mai lễ Phật đản rồi, không biết hồn ông có về cõi cực lạc không ?

... Buổi chiều đứng ở khu quận nhìn thấy chiếc Dodge chở đầy tù binh. Mắt những người này bịt kín, tay bị còng. Tôi bu^oc lại gần. Những người này ở Bắc Việt đưa vào Nam, tuổi khoảng 15 đến 20. Tôi hỏi thăm :

Anh ở vùng nào ngoài Bắc ?

— Dạ, Hải Phòng.

— Anh bao nhiêu tuổi ?

— Dạ, 19.

— Anh làm gì ở Bắc trước khi đi lính ?

— Dạ em đang đi học rồi bị bắt đưa vào Nam. Vừa ở rừng núi xuống

đồng bằng chưa đánh nhau đã bị bắt !

Tôi nhìn khắp người anh. Tóc tai dài, nước da xanh xao, mắt vàng. Chiếc quần màu nâu rộng thùng thình anh mặc dính đầy vết máu. Tôi hỏi Anh bị thương ở chân ? Dạ không, em bị vắt cắn. Những người lính B.V. khác cũng còn rất trẻ. Họ có vẻ mỗi một và dờ dẩn. Gầu nước lạnh của người lính đem đến, họ tranh nhau uống ừng ực.

Tôi nhớ có đọc đoạn văn của Michel Butor : « Regard sur double de Berlin. Tôi nhìn thấy những hàng dây thép gai băng ngang. Tôi thấy bức tường ngăn cách sừng sững nhưng làm sao tôi hiểu nỗi lòng người Berlin nhìn về hai phía của quê hương họ. Tôi nhìn về quê hương tôi. Ôi những giòng sông, con đường, dãy phố. Tôi đọc thấy trong một cuốn sách : « Mỗi người tuổi trẻ là một thi-sĩ. » Tôi thêm : « Mỗi người tuổi trẻ Việt Nam là một thi sĩ », bởi lẽ tuổi trẻ Việt-Nam đã sống trước hố thẳm tịch liêu ; đã đối diện với cô đơn hoang vu ; đã sống trong thảm khốc máu lửa ; đã quần quai hơn Kafka, đã xót xa hơn Anne Frank !

Hỡi những người Tuổi trẻ Việt-Nam, chúng ta hãy kiêu hãnh được làm người Việt Nam.

23/05

Buổi sáng thăm trường tiểu học Trịnh Vương (ôi cái tên mới dễ thương làm sao !)

Những em bé tung tăng chạy nhảy, vui đùa. Bước chân chim sẻ bước từng bước lên lầu. Các em vừa hát vừa vỗ tay bài Con nhện giăng tơ của Phạm-Duy. Giọng các em mới đáng yêu làm sao ; ngọt ngào lạ lùng. Những giòng suối trong chảy qua vùng đất của quê hương yêu dấu.

Trường gồm hai dãy lầu. Những hoa giấy treo lòa xòa trước cửa lớp. Hàng trăm bả diệp đứng một hàng dài... Cô giáo của mấy em mặc áo dài trắng đi dưới hiên trường.

Những ngày ở Bình Sơn trí não căng thẳng ; tâm hồn buồn bã. Buổi sớm nay nhìn các em vui đùa, nghe các em hát, lòng tôi chợt bừng lên một chút niềm tin.

Chín yêu dấu !

Anh hứa sẽ mang những nắng gió về cho Chín trong chuyến đi xa này. Nắng thì như em biết đó, ở miền Trung này nắng như đổ lửa. Đất đá cần cỗi, buồn phiền. Không có gì vui để kể cho em nghe ngoài những chuyện buồn phiền, bức bối, vất vãnh của riêng anh. Thôi xin hẹn em một dịp khác (Chín ơi, rồi trong những cuộc hành quân kế tiếp, những máu lửa chết chóc anh chứng kiến, làm sao anh kể được cho Chín vui).

Cuộc chiến thật buồn phiền. Người lính Việt Nam buồn nhất thế giới đó Chín.

PHẠM-MỸ-KHÁNH

VIÊN THUỐC HỒNG
CÓ SINH-TỔ C

Neurotonic

HN. 783/NTT/QCDP/16.4.44

Viên thuốc hồng — Có sinh tố C — Bồi bổ óc
Tăng cường trí nhớ

Georges Pompidou

ân Tổng-thống Cộng-hòa Pháp

(Tiếp theo trang 10)

Trong khi chờ đợi thi văn đáp vào Quốc-gia Sur-phạm cậu đọc sơ qua các "cua" của trường Chính-trị và như vậy đã đủ đề cậu tốt nghiệp tại trường này cùng một lúc với bằng Thạc-sĩ. Một vị Giám khảo đã phải tuyên bố rằng Hội-đồng Khảo-thí rất lấy làm tiếc đã phải cho cậu Georges-Pompidou đậu Thạc-sĩ thủ-khoa vì cậu là người làm việc ít nhất trong các thí sinh.

Năm 1935 vị Thạc-sĩ trẻ tuổi được bổ làm Giáo-sư Văn chương tại trường Trung học Saint-Charles ở Marseille.

Một hôm giáo sư trẻ tuổi Pompidou đang thơ thẩn dạo chơi trong vườn Lục xâm-bảo ở Paris thì gặp cô Claude Cahour nữ sinh viên Luật khoa năm thứ nhất. Sau đó hai người làm lễ thành hôn và về chung sống ở Marseille. Cuộc đời của một giáo sư không lấy gì làm sung túc lắm, nhưng vì có một cô vợ trẻ đẹp nên Georges Pompidou bắt buộc phải ăn sài rộng rãi. Nhiều khi túng đến nỗi Giáo sư Pompidou phải chui vào tủ để trốn người đến thu tiền điện nước.

Năm 1938 Georges Pompidou được đổi về dạy tại trường Trung học Henri IV ở Paris. Tại đây hai vợ chồng trẻ tìm được một nếp sống hợp với sở thích của mình. Cả hai đều ưa chuộng văn-nghệ lại sống ở thủ-đô văn-hóa nên chẳng khác gì cá gặp nước.

Nhưng cuộc đời êm đềm này kéo dài chẳng được bao lâu vì đệ-nhiệ Thế-chiến bùng nổ, Georges Pompidou phải lên

đường tòng quân. Vì chiến đấu dũng cam nên ông được thưởng chiến công bội tinh. Sau đó Pháp đầu hàng, quân đội Đức chiếm đóng Paris. Giải ngũ, Georges Pompidou lại trở về dạy học tại trường Henri IV.

Từ 1940 tới 1944, cũng như những người khác, Georges và Claude Pompidou sống trong cảnh thiếu thốn do chiến tranh gây nên. Năm 1941 họ có một nguồn an ủi mới là cậu Alain, con trai đầu lòng, ra đời.

Georges Pompidou, trong thời gian này, tham gia một cách gián tiếp vào cuộc kháng chiến chống Đức. Trong lớp học của ông cũng như ở nhà, ông luôn luôn chứa chấp những người kháng chiến bị chánh quyền Đức tạm nã. Và cứ mỗi chiều ông mở máy thu thanh, bắt đài Luân-đôn để đợi nghe giọng nói của Tướng De Gaulle, người mà ông tôn thờ tuy chưa được gặp mặt.

Năm 1944, Tướng Leclerc giải phóng Paris. De Gaulle trở về trong tiếng hoan hô vang dậy của dân chúng. Pompidou tưởng là cuộc đời mình sẽ lại tiếp tục như trước. Ông không ngờ rằng vài tháng sau, số mệnh đã đẩy ông vào một con đường mới, con đường dẫn ông tới điện Elysée.

**Một vị Tổng-thống
của hữu phái.**

Thật vậy, khi tướng De Gaulle nắm chính quyền năm 1944 nền chính trị Pháp là cả một khoảng trống. Các chính

khách của Đệ-tam Cộng-hòa hoặc rút lui vì lỗi thời, hoặc bị thanh trừng vì đã cộng tác với quân chiếm đóng Đức. De Gaulle cần cộng-sự-viên mới. René Brouillet, bạn cũ của Pompidou ở Cao đẳng Quốc-gia Sur-pham lúc đó giữ chức Phó Đồng-ly Văn-phòng của De Gaulle. Brouillet đưa Pompidou vào làm Công-cán ủy-viên phụ trách về Thông-tin và Giáo-dục. Ngoài việc cải-tổ nền giáo-dục và tái lập báo chí, Georges Pompidou còn phải thảo những bản tóm tắt tình hình trong nước và ngoại-quốc để De Gaulle xử dụng tại Hội-đồng Tổng-trưởng. Với cách hành văn thanh nhã với những nhận xét sáng suốt, các bản tóm tắt tình-hình của Pompidou được De Gaulle ưa thích.

Năm 1946 trước sự chia rẽ của các đảng phái, De Gaulle bỏ về Colombey-les-Deux-Eglises. Georges Pompidou được cử vào Tham-chính-viện giữ chức Thăm-tra ủy-viên (Maitre des Requêtes au Conseil d'Etat). Tuy không hề học luật ông Pompidou đã thành công một cách dễ dàng nhờ tài suy luận và óc thông minh.

Một hôm Georges Pompidou được Bà De Gaulle vời đến Colombey. Bà De Gaulle là Chủ-tịch « Hội thiện Anne De Gaulle », một hội thiện có mục đích giúp đỡ những trẻ em đau ốm do gia đình De Gaulle thành lập và tài trợ. Bà De Gaulle nhờ Georges Pompidou giữ chức thủ quỹ của Hội. Với tài tháo vát của ông, Georges Pompidou đã cứu Hội khỏi những khó khăn tài chánh và ông được bà De Gaulle hết sức quý trọng. Nhân cơ hội này Georges Pompidou cũng giúp cho Tướng De Gaulle một vài việc đáng kể.

Tuy De Gaulle rút lui khỏi chính trường, nhưng các người theo ông như Michel Debré, André Malraux... vẫn cố gắng tổ chức một lực-lượng chính-trị để chuẩn bị đưa ông trở lại chính quyền. Họ tổ chức các cuộc hội-thảo, nghiên cứu các vấn đề kinh-tế, xã-hội để có một chương-trình sẵn sàng. Pompidou tuy không là chính-trị-gia nhưng vì trung thành với De Gaulle nên cũng tham gia các hoạt động này.

Năm 1948, De Gaulle lại vời Pompidou tới Colombey yêu cầu ông giữ chức vụ Chánh-văn-phòng cho De Gaulle. Tướng De Gaulle ra lệnh : « Ông hãy thảo cho tôi những bản tóm tắt tình-hình như ngày trước ». Lúc đó Pompidou mới biết rằng ông đã được De Gaulle ưa chuộng ngay từ lúc ông còn làm Công-cán ủy-viên.

Từ đó cho đến năm 1958 khi De Gaulle trở lại chính quyền, Pompidou vẫn giữ các chức vụ nói trên : Chánh văn phòng của Tướng De Gaulle, Thủ quỹ của bà De Gaulle và đồng thời Thăm-tra ủy-viên tại Tham-Chính-Viện. Nhờ ông mà De Gaulle hiểu rõ mọi vấn-đề quốc-tế cũng như quốc-nội. Ông là nhịp cầu liên lạc giữa De Gaulle và cuộc đời ở bên ngoài. Ai muốn gặp De Gaulle cũng phải qua Pompidou.

Năm 1954, Georges Pompidou bỏ Tham-chính-viện đến làm cho Ngân-hàng Rothschild để có thêm phương-tiện tài-chánh. Hai vợ chồng ông luôn luôn túng thiếu vì cả hai đều thích tiệc tùng thết đãi, tiếp xúc với các văn-nghệ-sĩ, mua những bức danh họa. Có người còn đồn rằng ông làm cho Rothschild để có tiền cung cấp cho gia-đình De Gaulle nữa, vì khi

tướng De Gaulle rút lui, ông từ chối mọi quyền lợi mà chính phủ cấp cho ông.

Tuy chưa biết gì về Ngân-hàng, Georges Pompidou cũng thành công và vài năm sau được cử làm Tổng Giám đốc Ngân-hàng Rothschild.

Đời sống của ông từ đó sung túc hơn. Các văn-nghệ-sĩ lại lui tới tấp nập. Bạn của gia-đình ông là tài tử Alain Delon, là nữ sĩ Françoise Sagan...

Năm 1958, sau vụ đảo chính quân sự ở Alger, De Gaulle trở lại chính quyền. Pompidou giữ chức Đồng-ly Văn-phòng của Thủ tướng De Gaulle. Khi De Gaulle đặt nền móng một thể chế mới, Pompidou đã giữ một vai trò rất quan trọng: Ông dàn xếp, thương lượng để dung hòa các quan-điểm, loại bỏ các tranh chấp giữa những người của chế-độ cũ và những người của chế-độ mới.

Không thích chính trị nên ông giao hẹn chỉ làm cho De Gaulle 6 tháng mà thôi. Vì vậy đến đầu năm 1959, khi De Gaulle lên Tổng-thống, Pompidou nhất quyết trở về Ngân-hàng.

Nhưng nào có được yên thân. De Gaulle ử ông làm hội viên Hội-đồng bảo-hiến. Rồi mỗi khi gặp khó khăn, De Gaulle đều triệu ông tới. Năm 1961 De Gaulle lại cử ông phụ trách tiếp xúc mật với phe kháng chiến Algérie. Những cuộc tiếp xúc này đưa tới kết quả là cả hai phe, Pháp và Algérie, sau đó gặp nhau ở hội-ngị Evian để chấm dứt chiến tranh Algérie.

Tháng 4-1962 De Gaulle chỉ định ông làm Thủ-tướng. Pompidou từ chối không được phải nhận lời. Pompidou được cử làm Thủ-tướng là một điều hết sức lạ lùng, chưa có trong lịch sử

Pháp, vì ông chưa hề làm Tổng-trưởng, chưa bao giờ giữ một chức vụ dân cử. Các dân biểu, các đảng phái, ngay cả đảng De Gaulle cũng bất bình. Các Tổng-trưởng đã nói với nhau « De Gaulle khinh chúng ta đến nỗi đem anh thư-ký riêng của ông ra chủ-tọa Hội-đồng nội-các ».

Bà Pompidou cũng không vui vì chức vụ Thủ-tướng của ông sẽ làm xáo trộn cuộc sống « văn nghệ » phóng khoáng của bà.

Khi làm Thủ-tướng, cả hai ông bà Pompidou đều không chịu ở trong dinh Matignon để có thể tiếp tục được phần nào cuộc sống cũ.

Thủ-tướng Pompidou đã đem lại cho chế-độ De Gaulle một bầu không khí vui vẻ và cởi mở hơn. Ông mang đến những bức họa lập-thể hoàn toàn « đột sóng mới » để treo ở Văn phòng Thủ tướng, đầy những đồ cồng từ thời Vua Louis XV, khiến các tùy phái ở văn phòng lúng túng không biết treo những bức họa đó theo chiều nào.

Cũng như ở các chức vụ khác, ông Pompidou nhờ tài tổ chức khéo léo và khả năng thích ứng nhanh chóng đã trở thành một chính-trị-gia có tài. Ông giải quyết công việc một cách mau lẹ và hữu hiệu. Trên bàn ông không bao giờ có một tờ giấy, một tập hồ-sơ. Tại Quốc-hội, sau vài bài diễn văn ông cũng trở thành một tay biện-luận đại tài, đối đáp lưu loát. Một hôm tại diễn-đàn Quốc-hội ông nói một câu khiến tất cả các dân biểu—trừ nhóm Cộng-sản—đều vỗ tay. Ông quay về phía họ hỏi: « Kìa sao các ông Cộng sản không vỗ tay, câu này của ông Kroutchev mà »!

Ông giữ chức Thủ-tướng 6 năm và giải quyết được một cách khả quan mọi cuộc khủng-hoảng. Nhờ có ông mà gần một triệu dân Pháp di cư từ Algérie về đã tìm được công ăn việc làm.

Tháng 5-1968 một cuộc Cách-mạng xã-hội, do sinh-viên và thợ thuyền khởi xướng, bùng nổ làm lung lay cả nền tảng xã-hội Pháp. Ông Pompidou đã bình tĩnh thương thuyết để dập tắt ngòi nổ cách-mạng. Ông sáng suốt đến nỗi yêu cầu Tướng De Gaulle rút lui để vẫn hồi trật-tự trong nước. Tướng De Gaulle coi đó là một hành động phản bội không thể tha thứ được. Sau khi Tướng De Gaulle giải tán Quốc-hội, nhờ có Pompidou mà đảng De Gaulle đã chiếm được đa số chưa từng có trong lịch sử Pháp. Riêng ông cũng ra ứng cử dân-biểu lần đầu tiên và đắc cử một cách hết sức vẻ vang. Tuy vậy tướng De Gaulle vẫn chưa tha thứ cho ông lỗi nói trên nên yêu cầu ông rút lui để nhường chỗ cho ông Couve de Murville.

Rút lui khỏi nội các, ông Pompidou vẫn tiếp tục hoạt động chính trị để ủng hộ Tướng De Gaulle và cũng để chuẩn bị ra ứng cử Tổng-thống khi De Gaulle quyết định về hưu. Ông tuy lúc đầu không ra chính trị, nhưng sau 6 năm trời nắm chính quyền ông thấy ham thích, vì ông cho rằng khi cầm quyền người ta có thể phục vụ đất nước một cách hữu hiệu hơn.

Qua cơn nóng giận. Tướng De Gaulle cũng hiểu sự trung thành của người đã công tác mật thiết với mình và cho rằng Pompidou là người kế vị xứng đáng nhất, vì vậy mà ông lại thân thiết với Pompidou như trước. Sau khi dân

Pháp, do cuộc trưng cầu dân ý, bác bỏ những đề nghị của Tướng De Gaulle, và Tổng-thống Pháp đã từ chức, ông Pompidou liền nhẩy vào vòng chiến. Ông ra ứng cử Tổng-thống để cứu vãn chính-thể De Gaulle khỏi rạn nứt, để duy trì và tiếp nối công trình dang dở của De Gaulle. Ông biết rằng dân Pháp chính thật không muốn sự ra đi của De Gaulle mà họ chỉ muốn De Gaulle bỏ bớt tính chất độc tài mà thôi. Vì vậy ông ra ứng cử với khẩu hiệu là tiếp tục chính sách của De Gaulle. Nhưng vì dân Pháp không bằng lòng một vài điểm của chính sách này, Pompidou phải cố gắng sửa đổi lại cho hợp với nguyện-vọng của dân chúng hơn. Nhưng ông chủ trương sửa đổi trong khi vẫn liên tục duy trì chính sách cũ.

Trong cuộc bầu cử Tổng-thống vừa qua vì số cử-tri không đi bầu khá đông (30%) nên phải nhờ số thăm của hữu phái ông Pompidou mới đắc cử được. Do đó các đối thủ của ông coi ông là một người của hữu-phái.

Thật ra thì Georges Pompidou không thuộc phái nào. Về phương diện trí-thức, ông có khuynh hướng theo chủ-nghĩa xã-hội hướng về tiến bộ. Về phương diện chính trị ông cố gắng mở rộng chính phủ để mọi khuynh hướng quốc-gia đều được đại-diện trong nội các. Với Pompidou ở điện Elysée, người ta thấy chính thể Pháp tuy mang bản chất De Gaulle nhưng sẽ có một phong thể khác: bình dân hơn, cởi mở hơn, gần dân chúng hơn. De Gaulle tự coi mình là người của Thượng-đế, là anh hùng dân tộc, nên đã tạo cho chính thể của ông một vẻ uy nghi. Pompidou, ngược lại, bắt nguồn từ dân chúng, không bao giờ quên nguồn gốc nông dân của mình. Trước máy vô tuyến truyền hình

nếu De Gaulle lúc nào cũng trình trọng, mỗi lời nói là một câu văn trải chuốt, một lệnh truyền, thì Pompidou lại có những điệu bộ, lời lẽ thân mật. Nghe ông nói người dân Pháp có cảm tưởng là đang bàn cãi với một người bạn thân tại một quán cà phê, bên chai rượu chất. Vì vậy mà nhiều người viết thư cho ông đề kể về tâm sự. Có người gửi cả ảnh cho ông " để ông biết rõ tôi và gia đình tôi, như tôi đã biết về ông ». Người ta còn viết thư đề xin ông tìm việc cho. Người ta không xin ông những chức vụ gì quan trọng mà chỉ những việc tầm thường như nhờ ông tìm hộ một chân làm vườn hay kèm trẻ buổi tối. .

oOo

Đời ông Georges Pompidou là cả một sự mâu thuẫn. Ghét chính trị ông vẫn phải làm chính trị. Sợ những kiểm tra của các chức vụ cao, ông bắt buộc phải làm Tổng thống. Trung thành với De Gaulle mà vẫn mang tiếng là phản bội. Trước khi đưa ông vào điện Elysée, định mệnh đã đưa ông vào những hoàn cảnh hết sức khác biệt. Những hoàn cảnh khác biệt này đem lại cho ông nhiều kinh nghiệm. Ngoài ra, sự hòa hững với quyền hành, với chức vụ lại là một yếu tố thành công của ông. Ông làm việc gì cũng có tính cách « tài tử ». Chưa bao giờ bước chân vào một guồng máy chính trị, ông vẫn là một công-cán ủy-viên đặc lực. Chưa bao giờ học luật, ông vẫn làm việc được tại ban tổ tụng của Tham-Chính-Viện. Chưa bao giờ hiểu rõ bộ máy tiền-tệ, mà ông vẫn trở thành Tổng Giám đốc Ngân hàng. Làm việc rất ít nhưng nhờ tài hiểu nhanh, trí phán đoán, và khả năng

tổ chức ông vẫn thu lượm được kết quả tốt đẹp.

Trong 7 năm sắp tới, những trách vụ nặng nề đang chờ đợi ông. Tiếp tục công trình của De Gaulle, cố gắng củng cố chính thể De Gaulle sau sự ra đi của De Gaulle, là những mục tiêu chính của Pompidou vì ông tin rằng chính thể De Gaulle tan rã thì nước Pháp sẽ trở lại tình trạng hỗn loạn của thời Đệ tứ Cộng-hòa. Nhưng ông cũng đồng thời nhằm biến cải chính thể De Gaulle cho phù hợp với nguyện vọng của dân chúng Pháp.

Georges Pompidou đảm nhiệm những trách vụ này trong những điều kiện khó khăn. Sau lưng ông. Tướng De Gaulle luôn luôn quan sát, kiểm soát người kế vị của mình. Đứng trước ông, phe đối lập chỉ đợi một sơ hở để lớn tiếng chỉ trích; sinh viên và thợ thuyền chỉ đợi một lời lầm để nổi loạn. Tuy nhiên ông cũng không thiếu yếu tố để thành công. Ngoài những biệt tài riêng, ông còn lượm được một số thăm mà chính De Gaulle chưa bao giờ thu được (58% số cử tri đi bầu) và trong khi De Gaulle vẫn mang tiếng là do một cuộc đảo chính quân sự đưa lên thì Pompidou lại do chính dân chúng bầu lên bằng một cuộc tuyển-cử tự do...

Thành công, ông sẽ đưa nước Pháp tới trật tự và ổn định lâu dài, thất bại ông sẽ đưa nước Pháp tới tình trạng hỗn loạn, chia rẽ cố hữu. Đó là trách nhiệm của Georges Pompidou trước lịch sử.

TỪ TRÌ

REGAST.T.

- Trị các chứng đau bao tử, ợ chua, đầy hơi.
- Bào chế theo công-thức Hòa-Lan

Thời sự thế giới

TỪ TRÌ

Những khúc mắc của nền ngoại-giao Hoa-Kỳ đang là một đề tài được thảo luận sôi nổi. Tổng-thống Nixon đang gặp nhiều trở ngại trong việc thi hành chính sách đối ngoại của ông. Những trở ngại này không những cần phải được vượt qua ở ngoại quốc mà còn ở quốc nội nữa.

Nga-sô cũng gặp nhiều khó khăn không kém. Đại-hội các đảng Cộng-sản thế giới không mang lại những kết quả mà các lãnh-tụ điện Kremlin mong muốn. Trong khi đó với Tân Tổng-thống Pompidou, Pháp đang có nhiều hy vọng bước qua một giai đoạn nếu không ổn định thì cũng lắng dịu.

Vùng Trung Đông, giao thiệp Ả Rập — Do Thái càng n ày càng gay go. Nếu các nhà lãnh đạo mất bình tĩnh, chiến tranh có thể bùng nổ lại bất cứ lúc nào.

Phi-Châu mới độc lập cũng chưa qua khỏi được bệnh trường thành. Tại đây, ngoài những tranh chấp bộ lạc người ta còn phải cố gắng đi tìm một đường lối khả dĩ làm vừa lòng được mọi người vì các quốc-gia khuynh-hữu cũng như các quốc gia khuynh tả đều gặp sức chống đối nội bộ. Trước tương lai, cả Sekou Touré thân Cộng lẫn Léopold Senghor thân Tây-phương đều phải lo ngại.

Mỹ châu : Chủ trương biệt lập đang nẩy nở mạnh

Trong tháng 6 vừa qua, Tổng thống Nixon đã thất bại nhiều trong lãnh vực ngoại giao. Ông đã gửi ông Nelson Rockefeller, Thống-đốc Tiểu-bang New-York sang thăm viếng Nam-Mỹ để đặt sự giao-hảo giữa Hoa-kỳ và các quốc gia Nam-Mỹ trên một căn-bản thân hữu và lành mạnh hơn.

Thật vậy, tuy Hoa-kỳ đã gia tăng viện trợ rất nhiều cho Nam-Mỹ, nhất là trong khuôn khổ chính sách « Liên-minh đề tiến bộ » do Tổng thống Kennedy đề xướng, lục-địa này vẫn cho rằng người Mỹ không thật tâm mà chỉ muốn tiếp tục làm chủ nền kinh tế của lục-địa. Để xóa bỏ những sự hiểu lầm, ông Nixon

đã giao cho ông Nelson Rockefeller làm sứ giả để đi thuyết phục các chính phủ. Nam-Mỹ. Sự lựa chọn ông Rockefeller tuy hợp lý nhưng lại là một điều sai lầm. Hợp lý là vì ông Rockefeller là một chuyên gia về vấn đề Nam-Mỹ. Ông đã từng cộng tác chặt chẽ với Tổng thống Roosevelt để thi hành chính sách « lân bang thân hữu » (Bon voisinage). Ông cũng đã giữ chức Bộ-trưởng phụ trách Nam-Mỹ sự-vụ dưới Tổng-thống Truman, ông nói tiếng Tây-ban-nha thông thạo và luôn luôn bênh vực cho thiểu số da đen nên vẫn được tiếng là dân chủ.

Tuy nhiên ông và gia đình ông lại làm chủ nhiều xí nghiệp, tại các quốc gia Nam-Mỹ. Vì vậy tên ông được coi như đồng nghĩa với đế-quốc kinh-tế Hoa-kỳ

Đi tới đâu ông cũng bị dân chúng biểu tình phản đối. Tại Colombie và Equateur, các cuộc biểu tình đã trở thành những vụ nổi loạn. Tại Bolivie, chính phủ không dám đề ông Rockefeller ra khỏi phi trường và chính phủ Vénézuéla đã phải yêu cầu ông hoãn cuộc viếng thăm cho tới khi nào tình hình sáng sủa hơn.

Ông Nixon đã từng là nạn nhân của các cuộc biểu tình tương tự vào năm 1958 nên ông biết rõ rằng ngoại-giao Mỹ, mặt dầu đã cố gắng trong những năm qua, vẫn còn gặp nhiều thất bại.

Thất bại ngoại giao thứ hai của ông Nixon là thái độ của phe Cộng sản ở Việt-Nam. Khi lên đường đi Midway, ông Nixon đã tuyên bố là "Hội-nghị Midway là khởi đầu của sự chấm dứt chiến tranh ở Việt-Nam". Ông tin như vậy vì theo phúc trình của phái đoàn Mỹ ở Paris thì hội nghị đang tiến bộ và nếu Mỹ tỏ thiện chí thì phe Cộng-sản sẽ nhượng bộ. Ông Nixon đã cố gắng thuyết phục chính phủ Nam-Việt, và tại hội-nghị Midway người ta quyết định tỏ thiện-chí bằng cách loan báo là Mỹ sẽ rút 25.000 quân.

Nhưng ngay trên đường về Hoa-thịnh-Đốn ông Nixon đã biết mình lầm, phái đoàn Mỹ ở Paris đã phúc-trình sai. Vì không những phe Cộng-sản không đáp ứng mà họ còn tỏ ra cứng rắn hơn, bằng cách thành lập một «Chính phủ lâm thời cách mạng». Về tới Hoa-thịnh-Đốn, ông Nixon đã có một thái độ cương quyết hơn; ông tuyên bố «địch phải rút lui hay đầu hàng».

Ngay tại quốc-nội, chính sách ngoại giao của ông Nixon cũng gặp nhiều khó khăn không kém. Như đã xảy ra nhiều lần trong lịch sử, mỗi khi Hoa-kỳ can

thiệp quá nhiều vào đời sống các quốc-gia khác trên thế giới, là dư-luận quần-chúng Mỹ lại chán ngấy và đòi trở lại chính sách biệt lập (Isolationnisme) mà chính Washington đã chủ trương. Hiện nay cũng vậy, dư-luận Hoa-Kỳ muốn chính chủ giảm bớt những hoạt động ở ngoài nước. Phản ảnh dư luận trên, Thượng-nghi-viện đã, bằng 70 phiếu thuận và 16 phiếu nghịch, đưa ra một biểu-quyết yêu cầu Tổng-thống từ nay, mỗi khi cam kết một điều gì với các nước ngoài, phải có sự thỏa thuận trước của Thượng-viện. Tuy biểu quyết này không có giá trị của một đạo luật nhưng nó diễn tả một tư-tưởng lãnh đạo mới. Với tư-tưởng lãnh đạo mới, càng ngày càng đi sâu vào chính sách biệt lập, Tổng-thống Nixon càng ngày càng khó hoạt động và bị Lập-pháp kiểm soát mỗi lúc mỗi gắt gao hơn.

Âu-châu : sự thất bại của Đại-hội các đảng Cộng-sản tại Mạc-tư-khoa.

Sau 13 ngày nhóm họp Đại-hội, các đảng Cộng-sản thế giới tại Mạc-tư-khoa đã bế mạc Đại-hội không mang lại cho các lãnh-tụ Nga số những kết quả mong muốn. Ngoài ra, Đại-hội còn phô bày một cảnh tượng chia rẽ giữa các đảng Cộng-sản trên thế-giới nữa.

Nga muốn triệu tập Đại-hội trước hết là để xác nhận vai trò lãnh đạo của mình. Nga muốn rằng Đại-hội sẽ có những quyết-nghị cho phép Nga can thiệp vào các quốc-gia cộng-sản khác. Hơn nữa, sau vụ Nga xâm lăng Tiệp-khắc, các lãnh tụ đảng Cộng-sản Nga muốn được sự ủng hộ của các đảng Cộng-sản thế giới để đỡ bị mang tiếng là xâm lược. Ngoài ra, Nga muốn nhân

dịp sẽ dùng Đại-hội đề lên án Trung-cộng.

75 đảng cộng-sản đã gửi đại diện tới phó hội. Nhưng ai cũng hiểu rằng Nga-sô chỉ dùng hình-thức cộng sản quốc tế để phục vụ quyền lợi quốc-gia vị-kỷ của mình. Thật vậy, Nga sô muốn giữ quyền lãnh tụ để duy trì sự thống-nhất của phong trào cộng-sản thế-giới. Nhưng thật ra quyền lãnh-tụ đã cho phép Nga-sô can thiệp vào Tiệp-khắc để nắm giữ những kỹ-nghệ của nước này. Nhân danh sự thống nhất, người ta có thể lên án Trung Cộng, nhưng Nga-sô sẽ dùng sự lên án này để đả phá Trung-cộng, để tranh chấp lãnh thổ với Trung-cộng.

Biết rằng Nga chỉ nhằm những mục tiêu quốc gia, nhưng các đảng Cộng sản khác vẫn không dám chống đối Nga ra mặt, vì tại những nước mà Cộng đảng nắm chính quyền, người ta e sợ sự can thiệp võ trang của Nga. Các Cộng đảng chưa nắm được chính quyền thì lại sợ mất nguồn tài trợ. Vì vậy mà các Cộng-đảng tới phó hội ở Mạc-tư-khoa đều ở trong một tình trạng tế-nhị.

Lỗ-mã-ni, ngay từ đầu, đã dọa nếu đề cập vấn-đề Trung Cộng thì Lỗ sẽ đề cập vụ xâm lăng của Nga ở Tiệp-khắc.

Khi hội-ngị bế-mạc, bản Tuyên ngôn tối hậu chỉ nêu ra những mục-tiêu hết sức mơ hồ. Không ai lên án Trung-Cộng và cũng không ai ủng hộ Nga trong vụ Tiệp-khắc. Hơn nữa, 3 Cộng đảng: Anh, Na-Uy và Sain Domingue, từ chối không chịu ký. 9 đảng khác chỉ ký có một phần mà thôi.

Sau nhiều năm ra công tổ chức, Nga đã thất bại nặng nề trong nỗ lực thực hiện thống nhất phong trào cộng-sản thế giới.

Trong khi đó, khối Tây-Âu đang có nhiều hy vọng thực hiện được sự thống nhất. Thật vậy Ông Georges Pompidou đã được bầu làm Tổng thống Cộng hòa Pháp. Người ta hy vọng rằng với Pompidou, Pháp sẽ bỏ thái độ cứng rắn của thời đại De Gaulle khiến Anh-quốc có thể gia-nhập được Thị-trường Chung Âu Châu.

Ngày 15-6 vừa qua, ông Georges Pompidou, với 580/0 số thăm của cử-tri đi bầu, đã đắc cử. Tuy là do hữu-phái bầu lên, ông Pompidou cố gắng tạo một chính-sách được đa số quốc-dân Pháp ủng hộ. Vì vậy ông đã lập một nội-các mở rộng về trung phái và tả phái. Một nội-các như vậy sẽ không còn tính cách đồng đều, nên ông Pompidou đã cử ông Jacques Chaban-Delmas làm Thủ-tướng. Ông Chaban-Delmas là một người theo Tướng De Gaulle từ 30 năm nay. Ông là một người khéo léo, mềm dẻo nhưng không thiếu cương quyết và nghị lực. Trong chức vụ Thủ-tướng, ông sẽ vừa có đủ khả năng để dung hòa nổi mọi quan-điểm dị đồng của một nội-các nới rộng, lại vừa làm hài lòng được đảng De Gaulle đa số ở Quốc-hội. Tuy là Tướng De Gaulle yêu cầu giữ ông Michel Debré ở lại chức vụ Ngoại trưởng, nhưng ông Pompidou đã cử ông Maurice Schumann giữ chức vụ này, để tỏ ý chỉ muốn thay đổi chính sách đối ngoại. Với ông Debré ở chức vụ Tổng trưởng Quốc phòng, ông Pompidou muốn tỏ rằng chính sách quân sự hướng về võ trang nguyên tử của Tướng

De Gaulle vẫn được giữ y như cũ. Ngoài ra những nhân vật đối lập như ông René Pléven, Giscard d'Estaing cũng tham gia chính phủ.

Chính sách của ông Pompidou là giữ một thế quân bình. Thay đổi chính sách đối ngoại với ông Schumann sẽ làm mất lòng đảng De Gaulle, nhưng giữ nguyên chính sách quân sự với ông Debré lại là yếu tố trấn an đảng này.

Về phương diện quốc-tế, người ta thấy rằng sự hiện diện của các ông Pléven, Schumann, Giscard d'Estaing v.v... chứng tỏ Pháp muốn thực hiện thống nhất Âu-châu, vì ba chính khách trên đây là những người đã ủng hộ nồng nhiệt sự hợp tác Âu-châu.

Anh quốc hy vọng rằng với ông Pompidou ở Điện Elysée, Anh sẽ được gia nhập Cộng đồng kinh tế Âu-châu (Thị trường chung). Các quốc gia hội viên của tổ chức này cũng đang cố gắng để đưa Anh vào. Sự gia nhập của Anh, trong dài hạn, sẽ tăng cường sức mạnh của Tây-Âu, sẽ biến vùng này thành một lực lượng kinh tế đáng kể và là bước đầu của một liên hiệp chính trị Âu-châu hùng mạnh có thể đương đầu nổi với Hoa-kỳ và Nga-sô.

Trung Đông : Giao thiệp Do-thái Ả-rập càng ngày càng gay go

Trong những ngày gần đây cuộc tranh chấp Ả-rập — Do thái hầu như đã chuyển hướng. Từ chiến tranh nóng, chiến tranh lạnh, người ta chuyển sang chiến tranh du kích.

Cuộc chiến tranh du kích này do đoàn cảm-tử-quân Palestine (Feddayin) khởi xướng. Khi Do-thái lập quốc năm 1948, các người Ả-rập gốc Palestine đã

di cư sang các quốc-gia Ả-rập lân cận để lánh nạn. Jordanie là quốc-gia tiếp nhận nhiều nhất vì hiện nay có tới 800.000 người Palestine tỵ nạn. Những người tỵ nạn Palestine muốn tái chiếm vùng này và tiêu diệt quốc-gia Do-thái. Họ thành lập những tổ chức kháng chiến như « Mặt-trận giải-phóng Palestine », « Mặt trận dân chủ giải phóng » v.v... Để thực hiện được mục-tiêu, họ tổ chức một lực-lượng vũ trang hùng hậu, một đoàn cảm-tử-quân.

Các lực-lượng này đã phá hoại rất nhiều những cơ sở Do-Thái. Họ vừa phá nhà máy lọc dầu ở hải cảng Haifa và gây ra một đám cháy rất lớn.

Tại các quốc-gia Ả-rập, các lực lượng này luôn luôn làm áp-lực với chính-phủ để tấn công Do-thái. Cả vua Hussein xứ Jordanie lẫn Tổng-thống Ai-Cập Nasser đều không thể có một đường lối ôn hòa đối với Do-thái.

Nguy hại hơn nữa là quân cảm-tử Feddayin lại còn dùng lãnh-thổ các quốc gia Ả-rập làm căn-cứ địa để tấn công. Do-thái và Ả-rập mỗi khi trả đũa đều gây thiệt hại nặng cho các quốc-gia chứa chấp quân cảm tử.

Những hoạt động du kích phá hoại của quân cảm tử Feddayin càng ngày càng gia tăng khiến Do-thái luôn luôn phải động viên nhân lực vào việc phòng thủ và nền kinh-tế quốc-gia bị sao lãng.

Các cuộc đụng độ đã làm cho các nhà lãnh đạo Trung-Đông ở trong một tình trạng vô cùng căng thẳng. Nếu họ mất bình tĩnh, chiến tranh nóng một lần nữa sẽ bùng nổ trở lại.

Phi-châu : chưa thoát khỏi bệnh trưởng-thành

Vào tháng 7 năm nay cuộc chiến tranh Nigéria đã sang tới năm thứ ba. Tuy các cuộc tàn sát và nạn đói vẫn tiếp tục nhưng ngay tại Nigéria người ta hầu như quên rằng đang có chiến tranh. Nền kinh-tế của xứ Nigéria vẫn thịnh vượng hơn bao giờ hết. Nhưng cùng một lúc dân Biafra vẫn cố gắng tranh đấu vũ trang để dành độc lập. Cách đây 2 năm, khi sắc dân Ibo ly khai khỏi Nigéria để thành lập một quốc-gia Biafra, quốc gia này có một dân số là 15 triệu trên một lãnh thổ là 100.000 cây số vuông. Sau hai năm chiến tranh, quốc-gia này giờ thu nhỏ lại chỉ còn một lãnh thổ là 24.000 cây số vuông với một dân số là 7 triệu. Trong khi nền kinh-tế của Nigéria đang phát triển mạnh, tại Biafra dân chúng bị nạn đói đe dọa. Các tổ chức từ thiện quốc-tế đã tổ chức cứu trợ. Nhưng nhiều lần quân Nigéria đã bắn hạ những phi cơ cứu trợ vì nhiều quốc gia đã lợi dụng công cuộc cứu trợ để chở vũ khí sang Biafra. Vì sự cương quyết của Biafra, chiến tranh bộ lạc này khó có thể chấm dứt được.

Tranh chấp bộ-lạc chỉ là một khía cạnh của các vấn đề mà Hắc-Phi phải đối phó trong giai-đoạn hiện tại. Các nhà lãnh đạo Phi-châu còn phải gặp

nhiều khó khăn trong việc đi tìm một đường lối chính-trị và kinh-tế nữa.

Có những quốc gia quyết định theo đường lối tư-bản thân Tây-phương. Đó là trường hợp của Sénégal. Ông Léopold Senghor đang tìm cách đối phó với các cuộc biểu-tình của thợ thuyền cùng sinh-viên học-sinh và một mặt khác, tranh đấu với các giới tư-bản Âu-châu để buộc họ bỏ thái độ thực dân ngỗ hầu giảm sự bất bình của dân chúng.

Nếu thí nghiệm tư bản của ông Senghor đang gặp khó khăn thì thí nghiệm xã-hội của ông Sekou Touré, Tổng-thống Guinée, cũng gặp trở ngại không kém. Thật vậy ngay từ khi độc lập vào năm 1958, Guinée đã ly khai hẳn với ảnh hưởng của Pháp. Ông Sékou Touré đã được Nga viện trợ nhiều nhưng ông cũng không lượm được những kết quả mong muốn. Vì vậy hiện thời Phi-Châu đang bước qua một cuộc khủng hoảng kinh-tế và xã-hội trầm trọng. Các lực lượng khuynh-hữu và quân đội đang tìm cách lật đổ ông Sekou Touré.

Như vậy ta thấy hiện thời các nhà lãnh tụ Hắc Phi chưa tìm ra được một đường lối phù hợp với nguyện vọng của dân chúng. Đường lối này không phải là đường lối tư-bản hay cộng sản mà là một đường lối Phi-châu để đáp ứng với hoài bão của nhân dân Phi-châu.

TỪ TRÌ

Mến tiếc và kính nhớ

CỤ NGUYỄN - VÂN - MÙI

Giáo-sư Viện Đại-học Đalat

L. M. Trần Thái Đình

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Thuốc lá và ung thư phổi.

Thuốc ngừa thai

và ung thư vú

Mặc dầu người ta chưa tìm ra được chất gây ra ung thư trong khói thuốc, nhưng những bản thống-kê đều cho thấy tỉ-lệ ung-thư phổi tăng lên rất nhiều trong giới ghiền thuốc lá. Sau khi bản tường trình « Smoking and Health » được công bố, các Công ty sản xuất thuốc điếu ở Mỹ đã bị bắt buộc phải in hàng chữ « Caution : Smoking may be hasardous to your health » (Lưu ý : hút thuốc có thể hại cho sức khỏe) trên mỗi bao thuốc. Hàng chữ này có tác dụng làm cho hàng triệu người thoát khỏi được sức cám dỗ của thuốc lá. Tuy nhiên đó chỉ là một con số quá nhỏ bé so với tổng số người nghiện thuốc trên thế-giới. Giới y-học đang cố gắng tìm kiếm để đưa ra một bằng cứ hiển nhiên để việc cấm hút thuốc lá trở nên bắt buộc như việc chích ngừa.

Nếu trong việc hút thuốc đàn ông trội hơn đàn bà, thì trong việc dùng thuốc ngừa thai đàn bà chiếm độc quyền. Nó trở thành quen thuộc đến nỗi viên thuốc trở nên một vật dụng thiết yếu hàng ngày của người phụ nữ Âu Tây. Ở những nước đông dân cư như Ấn-độ và Nhật-bản, người phụ nữ được chính thức khuyến cáo nên dùng thuốc ngừa thai.

Nhưng đồng thời các bệnh viện ở các nước này cũng tiếp nhận một số bệnh

nhân bị ung thư vú càng ngày càng nhiều. Hầu hết bệnh nhân đều đã dùng thuốc ngừa thai trong một thời gian khá lâu. Người đàn bà bị ung thư vú vì sự thặng dư oestrogèn, một kích thích tố nữ có trong viên thuốc ngừa thai. Theo bản thống-kê mới nhất thì có chừng 60/o đàn bà dùng thuốc ngừa thai bị ung thư vú sau đó. Hiện nay ở Mỹ có vào khoảng 10 triệu phụ nữ dùng loại thuốc này, và như thế trong vòng 5 năm tới sẽ có 600.000 người bị ung thư vú.

Ung thư vú có thể chữa khỏi 800/o, nếu chữa trị sớm bằng cách... cắt bỏ hoàn toàn cả một bên ngực hay cả hai bên. Hãy tưởng tượng một người đàn bà được chữa ung thư theo kiểu ấy !. Cho tới một lúc nào đó, khi viên thuốc này lan tràn trong giới phụ nữ như thuốc lá trong thế giới đàn ông, lúc ấy muốn hạn chế thuốc ngừa thai có lẽ chỉ cần vẽ hình một người đàn bà đã được chữa lành ung thư vú trên mỗi bao thuốc là đủ.

**Những ông già có quả tim
đôi mươi**

Những ông già có quả tim 20 là những ông già không nên nết ! Nhưng đó không phải lỗi ở ông ta, bởi vì tuổi thọ là của ông mà quả tim là của người khác.

Về phương-diện tâm-lý, ghép tim có những hậu quả không mấy đẹp đẽ. Các nhà bác học đã nhận thấy sự thay đổi tính tình rõ rệt của các bệnh nhân sau

khi được ghép một quả tim của người khác vào cơ-thể họ. Có bệnh nhân sau khi được ghép tim có cảm tưởng như bác sĩ và các nữ điều dưỡng đang tìm cách đầu độc ông ta. Cũng có bệnh nhân tin rằng ông ta thấu nhận luôn cả tính tình của người khác cùng một lúc với quả tim của người ấy.

Trong đoàn ghép tim của bác sĩ Shumway, ngoài bác sĩ giải phẫu đóng vai trò chính, còn thêm một chuyên viên về thuốc mê, một bác sĩ chuyên môn về tim, một nhà sinh-lý-học và một nhà... tâm-lý-học.

Thuốc chủng ngừa ung-thư !

Những công trình ghép thận, ghép tim từ người này sang người nọ đặt ra cho các nhà bác học những vấn đề mới. Trong việc ghép các cơ quan này, vấn đề khó khăn không phải ở kỹ thuật giải phẫu mà ở chỗ làm cách nào cho cơ thể người nhận chịu chấp nhận sự hiện diện của một vật lạ mà không sinh ra những phản ứng chống lại. Người ta đã giải quyết vấn đề bằng cách dùng những loại thuốc kìm hãm tính miễn dịch của cơ thể người nhận, nghĩa là làm giảm khả năng tự vệ của cơ-thể đối với các vật ngoại lai. Do đó mà các bệnh nhân hay bị chết vì nhiễm trùng : chẳng hạn như Washansky, người được ghép tim đầu tiên của bác sĩ Barnard đã bị chết vì chứng sưng phổi. Đồng thời, bác sĩ Thomas E. Starzl thuộc Viện Đại-học Colorado nhận thấy 15 trong số 2.550 người ghép thận đã bị ung thư sau đó.

Bác sĩ Starze cho rằng cơ thể có cùng một hệ-thống chống đối lại các vật lạ

cũng như các tế bào ung thư. Khi một tế bào bắt đầu có ác tính thì nó bị cơ thể coi như tế bào lạ và tiêu diệt nó. Nếu khi hệ thống tự vệ này bị kìm hãm như trong lúc ghép thận thì tế bào ung thư có cơ hội phát triển nhanh hơn. Từ lý thuyết đó, bác sĩ Starze hy vọng có thể tìm ra một loại thuốc hoặc thuốc chủng giúp gia tăng sự chống đối của cơ thể đối với các tế bào ung thư.

Bertrand Russell nổi giận

Tổng thống D. Eisenhower thọ 78 tuổi. Đáng lẽ tuổi thọ của ông chỉ được 77 tuổi thôi. Ông bị 7 cơn đau tim, một lần nghẽn ruột, một lần sưng phổi, bấy nhiêu bệnh tật tưởng đã làm cho ông từ trần sớm hơn. Chính sự tiến bộ của nền y-học Hoa-kỳ đã tặng cho vị Tổng-thống của họ một tuổi trời.

Nếu những cố gắng đó làm cho giới y học Hoa-kỳ hãnh diện thì nó lại làm cho bác sĩ Vickery, một bác sĩ người Anh, bất mãn. Ông này cho những nỗ lực đó là vô ích. Tới một tuổi nào đó thì nên đề cho những ông già chết yên thân. Người ta không nên tốn công tốn của để níu kéo lại cõi trần những ông già khom, bệnh hoạn. Ông ta chọn tuổi 80 làm tuổi lý tưởng để chết.

Bác sĩ Vickery năm nay đúng 52 tuổi. Những lời tuyên bố của ông làm cho Bertrand Russell, một triết gia nổi tiếng, người đồng hương của ông ta, và cũng là một lão nhân 96 tuổi, nổi giận. B. Russell tuyên bố : « Rõ ràng ông bác sĩ này chưa đủ già để hiểu rõ hơn ».

Malraux làm báo ở Saigon

Bộ hồi ký *Le bruit de nos pas* của Clara Malraux đã ra đời tới cuốn thứ ba : *Les combats et les jeux*.

Trong đó có một tiết lộ liên quan đến chúng ta : Vào khoảng 1924-1925, cặp André Malraux và Clara Malraux có cho ra ở Saigon một tờ nhật báo cấp tiến. A ! Malraux, bạn đồng nghiệp !

Tài liệu

Đề viết một tác phẩm về cuộc chiến tranh ở Jérusalem năm 1948, Dominique Lapierre và Larry Collins đã bỏ ra tám tháng trời để bới tìm sự thực giữa 3 tấn tài liệu, và 2 nghìn cuộc phỏng vấn !

Quan Huê-kỳ.

Hoa-kỳ là nước văn minh, Hoa-kỳ sống giữa máy móc. Mỗi việc mỗi cần tới kỹ thuật, ở đâu cũng thấy bàn tay và bộ óc của chuyên viên. Xã-hội Hoa kỳ tồn tại và phát triển nhờ vào khả năng của trí thức.

Có điều đáng nói là trí thức phụng sự xã hội mà không quyết định được đường hướng phát triển của xã-hội. Tiến về hướng này chăng ? hướng kia chăng ? đánh nhau ở Việt-nam chăng ? không đánh nhau chăng ? Những cái đó thoát ra ngoài vòng định đoạt của chuyên-gia, của trí thức. Xã hội chọn lấy con đường nó đi, bằng cách nào đó, rồi trí thức chỉ có việc đem tài trí ra phục vụ. Hoặc là chống đối lại, phản kháng.

Hạng phục vụ, Noam Chomsky gọi là những ông quan. Danh từ dùng ở xã-

hội Tàu ngày xưa. Noam Chomsky nghĩ ngợi về thân phận các ông quan Hoa-kỳ trong cuốn *L'Amérique ses nouveaux mandarins*.

Hội Cười quốc tế

Tới Hội chợ quốc tế tại Gia-nã-đại năm 1967, Thụy-sĩ có một gian hàng rộng 3 nghìn thước vuông, ở thành phố Montréal.

Hội chợ bể mạc, nước Thụy-sĩ có cái mỹ ý biểu gian hàng ấy lại cho một họa sĩ Gia-nã-đại là Robert La Palme.

Robert La Palme là ai, ông làm cái gì mà được một món quà quá xá vậy ?

— Ấy là một già 61 tuổi, người bé nhỏ, nhưng chí lớn. Ông ta lập ra một Liên-hiệp-quốc. Vâng, gian hàng Thụy-sĩ nọ hiện thời đã được biến thành trụ sở của hội Liên-Hiệp-Quốc của tiếng Cười. Nói cách khác, Robert LaPalme đã biến ra một viện bảo tàng, trình bày tác phẩm hoạt họa, hí họa của mọi dân tộc trên thế giới.

Nói là viện bảo tàng, nhưng không quá nghiêm trang, khắc khổ. (Nếu thế, nó đâu xứng đáng là nơi lưu giữ nụ cười ?) Nơi đây có phòng chiếu xi-nê 500 chỗ ngồi, chuyên chiếu phim khôi hài. Nơi đây cũng có thư viện chứa toàn sách nghiên cứu về hài tính. Tha hồ tới đó : xem tranh, xem sách, xem phim, xem gì cũng cười được.

TRÀNG THIÊN

7-1969

Sách quê-hương dân-tộc

Một vài năm nay, những nhà xuất-bản nhận thấy có sự chuyển hướng trong việc lựa sách của người đọc. Những sách «chường» trước tràn ngập các quán sách, nay hầu như chỉ còn những cuốn truyện mới nhất của Kim-Dung. Một số sách phổ thông kiến thức, sách « học làm người » lại bán rất chạy. Một loại sách khác cũng được nhiều người tìm đọc là những sách nói về quê hương đất nước, như tập hình ảnh «Việt-nam quê hương yêu dấu» của nhiếp ảnh 2 gia Cao-Đàm Cao-Linh, như những bộ sách «Nếp cũ» «Việt-nam chí lược» của nhà văn Toan Ánh.

Ô. Toan-Ánh trước kia đã viết nhiều cuốn sách về phong tục, hoặc thuộc loại khảo cứu như *Phong lưu đồng ruộng*, *Bó hoa Bắc Việt*, hoặc dưới hình thức tiểu thuyết, truyện ngắn như *Nếp xưa*, *Trong lũy tre xanh* v..v. Từ năm 65-66 ông khởi soạn bộ: *Nếp cũ* và cho tới nay đã ấn hành được trong bộ này: *Con người Việt nam*, *Tín ngưỡng Việt nam* (quyển thượng và hạ), *Làng xóm Việt nam*. Những sách trên đây, dày từ 420 đến 470 trang trình bày về phong tục VN qua đời sống về con người từ lúc mới sinh đến khi đi học, đi thi, lập gia đình, làm nhà cửa, khao vọng và tới khi chết với tang lễ, mộ phần.. Hoặc về tín ngưỡng V.N. từ thờ tổ tiên, thần thánh đến các tôn giáo: Lão, Nho, Phật, Hòa Hảo, Cao Đài Thiên Chúa, Tin Lành, Bah'á, Hồi giáo, các ông Đạo, tới những phép đoán điềm giải mộng, bói, tướng và các lễ tiết... Hoặc làng xóm V.N. từ sự tổ chức, đến nếp sinh hoạt và cách tế lễ, tục lệ ngày Tết ở thôn quê.

Cuốn «Làng xóm Việt-nam», theo Ô. Toan Ánh, đã được một giáo sư Đại học

Nhật-bản tại Đông-kinh yêu cầu cho phép phiên dịch ra Nhật ngữ.

Bộ «Việt-nam địa-chí» đã ấn hành được 2 cuốn: *Người Việt đất Việt* và *Miền Bắc khai nguyên*. Tất nhiên những cuốn ra kế tiếp sẽ là: *Miền Cao nguyên*, *Miền Trung* và *Miền Nam*.

Hai cuốn mới nhất của tác giả «Nếp cũ» là *Múa thiết lĩnh... ném bút chì...* tiểu thuyết hoá một tài liệu võ nghệ dân gian của Việt-nam và *Nghệ thuật ăn trộm và bắt trộm của người xưa*.

Các nhà văn nổi giận

Và cơn giận đã trút cả lên đầu Sở kiểm duyệt của nhà nước trong buổi tiếp tân của Nhà xuất bản Trình Bày vào 5 giờ chiều ngày 6-7-69 tại Lữ quán Đại-lục, nhân dịp phát hành ấn phẩm thứ 50: cuốn «Con Voi», nguyên tác của Slawomir Mrozek — một nhà văn Ba-Lan và bản dịch của Diễm Châu.

Thực ra vào lúc gần 5 giờ chiều, bắt đầu cuộc tiếp tân, thì cơn mưa đột nước ngọt kéo đến và mưa như trút đến tận 8.9 giờ tối hôm đó. Tuy vậy số nhà văn tới trước giờ và đội mưa tới dự cũng khá đông đảo, nhất là cụ Mai Thọ Truyền Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa, cũng đã có mặt trong buổi đó.

Trong diễn văn «chào mừng những người làm văn hóa nghệ thuật V.N.» nhà văn Thế Nguyên, đại diện nhà xuất bản Trình Bày, đã nói: «Trong lãnh vực văn hóa nói chung và văn chương nói riêng, kiểm duyệt là một hình thức bạo động ghê tởm nhất, vì không những nó đe dọa đời sống vật chất của các nhà văn mà còn làm băng hoại đời sống tinh thần của cả một dân tộc».

Tiếp theo Thế Nguyên là một số các nhà văn : Thế Uyên, Cao Thế Dung, Doãn Quốc Sĩ, Viên Linh, Trần Dạ Từ... lần lượt lên phát biểu ý kiến, bày tỏ sự bất bình và phản nộ đối với cơ quan kiểm duyệt, «sự đe dọa và cấm kỵ thường xuyên» trong công việc sáng tác. Phải ghi nhận là có một tiếng nói khác biệt. Đó là ý kiến của Cụ Mai Thọ Truyền. Cụ trách những người phản đối chế độ kiểm duyệt là «quá chủ quan» vì họ chỉ đứng về phía của mình mà không đặt vấn đề chung của quốc gia vì «thực ra kiểm duyệt chỉ là một trách nhiệm củ chánh quyền nhằm bảo vệ an ninh và quyền lợi của dân chúng».

Các nhà văn không phải đến bữa tiếp tân của nhà xuất bản Trình Bầy mới bày tỏ thái độ. Trước đây mấy tháng đã có một kiến- nghị của 100 nhà văn yêu cầu chính quyền bỏ kiểm duyệt rồi.

Thực ra những người cầm bút đã phản đối cơ quan kiểm duyệt và sự kiểm duyệt ần loát phẩm vì nhiều lẽ : Cái tên « Sở phối hợp nghệ thuật » đã là một sự lăng mạ nghệ-thuật rồi bởi vì làm công việc gạch xóa các ấn phẩm tất nhiên không thể gọi là « phối hợp nghệ thuật » được. Chính quyền tất không có ý đánh giá nghệ thuật thấp đến thế. Vả chăng chính ông Chánh sự vụ Sở phối hợp, trong lá thư gửi cho nhật báo Hòa Bình đăng trên mục «Vui buồn với bạn đọc» ngày 8-7-69 cũng không hề gọi nhân viên của ông là «phối hợp viên», mà chỉ gọi thực thà là «kiểm duyệt viên» mà thôi.

Sở kiểm duyệt lại không hề nêu lên minh bạch những tiêu chuẩn «cấm kỵ» nên các người cầm bút thực khó mà hiểu là tác phẩm của mình sẽ được suy diễn ra sao. Những chỗ gạch xóa trên bản thảo và những lời phán xét của cơ quan kiểm

duyet lắm khi dành cho người sáng tác một ngạc nhiên đến... kinh hoàng.

Báo chí là ấn phẩm được in ra có khi đến hàng 100.000 số, phổ biến thật rộng khắp, mà còn không bị kiểm duyệt thì sách là loại ấn phẩm, thường chỉ in ra được vài ngàn cuốn, tại sao lại không được hưởng sự tự do mà Hiến pháp đã qui định.

Do đó người ta hiểu tại sao tất cả những người làm văn học nghệ thuật lại nhất loạt đồng tình với nhà văn Thế- Nguyên khi ông cho rằng «kiểm duyệt là một hình thức bạo động» và «là một sự lăng mạ thường trực đối với nền dân chủ».

Cúi mặt

Truyện dài «Cúi mặt» của Bùi Đăng đăng trên Bách Khoa năm 1968 đã được Nha Điện Ảnh quyết định quay thành phim dài, lâu 90 phút, và đạo diễn sẽ là Ô. Thân Trọng Kỳ, nhà đạo diễn phim *Chờ sáng*. Tác giả truyện «Cúi mặt» tên thực là Bùi Đăng Khuê trước là nhà giáo cùng dạy học với nhà văn Y-Uyên, sau cũng nhập ngũ như tác giả «Tượng đá sườn non» và hiện ở Tiểu đoàn 4 Trung đoàn 6, Sư đoàn 2 bộ binh. Nha Điện-ảnh đã nhờ Bộ Thông Tin can thiệp đề xin Bùi đăng Khuê về Saigon phụ tá cho đạo diễn Thân Trọng Kỳ trong khi thực hiện cuốn phim Cúi mặt. Nhưng sự can thiệp chưa có kết quả thì tác giả truyện «Cúi mặt» đã bị thương ngày 22-6 vừa qua trong một trận giao tranh gần miền biển. Viên đạn xoáy khuyết mất một miếng gan và chỉ nhích lên một phân là trúng tim ! Ông đã được giải phẫu và thoát chết, và lúc nằm ở Bệnh viện 1 Dã chiến, mới đây, ông mới rõ là truyện của ông đã được Nha Điện Ảnh chọn để quay thành phim ! Kể ra ông cũng còn may mắn hơn Y Uyên và các bạn quen ai cũng mừng cho ông.

THU THỦY

HỘP THƯ

Tạp chí Bách Khoa đã nhận được bài của quý bạn sau đây :

Dương viết Quyền ; Trần văn My ; Hoàng Đình Huy Quin ; Vu Đoài ; Trần Đình Thái ; Nguyễn ngọc Hoài Bắc ; Nguyễn Tường Văn ; Khế Iêm ; Hoài Yên Thi ; Hàn Thế Phong ; Nguyễn thị Mỹ Linh ; Trần Dza Lữ ; Đông An ; Từ Huy Vũ ; Yên Thức ; Bạch Du ; Nguyễn Đình Cừ ; Rừng Rú ; Lê Nhược Thủy ; Ngụy Ngữ ; Nguyễn Ban Sơ ; Tô Nhược Châu ; Nguyễn Thiên Thụ ; Phan Thảo Vy ; Định Lan ; Trần Hà ; Đặng Tấn Tới ; Tô Hưng Ba ; Lê vi Ngọc ; Nguyễn Hoài Vọng ; Đông Trình ; Uyên Hà ; Ý Yên ; Nguyễn Tường Văn ; Lê văn Trung ; Đặng Đức Côn ; Đỗ Tiến Lộ ; Nguyễn ngọc Tường ; Lê văn Ngăn ; Văn Lê Thiên.

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn. Những bài nào đăng được, chúng tôi sẽ trả lời bằng thư riêng hoặc ấn tin trên mục Hộp thư này trên 2 số báo tới đây.

Ô Rahman Ayounathav ; O. Thái Lãng ; Ô. Khánh Linh. — Xin cho Tòa soạn biết địa-chỉ để tiện liên lạc

— Ô. Võ văn Châu (Huế). Đã nhận được bài về Vàng. Sẽ xin có thư riêng và xin chuyển giao lá thư sang Tòa soạn V.H.N.S.

— Ông Lê Bá Lãng (Huế) : Đã nhận được truyện ngắn và thư sau này của anh chỉ cho biết chỗ sai lầm trong mục "Truyện ngắn" trên Mục lục 6 tháng đầu năm. Rất cảm ơn anh. "Sẽ đọc "Thư từ D.M.Z" và trả lời anh sau.

— Ô. Hạ đình Thao (Phú Nhuận). Sẽ đăng "Cách ngắn". Anh cho biết ngay địa chỉ để tiện gửi báo tới.

— O. Thủy Triều : Sẽ đăng "Từ vùng lửa đạn". Chúc anh mọi sự vui vẻ, may mắn. Chắc anh đã nhận được báo gửi về KBC 4091 rồi, và đã đăng Q.C. trong đó.

Sách báo mới

— Les Upanisad sont-elles une interprétation de données mystiques bản in rời của Hoành-Son Hoàng Sỹ Quý trích trong tạp chí Lịch sử những tôn giáo (Revue de l'Histoire des religions) do nhà xuất-bản Presses Universitaires de France ấn hành dày 11 trang, do tác giả gửi tặng.

Người thầy học cũ tập truyện của Mai-Thảo, do Văn-Uyên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 146 trang gồm 9 truyện đặc sắc của tác giả, bìa của Nguyễn Trung. Giá nhất định 30 đ.

— Mưa nguồn truyện dài của Bích Thủy, phỏng theo truyện "Emmanuel" của Renée Manière, do Anh-Huy xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 146 trang, thuộc tủ sách Tuổi Hoa, thích hợp với thiếu nhi, Giá 40 đ.

Tuổi hạ thi phẩm đầu hay của Hoàng Hải Đảo, do Hương Mây xuất bản và gửi tặng. Sách dày 50 trang, gồm 24 bài thơ, Giá 50 đ.

Tân Văn số 14, tháng 6/69 dày 112 trang gồm những bài tiểu luận, sáng tác và tài liệu của : Nguyễn văn Xuân, Trần ngọc Ninh, Đàm quang Thận, Bình nguyên Lộc, Doãn quốc Sỹ, Du Tử Lễ, Nguyễn đình Toàn, Thư Trung. Giá 30đ.

Tư Tưởng số 2 ngày 17-69. Kỷ niệm Phật đản 2513 với chủ đề : "Phật giáo và hòa bình" do các cây bút : Thích Minh Châu, Ngô Trọng Anh, Mai Thọ Truyền, Khantipalo, K.L. Dalal, P Garreau, Nguyễn Hữu Hiệu dày 98 trang, Giá 40 đ.

PHẠM CAO DƯƠNG
THỰC TRẠNG CỦA GIỚI
NÔNG DÂN VIỆT NAM
DƯỚI THỜI PHÁP THUỘC

Bán tại :

Nhà sách KHAI TRÍ

62 Lê Lợi Saigon

Giá 15đ

Trong cuốn *République VII* Platon đã vạch chương trình học tập cho hạng ưu tú :

- Từ nhỏ tới 20 tuổi : tập thể dục, học chữ, số học, hình học.
- Từ 20 đến 30 tuổi : học toán, âm hưởng học, thiên văn học.
- Từ 30 đến 35 tuổi : học *biện-chứng-pháp*
- Từ 35 đến 50 tuổi : ra cầm quyền cai trị quốc gia
- Từ 50 tuổi về sau : trở lại nghiên cứu *biện-chứng-pháp* để làm cố vấn cho các vị lãnh đạo quốc dân.

Vậy, các độc giả ưu tú, xin hãy đọc ngay **BIỆN CHỨNG PHÁP LÀ GÌ ?** của Trần-Thái-Đĩnh

Đã có bán

VĂN HỌC TRUNG QUỐC HIỆN ĐẠI
của NCUYỄN HIEN LÊ

Trong lịch sử Trung Quốc không có thời nào mà văn học phản ánh đúng và ảnh hưởng lớn tới xã-hội bằng tiền bán thế kỷ XX

Tác giả đã phân tích 5 trào lưu văn học và giới thiệu khoảng 50 tác giả cùng 200 tác phẩm

Toàn bộ gồm 600 trang, chia làm hai cuốn :

Cuốn I từ 1808 đến 1937 đã phát hành

Cuốn II từ 1938 đến 1955 sẽ phát hành ngày 20-7-69

TÌNH DỤC

● Một tập hồ sơ đầy đủ nhất về tình dục do 50 bác sĩ, sinh lý gia, tâm lý gia, nhà xã hội học, triết gia trên toàn thế giới đồng trình bày. Cuốn sách rất cần thiết cho các bậc cha mẹ, nhà giáo, chủ gia đình, trai chưa vợ, gái chưa chồng, hoặc đã có gia đình rồi.

Tuy nhiên vì lương tâm nghề nghiệp, dịch giả yêu cầu các độc giả dưới 18 tuổi không nên đọc.

Dịch giả : **THỤ-NHÂN.** Nhà xuất bản : **NHỊ-NÙNG**